

PHẦN 3

7. Tương trạng bất đồng giữa huệ hạnh Bồ Tát và sơ nghiệp Bồ Tát

Đoạn dưới đây thuyết minh Pháp Thân Đại Sĩ và sơ học Bồ Tát chẳng giống nhau.

Chánh Kinh:

Nhĩ thời, Di Lạc Bồ Tát bạch Phật ngôn:

Thế Tôn! Như ngã giải Phật sở thuyết nghĩa, nhược Chư Bồ Tát ư hậu mạt thế, ngũ bách tuế trung.

(Lúc bấy giờ, Di Lạc Bồ Tát bạch Phật rằng:

Bạch Đức Thế Tôn! Như con hiểu nghĩa Đức Phật đã nói, nếu các Bồ Tát vào đời mạt sau, trong năm trăm năm)

Đây là nói về những người học Phật chúng ta trong hiện tại, chẳng luận là xuất gia hay tại gia.

Chánh Kinh:

Nhạo dục ly chư nghiệp chương triển phược.

(Thích được lìa các nghiệp chương trói buộc)

Tiếp theo đây nói đến năm sự việc, điều thứ nhất là “hy vọng”. Chữ “nhạo” là yêu thích, là hy vọng. Chúng ta hy vọng thoát khỏi nghiệp chương ràng buộc.

Chánh Kinh:

Tự vô tổn hại, nhi đắc giải thoát.

(Tự chẳng tổn hại mà được giải thoát)

Trong quá trình tu học của một đời này, có thể chẳng bị tổn hại mà còn giải trừ phiền não, thoát ly sanh tử luân hồi.

Chánh Kinh:

Thị nhân đương ư Bồ Tát hạnh trung thâm sanh tín giải.

(Người ấy nên sanh tâm tin hiểu sâu xa đối với hạnh Bồ Tát)

Nếu trong một đời này, quý vị mong đạt được hai mục tiêu; hai mục tiêu ấy vô cùng thuần chánh; nói theo cách bây giờ, mục tiêu thứ nhất là tiêu nghiệp chướng. Tôi nói “tiêu nghiệp chướng”, ai nấy đều hiểu, còn Kinh nói là “*thích được lìa các nghiệp chướng trói buộc*”. Mục tiêu thứ hai là liễu thoát sanh tử luân hồi. Nếu như quý vị học Phật, lấy điều này làm mục tiêu thì trong phần sau, Bồ Tát sẽ giảng hãy nên dùng tâm tư, thái độ như thế nào để tu hành. “*Người ấy nên sanh tâm tin hiểu sâu xa đối với hạnh Bồ Tát*”: Bộ Kinh này giảng về hạnh Bồ Tát. Đối với những điều được giảng trong Kinh này, quý vị phải sanh tâm tin hiểu sâu xa, phải tin tưởng, phải hiểu rõ nhé! Đức Phật dạy chúng ta trong Kinh này, điều thứ nhất là “*chẳng tìm lỗi người khác, chẳng nêu lỗi người khác*”; ở đây, Di Lạc Bồ Tát cũng nhắc lại:

Chánh Kinh:

Ư tha quá thất, bất sanh phân biệt.

(Đối với làm lỗi của người khác, chẳng sanh phân biệt)

Quý vị nói đi, học Phật phải bắt đầu từ đâu?

Phải bắt đầu từ chỗ này. Chẳng cần phải vạch tìm lỗi người khác, chẳng muốn thấy lỗi người khác, chẳng muốn kể lỗi người khác, cứ bắt đầu thực hiện từ chỗ này! Ý nghĩa của câu nói này, nghĩ ra rất sâu xa. Bởi vì căn bệnh lớn nhất của con người hiện thời là nói đến làm lỗi của người khác: Nhà họ Trương giỏi, nhà họ Lý dở. Chẳng chạm mặt nhau thì thôi, hễ chạm mặt nhau toàn là kể xấu người khác,

chớ hề kể tội chính mình! Quý vị thấy đó: Phật xếp chuyện này thành điều đầu tiên nhằm để trị căn bệnh nặng của quý vị đây. Nếu chẳng áp dụng cho khéo cách trị bệnh này, bệnh của kẻ ấy hết cách cứu!

Vì thế, bây giờ quý vị phải hiểu cho rõ: Ngày nay, chúng ta học Phật phải bắt đầu từ đâu? Đừng nói đến lỗi người khác, phải bắt đầu từ đó. Căn bệnh tập khí này rất nặng, hằng ngày chú ý tìm lỗi người khác, đó là tâm gì vậy? Tâm quý vị làm sao thanh tịnh cho được? Tâm chẳng thanh tịnh, niệm Phật chẳng thể Vãng Sanh. Bởi vậy, điều này chính là căn bệnh lớn đấy nghe! Chúng ta đều coi thường, đều chẳng chú ý đến sự việc này. Hôm nay đọc đến bộ Kinh này, suy nghĩ kỹ mới thấy có lý lắm chứ! Lại nghĩ đến Lục Tổ từng nói: “*Nếu ai chân thật tu đạo, chẳng thấy lỗi thế gian*” mới thấy câu ấy hoàn toàn tương ứng với điều Phật giảng ở đây.

Chánh Kinh:

Chí cầu Như Lai chân thật công đức.

(Chí cầu công đức chân thật của Như Lai)

Mục tiêu của bản thân chúng ta là gì? Là cầu công đức chân thật của Như Lai. Như Lai là ai? Là Chân Như bản tánh. Kinh Kim Cang giảng rất rõ ràng: Hễ nói đến “Như Lai” thì đều là từ tự tánh mà nói, còn nói “Chư Phật” là từ hình tướng mà nói. Bởi vậy, chẳng nói là “chí cầu công đức chân thật của Chư Phật”. Nếu nói “Chư Phật” là nói theo bề ngoài, nói theo mặt Tướng; nói “Như Lai” là nói theo mặt Tánh; nói theo công đức chân thật của tâm tánh, tự tánh. Điều khai thị này rất trọng yếu vậy!

Chánh Kinh:

Phật ngôn: “Như thị, như thị”.

(Phật nói: “Đúng như vậy, đúng như vậy”)

Di Lạc Bồ Tát thuyết pháp như thế, Đức Thế Tôn ấn chứng cho Ngài, ấn chứng điều Bồ Tát nói giống như là Phật nói. Phật bảo những điều Bồ Tát Di Lạc nói hoàn toàn chính xác.

Chánh Kinh:

Di Lạc! Thị cố đương ư Chư Bồ Tát đẳng phương tiện hạnh trung, thâm sanh tín giải.

(Này Di Lạc! Vì thế phải nên sanh lòng tin hiểu sâu xa đối với các hạnh phương tiện của hàng Bồ Tát).

Phật ấn chứng cho Bồ Tát xong, lại đặc biệt nhấn mạnh một điều: Phải sanh lòng tin hiểu sâu xa đối với hạnh Bồ Tát. Trong phần trên, Di Lạc Bồ Tát đã nói điều này rồi, ở đây, Đức Thế Tôn lại nhắc lại để chúng ta đoạn nghi sanh tín.

Chánh Kinh:

Hà dĩ cố? Huệ hạnh Bồ Tát phương tiện chi hạnh, nan tín giải cố.

(Vì sao vậy? Vì khó thể tin hiểu hạnh phương tiện của huệ hạnh Bồ Tát)

“Huệ hạnh” là Pháp Thân Đại Sĩ. Đối với họ, Đức Phật nói “phiền não tức Bồ Đề, sanh tử tức Niết Bàn”, chứ chẳng nói với ai khác. Hạnh phương tiện của họ quá sâu, ý nghĩa quá sâu, Thanh Văn, Duyên Giác, phàm phu đều chẳng thể lý giải. Chúng ta thấy được rằng: Kinh này thường giảng những điều chẳng thể nghĩ bàn, hạnh của các vị ấy thật chẳng thể nghĩ bàn.

Chánh Kinh:

Di Lạc! Thí như Tu Đà Hoàn nhân thị phàm phu hạnh.

(Này Di Lạc! Ví như bậc Tu Đà Hoàn thị hiện hạnh phàm phu)

Ở đây, Đức Phật nêu một thí dụ: Lấy địa vị tu hành chứng quả thấp nhất (Tu Đà Hoàn) nhằm chỉ rõ họ chẳng giống như chúng ta. Tu Đà Hoàn thị hiện làm phàm phu, giả vờ làm phàm phu, chứ họ chẳng phải thật sự là phàm phu đâu nhé!

Chánh Kinh:

Như thị phàm phu dữ Tu Đà Hoàn vị các sai biệt.

(Phàm phu như thế so với Tu Đà Hoàn thì địa vị sai biệt).

Đem phàm phu thật sự so với Tu Đà Hoàn thì sai biệt rất lớn.

Chánh Kinh:

Phàm phu ngu nhân dĩ tham, sân, si chi sở triền cố, đọa chư ác đạo.

(Kẻ phàm phu ngu muội do bị tham, sân, si trói buộc nên đọa vào các ác đạo)

Kẻ phàm phu ấy cả ngày từ sáng đến tối khởi tâm động niệm là tham, sân, si, mạn; học Phật cũng là tham, sân, si, mạn; thậm chí xuất gia vẫn cứ tham, sân, si, mạn; giảng Kinh thuyết pháp cũng là tham, sân, si, mạn. Trong phần trước, tôi đã chẳng từng nói rồi đó hay sao? Cúng dường, cung kính nhiều thì tiếng giảng sang sảng; cúng dường ít thì chẳng muốn giảng nữa, chỉ muốn gấp rút bỏ đi. Toàn là gây tạo tham, sân, si, mạn mà thôi! Tương lai sẽ đi về đâu? Đọa trong các ác đạo! Đó là phàm phu đấy!

Chánh Kinh:

Nhi Tu Đà Hoàn ư tham, sân, si, thiện năng liễu đạt; chung bất đọa lạc tam ác đạo nhĩ!

(Nhưng Tu Đà Hoàn khéo có thể liễu đạt tham, sân, si, trọn chẳng bị đọa lạc trong ba ác đạo)

Quý vị làm sao sánh bằng người ta! Tiểu Thừa Sơ Quả chưa đoạn tham, sân, si. Đức Phật đã giảng rất rõ ràng: Tiểu Thừa Tu Đà Hoàn đã đoạn tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc trong tam giới, nhưng tám mươi một phẩm Tư Hoặc hoàn toàn chưa đoạn, họ vẫn có đủ tham, sân, si. Nhưng dù có đủ tham, sân, si, họ đã liễu đạt, tức là đã hiểu rõ; cho nên dù có khởi lên ý niệm tham, sân, si, họ cũng chẳng bị đọa trong tam ác đạo. Bản lãnh của họ là ở chỗ này! Đối với tham, sân, si, mạn, chúng ta mê mà chẳng giác, họ đối với tham, sân, si là giác chẳng mê. Do giác chẳng mê nên có năng lực chẳng đọa tam ác đạo. Nêu ra một thí dụ rõ ràng như thế. Phạm phu còn chẳng sánh bằng Tu Đà Hoàn, huống hồ đem so với huệ hạnh Bồ Tát! Huệ hạnh là Pháp Thân Đại Sĩ đấy nhé!

Chánh Kinh:

Di Lặc! Huệ hạnh Bồ Tát diệt phục như thị, ư tham, sân, si tập khí vị đoạn.

(Này Di Lặc! Huệ hạnh Bồ Tát cũng giống như thế: Chưa đoạn tập khí tham, sân, si)

Huệ hạnh Bồ Tát phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân, đã đoạn tham, sân, si; xác thực là chẳng còn tham, sân, si, đã đoạn phiền não Kiến Tư, đã đoạn Trần Sa Vô Minh. Dù đã đoạn, họ vẫn còn có chút tập khí chưa đoạn. Điều này chẳng trở ngại chi. Chữ “tập khí” chẳng dễ hiểu cho lắm, Cổ nhân có nêu thí dụ sau đây cho chúng ta dễ hiểu: Ví như cái bình đựng rượu, rượu đã cạn sạch sành sanh, một giọt cũng chẳng còn, mặt trong bình đã được chùi sạch bóng, đích thực chẳng có gì hết, nhưng vẫn nghe thoảng chút mùi rượu. Đó gọi là “tập khí”. Trong thực tế, huệ hạnh Bồ Tát thật sự đã đoạn sạch tham, sân, si rồi, xác thực là chẳng còn có tham, sân, si, nhưng vẫn còn có chút tập khí.

Chánh Kinh:

Bỉ diệc biệt dư sơ nghiệp Bồ Tát.

(Họ cũng khác với các sơ nghiệp Bồ Tát khác)

Họ cũng chẳng giống với các sơ nghiệp Bồ Tát.

Chánh Kinh:

Hà dĩ cố? Kỳ tâm bất vị phiền não sở phú, bất đồng sơ nghiệp Chư Bồ Tát đẳng, độn hạnh Bồ Tát vô hữu thiện xảo, đồng chư phàm phu bất năng xuất ly.

(Vì sao vậy? Tâm họ chẳng bị phiền não che lấp, chẳng giống như những hàng sơ nghiệp Bồ Tát hoặc độn hạnh Bồ Tát chẳng có thiện xảo, giống như các phàm phu chẳng thể xuất ly).

Huệ hạnh Bồ Tát tập khí chưa đoạn, nhưng đã thật sự đoạn sạch phiền não rồi, xác thực chẳng có phiền não. Các ngài chẳng giống sơ nghiệp Bồ Tát. Chữ “*biệt*” ở đây nghĩa là sai biệt, chẳng giống nhau. Vì sao? “*Kỳ tâm bất vị phiền não sở phú*” (tâm họ chẳng bị phiền não che lấp). “Phú” là chướng ngại. Phiền não chẳng còn có thể gây trở ngại cho họ được nữa, bởi vậy, họ khác sơ nghiệp Bồ Tát.

“*Độn hạnh Bồ Tát*” là Bồ Tát độn căn, tức là hàng Bồ Tát không có trí huệ như trong Kinh này đã nói. Sơ học Bồ Tát và Bồ Tát không có trí huệ giống hệt như phàm phu. “*Không có thiện xảo, giống như phàm phu chẳng thể xuất ly*”: Chẳng thể lìa khỏi lục đạo, chẳng thể thoát ly tam giới.

Chánh Kinh:

Di Lặc! Huệ hạnh Bồ Tát nhất thiết trọng tội.

(*Này Di Lặc! Hết thấy trọng tội của huệ hạnh Bồ Tát*)

Những “*trọng tội*” ấy do tập khí biến hiện. Giống như trong năm mươi ba lần tham học của Kinh Hoa Nghiêm, chúng ta thấy có những vị huệ hạnh Bồ Tát: Bà la

môn Thắng Nhiệt ngu si, Cam Lộ Hỏa Vương nóng giận, cô gái Mật Tô Phiệt Đa tham ái. Ba vị ấy tượng trưng cho ba độc tham sân si. Đây là hết thầy trọng tội.

Chánh Kinh:

Đĩ trí huệ lực tất năng tồ diệt, diệt bất nhân bỉ, đọa u ác đạo.

(Do sức trí huệ nên đều có thể dẹp tan, cũng chẳng vì đó mà đọa ác đạo)

Sức trí huệ ấy là do quán hạnh tương ứng nên hiện ra vẻ tạo tác ác nghiệp như thế, chứ cõi lòng họ thanh tịnh, chẳng nhiễm mảy trần. Đối với hết thầy chúng sanh, họ thật sự đại từ đại bi, chỉ dùng thủ đoạn ấy để giáo hóa chúng sanh mà thôi. Vì thế, họ chẳng bị đọa ác đạo! Họ thường trụ trong Nhất Chân pháp giới, chẳng những không thuộc trong sáu đường, mà cũng chẳng thuộc trong mười pháp giới. Điều này chúng ta phải hiểu rõ, phải nhận thức rõ. Nếu hiểu lầm điều này là sai mất rồi. Hiểu được thân phận, năng lực của chính mình thì đối với những vị ấy, chúng ta chỉ biết kính ngưỡng, chứ tuyệt đối chẳng thể học theo, học theo là hỏng đấy!

Chánh Kinh:

Di Lặc! Thí như hữu nhân, u đại hỏa tụ, dầu dĩ tân mộc, sở sở thêm chi. Như thị thêm dĩ, kỳ diệm chuyển xí, di cánh tăng minh, vô hữu tận diệt.

(Này Di Lặc! Ví như có người đối với đống lửa lớn, bỏ thêm củi mới, nhiều lượt thêm củi. Thêm củi như thế, ngọn lửa càng cháy mạnh hơn, càng sáng thêm hơn, chẳng bị tắt mất).

Ở đây, Đức Phật nêu một tỷ dụ: Ví như có người đốt một chậu lửa, chẳng ngừng bỏ thêm củi vào. Bởi đó, lửa càng cháy càng mạnh thêm lên, ánh lửa càng lúc càng sáng rực hơn. Đây chính là “phiền não tức Bồ Đề”. Phiền não là củi, là củi khô nỏ, bỏ vào trong lửa càng làm cho ánh sáng tỏa bùng. Đoạn này có ý nghĩa như vậy.

Chánh Kinh:

Di Lạc! Huệ hạnh Bồ Tát diệt phục như thị, dĩ trí huệ hỏa thiêu phiền não tân.

(Này Di Lạc! Huệ hạnh Bồ Tát cũng giống như thế: Dùng lửa trí huệ đốt củi phiền não)

Ánh lửa tượng trưng trí huệ. Bỏ thêm củi vào, củi tức là phiền não, càng gieo phiền não vào thì trí huệ của họ càng lớn. Bởi thế, phiền não chính là Bồ Đề.

Chánh Kinh:

Như thị thêm dĩ, trí huệ chi hỏa chuyển cánh tăng minh, vô hữu diệt tận. Di Lạc! Như thị, như thị. Huệ hạnh Bồ Tát trí huệ chi lực, thiện xảo phương tiện, nan khả liễu tri.

(Thêm vào như vậy, lửa trí huệ hóa ra càng sáng hơn, chẳng bị tắt mất. Này Di Lạc! Đúng như vậy đấy, đúng như vậy đấy. Khó thể hiểu trọn sức trí huệ, phương tiện thiện xảo của huệ hạnh Bồ Tát)

Người bình thường chẳng thể biết nỗi điều này đâu nhé! Cảnh giới của các Ngài quá cao, sở chứng của các Ngài quá sâu. Bởi thế, đối với các Ngài, phiền não càng giúp tăng trưởng trí huệ, còn đối với chúng ta, phiền não giúp ta đọa tam đồ, phải cảm lấy khổ báo, hoàn toàn chẳng giống nhau!

8. Sơ nghiệp Bồ Tát phải nên quan sát những điều tai hại của lợi dưỡng, ồn náo, ngôn luận thế gian, sự vụ

Xem tiếp Kinh Văn, chúng ta sẽ thấy trong đoạn Kinh tiếp theo đây, Đức Phật đặc biệt giáo huấn chúng ta: Hàng sơ học Bồ Tát phải hiểu rõ những tai hại của danh văn, lợi dưỡng. Bởi lẽ, trong thời đại hiện tại, bất luận xuất gia hay tại gia phát tâm hành Bồ Tát đạo, hễ làm công tác hoằng pháp lợi sanh thì danh văn, lợi dưỡng sẽ hiện hữu rất nhanh. Nếu quý vị chẳng biết lợi hại, cứ để

nó lôi mình theo mãi thì thật đáng tiếc quá! Bởi thế, ở đây, Đức Phật đặc biệt nêu lời cảnh tỉnh. Xin hãy xem Kinh Văn:

Chánh Kinh:

Nhĩ thời, Di Lạc Bồ Tát Ma Ha Tát bạch Phật ngôn:

Thế Tôn! Sơ nghiệp Bồ Tát ký xuất gia dĩ, vị đắc huệ lực nhi dục đắc giả, đương xả hà pháp? Đương tu hà pháp? Vị sanh huệ lực năng linh xuất sanh, dĩ sanh huệ lực năng linh tăng trưởng.

(Lúc bấy giờ, Di Lạc Bồ Tát Ma Ha Tát bạch Phật rằng:

Bạch Đức Thế Tôn! Sơ nghiệp Bồ Tát đã xuất gia rồi, chưa đắc huệ lực mà muốn đắc thì nên bỏ những pháp nào? Nên tu những pháp nào để huệ lực chưa sanh sẽ sanh ra, huệ lực đã sanh sẽ được tăng trưởng?)

Câu hỏi của Bồ Tát chính là những điều tâm ta mong cầu. “*Sơ nghiệp Bồ Tát*” chính là sơ học Bồ Tát đã xuất gia rồi. Ý nghĩa chữ “xuất gia” này rất rộng, chẳng phải là cạo đầu, mặc áo rộng tay thụng mới là người xuất gia. Người như thế chưa chắc đã là xuất gia! Ở đây, xuất gia là đã thật sự đem những phiền não, tham ái trong tâm bỏ đi rồi thì mới gọi là “xuất gia”, tức là ra khỏi nhà phiền não, ra khỏi nhà sanh tử. Sáu nẻo luân hồi là nhà, vượt thoát khỏi sáu nẻo luân hồi là “*xuất gia*”. Chẳng thể thoát khỏi sáu nẻo luân hồi thì quý vị vẫn là tại gia vậy!

Lục đạo luân hồi được tạo thành như thế nào? Do phiền não tạo thành. Bởi thế, nếu trong tâm có thị phi, ta người, có tham, sân, si, mạn thì quý vị chưa xuất gia. Nếu trong tâm đã bỏ được thị phi, ta người, chẳng còn có tham, sân, si, mạn thì quý vị là xuất gia. Người mới xuất gia đó trí huệ chưa mở mang, đang mong được mở mang trí huệ. Cho nên “*đương xả hà pháp, đương tu hà pháp*”: Chúng ta nên bỏ những điều gì, nên tu những điều gì, ngõ hầu “*huệ lực chưa sanh sẽ được xuất sanh*”, trí huệ đã sanh sẽ tăng trưởng thêm, chẳng bị lui sụt. Những điều Di Lạc Bồ

Tát đã hỏi ở đây chính là điều tâm chúng ta mong mỏi. Tiếp theo đây, Đức Phật khai thị, chúng ta hãy nên chú ý.

Chánh Kinh:

Phật cáo Di Lạc Bồ Tát ngôn:

Di Lạc! Sơ nghiệp Bồ Tát ký xuất gia dĩ, dục linh huệ lực nhi đắc tăng trưởng, đương u lợi dưỡng tri kỳ quá thất, ung tu xả ly.

(Phật bảo Di Lạc Bồ Tát rằng:

Này Di Lạc! Sơ nghiệp Bồ Tát đã xuất gia rồi, muốn khiến cho huệ lực được tăng trưởng thì hãy nên biết lỗi lầm của lợi dưỡng, phải nên lìa bỏ nó).

Đây là lời đáp cho câu hỏi “*Bồ Tát nên xả những pháp nào?*” Ở đây, Đức Phật dạy rõ: Phải bỏ danh văn, lợi dưỡng. Muốn bỏ được danh văn, lợi dưỡng thì trước hết phải hiểu được những lỗi lầm của danh văn, lợi dưỡng. Nếu quý vị đã biết những tai hại của chúng, tự nhiên quý vị sẽ bỏ được.

Chánh Kinh:

Nhược háo hội náo, thế tục ngôn thoại, đam trước thùy miên, quảng doanh chúng vụ, nhạo chư hý luận, như thị quá thất giai ung viễn ly.

(Nếu ưa thích náo nhiệt, ngôn luận thế tục, ham mê ngủ nghỉ, làm đủ mọi việc, thích các lời giỡn cợt; những làm lỗi như thế đều phải nên xa lìa).

Tiếp theo, lại đặc biệt thêm một câu.

Chánh Kinh:

Thị cố, ung xả lợi dưỡng.

(Vì thế, phải bỏ lợi dưỡng).

Quý vị xem đó: Trong đoạn này, Đức Phật hai lần nhắc đến lợi dưỡng, đủ thấy tội lỗi nằm tại lợi dưỡng. Nếu chẳng tham lợi dưỡng sẽ dễ dàng bỏ

được những sai trái khác. Tham chấp lợi dưỡng thì những lỗi lầm khác cũng chẳng dễ gì bỏ được. Những lỗi lầm được nói trong phần này chính là những vấn đề chuyên được bàn luận trong quyển này (quyển Hạ). “*Hội náo*” tức là náo nhiệt, nơi chốn náo nhiệt không có mảy may lợi ích gì. “*Thế tục ngôn thoại*”: Chữ “*ngôn thoại*” bây giờ gọi là “*ngôn luận*”, những ngôn luận đó chẳng giúp ích gì cho việc liễu sanh thoát tử, xuất tam giới. Bởi lẽ, phạm vi của “*ngôn luận thế tục*” rộng lớn phi thường, có thể nói là ngoại trừ Phật pháp ra, tất cả đều là “*ngôn luận thế tục*” vì quý vị chưa lìa khỏi tam giới, chưa lìa khỏi lục đạo mà!

“*Đam trước thù miên*” là tham ngủ đấy! “*Quảng doanh chúng vụ*”: “*Doanh*” là kinh doanh, “*vụ*” là sự vụ. “*Quảng*” là nhiều, một ngày từ sáng đến tối luôn lo liệu. “*Chúng*” cũng là nhiều. Lo toan bao nhiêu là sự việc chẳng dính dáng gì đến đạo nghiệp. “*Nhạo chư hý luận*”: Ưa thích nói giỡn. Những điều ấy đều là lỗi lầm, lỗi lầm rất lớn đấy! Ở đây, Đức Phật dạy chúng ta “*đều phải nên xa lìa*”, chẳng được tham chấp. Phải xa lìa, tránh xa. Trong đó, trọng yếu nhất là lợi dưỡng: “*Vì thế, phải bỏ lợi dưỡng*”. Đây là nói đến những pháp quý vị nên bỏ, những gì quý vị phải rời xa. Tiếp theo đây là những gì nên tu, nên tu những pháp nào? Xin thưa cùng quý vị, những điều được tu sẽ tương phản với những điều trên đây, đây là những gì quý vị cần phải tu.

Chánh Kinh:

Tu ư thiếu dục.

(Tu nơi thiếu dục).

Đối với người chân chánh tu hành, thật sự mong trong một đời này Vãng Sanh Tây Phương Cực Lạc Thế Giới thì điều kiện thứ nhất là Thiếu Dục.

Dục là dục vọng, thiếu dục là phải giảm thiểu dục vọng! Giảm thiểu đến mức độ nào? Mỗi ngày chúng ta ăn ba bữa đủ no, có được một bộ quần mặc đủ ấm, có một

gian nhà nhỏ để đụt nắng che mưa là đủ, là yên tâm rồi. Tâm có yên mới hành được đạo, nói cách khác là quý vị mới đạt được tâm thanh tịnh. Chẳng cần phải so sánh với người khác, thiên hạ ở căn nhà to, ra khỏi cửa đi xe nhãn hiệu sang trọng, chẳng cần thấy những điều đó, chẳng cần phải ganh đua với người khác. Những thứ đó là gì vậy? Quý vị chẳng cần biết xe người ta rất đẹp để làm chi, lái về đâu? Lái trên đường địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh đấy! Lúc quý vị thấy rõ rồi sẽ chẳng ưa thích nữa, đừng có thấy mình không có xe phải đi bộ đó nghe!

Chúng ta tiến về Tây Phương Cực Lạc Thế Giới, chẳng giống như họ đâu! Phương hướng, mục tiêu bất đồng, nhất định phải thấy rõ ràng. Bọn họ ngày ngày khiến tham, sân, si, phiền não tăng trưởng, còn chúng ta phải khiến trí huệ tăng trưởng, tâm mỗi ngày một thanh tịnh hơn. Phải biết thiếu dục, phải biết tri túc; thiếu dục tri túc là căn bản để chúng ta tu hành.

Chánh Kinh:

Xả chur hội náo.

(Bỏ các chỗ náo nhiệt).

Phải rời lìa những chỗ náo nhiệt.

Chánh Kinh:

Nhạo ư tịch tĩnh.

(Thích chôn tịch tĩnh)

Tâm ai định, kẻ ấy sẽ ở trong hoàn cảnh an tịnh rất tự tại. Nói theo cách bây giờ là “cam chịu tịch tịch”, đó là công phu đấy nhé! Có một số người chẳng chịu nổi cảnh tịch tịch, cứ thích nhiệt náo, không chịu nổi một ngày không nhiệt náo, cứ ưa phiền não thôi!

Chánh Kinh:

Xả chur thể thoại, quán ư thật nghĩa.

(Bỏ các lời thể tục, quán sát thật nghĩa)

“Thật nghĩa” là gì? Là chân tướng của nhân sanh vũ trụ. Quý vị phải dùng trí huệ để quán sát chân tướng của nhân sanh vũ trụ đấy! Chân tướng là gì? Kinh Kim Cang nói: “Ba tâm chẳng thể được. Các pháp duyên sanh, thể của chúng là không”, đó là thật nghĩa đấy! Đó là chân tướng của các pháp đấy!

Chánh Kinh:

Sơ dạ, hậu dạ, viễn ly thùi miên.

(Đầu đêm, cuối đêm, xa lìa ngủ nghỉ)

Ở đây, Đức Phật khuyên chúng ta mỗi ngày tốt nhất là ngủ bốn tiếng đồng hồ. Từ mười giờ tối đến hai giờ sáng là “trung dạ”. Đừng để phí uổng tác bóng tốt đẹp, phải dùng thời gian quý báu đó để niệm Phật.

Chánh Kinh:

Quán sát tư duy, tùy hạnh tu tập.

(Quán sát tư duy, tùy hạnh tu tập).

“Quán sát, tư duy” là chánh trí huệ, chánh tư duy trong Bát Chánh Đạo. “Tùy hạnh tu tập”: Hạnh là những cách xử thế, đãi người, tiếp vật trong cuộc sống thường ngày; phải nên tu, phải nên học nơi những hạnh ấy.

Chánh Kinh:

Xả ư chúng vụ, cập chur hý luận.

(Bỏ các sự việc và các hý luận)

Càng ít sự việc càng tốt, *“đa sự bất như thiểu sự, thiểu sự bất như vô sự”* (nhiều sự chẳng bằng ít sự, ít sự chẳng bằng vô sự). Đây chẳng phải là tiêu cực, ai nấy vô sự thiên hạ thái bình rồi! Mỗi cá nhân đều an cư lạc nghiệp. Vì sao

Thế Giới loạn lạc đường ấy? Người ham hố quá nhiều. Ai là kẻ ham hố? Kẻ ham hố là kẻ ham việc. Người tham việc rất nhiều. Người vô sự được tự tại, đấy chính là hưởng thụ thật sự.

Chánh Kinh:

Tu xuất thế đạo, từ niệm chúng sanh.

(Tu đạo xuất thế, nghĩ thương chúng sanh)

Nhất tâm nhất ý cầu sanh Tịnh Độ, nhưng vẫn từ bi đối với hết thảy chúng sanh, tận tâm tận lực khuyên bảo hết thảy chúng sanh tu trì pháp môn Niệm Phật, đó chính là “*từ niệm chúng sanh*”. Chỉ có mỗi pháp môn này là có thể giúp cho những cá nhân ngay trong một đời liễu sanh tử, xuất tam giới.

8.1. Mười một pháp chương đạo nghiêm trọng

Chánh Kinh:

Di Lặc! Sơ nghiệp Bồ Tát ký xuất gia dĩ, vị đắc huệ lực nhi dục đắc giả, thị pháp ung xả, thị pháp ung tu. Hà dĩ có? Di Lặc! Bỉ Chư Bồ Tát ký xuất gia dĩ, vị đắc huệ lực nhi dục đắc giả, bất xả lợi dưỡng, bất tu thiếu dục, vị sanh huệ lực đương linh xuất sanh, dĩ sanh huệ lực năng linh tăng trưởng, vô hữu thị xứ!

(Này Di Lặc! Sơ nghiệp Bồ Tát đã xuất gia rồi, chưa đắc huệ lực mà muốn đắc, phải bỏ những pháp ấy, phải tu những pháp ấy. Vì sao thế? Này Di Lặc! Các Bồ Tát đó đã xuất gia rồi, chưa đắc huệ lực mà muốn được đắc, nhưng nếu chẳng bỏ lợi dưỡng, chẳng tu thiếu dục, lại toan khiến cho huệ lực chưa sanh sẽ được xuất sanh, huệ lực đã sanh sẽ được tăng trưởng thì quyết chẳng có lẽ ấy!)

Trong đoạn này, Đức Phật giảng cho chúng ta về mười một pháp chương đạo nghiêm trọng. Phần trên đã nói là trong thời đại Mạt Pháp, bất luận tu học bất cứ pháp môn nào, nếu có một hai pháp trong mười một pháp ấy sẽ chẳng thể tu học

thành tựu; hướng chi là đầy đủ cả mười một pháp, đương nhiên sẽ chẳng thể thành tựu được. Bởi thế, chúng ta phải đặc biệt lưu ý, nhất định phải sửa trừ toàn bộ những căn bệnh này thì những điều chúng ta mong cầu mới hòng mãn nguyện. Những thí dụ được nêu ở đây là nhằm cầu khai trí huệ.

Câu “*sơ nghiệp Bồ Tát đã xuất gia rồi, chưa đắc huệ lực mà muốn đắc*” ý nói cầu khai trí huệ. Chúng ta chưa khai trí huệ, hy vọng tự mình mở mang trí huệ, bởi lẽ, chỉ có trí huệ mới giải quyết được mọi vấn đề. Nhất định phải hiểu rõ, phải minh bạch điều này. Định có công năng khuất phục phiền não, nhưng vẫn chẳng thể giải quyết vấn đề. Sau khi trí huệ mở mang, phiền não sẽ chuyển thành Bồ Đề. Vì thế, chuyển phiền não thành Bồ Đề là nhờ sức của trí huệ. Di Lặc Bồ Tát thay chúng ta khái thỉnh: Muốn mở mang trí huệ thì phải bỏ những pháp như thế, phải tu những pháp như thế.

“Xả” là buông xuống. Xem ra những pháp Đức Phật dạy chúng ta buông xuống, ta chưa hề buông xuống; những pháp Đức Phật dạy ta tu học, ta chưa từng tu học. Trong mười một điều ấy, điều thứ nhất là lợi dưỡng: “*Chẳng xả lợi dưỡng*”. Điều thứ hai là “*chẳng tu thiểu dục*”. Ở đây, Phật lại nhắc đến danh văn, lợi dưỡng, do đấy, ta biết chúng là bệnh căn (cội rễ của bệnh), quyết định chẳng để chúng tiêm nhiễm mình. Nhưng trong xã hội hiện tại, đặc biệt là tại Đài Loan và cả một giải Đông Nam Á, có thể nói là lợi dưỡng phong phú đứng đầu Thế Giới. Chúng ta thường hay nghe nói: “Vùng đất của quốc gia này nọ trở thành Đài Loan”. Mục đích trở thành Đài Loan là gì? Là lợi dưỡng phong phú, nhưng chẳng biết đến cái hại của lợi dưỡng. Hại gì? Tăng trưởng tâm tham, tăng trưởng keo bần.

Về phiền não, Phật dạy có sáu thứ căn bản phiền não: tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến. Sáu căn bản phiền não này lại quy nạp thành ba độc tham, sân, si. Ba độc lại quy nạp thành một loại là Tham. Vì thế Tham chính là cội rễ tối nguyên thủy của

tất cả hết thầy hiền nã. Lợi dưỡng tăng trưởng tâm tham; vì thế, Phật coi Tham quan trọng như thế đấy. Chưa đoạn được điều này, dù tu bất cứ pháp môn nào cũng chẳng thể thành tựu. Chẳng những không thành tựu, mà còn tuy học Phật pháp nhưng rốt cuộc biến thành yêu ma quỷ quái hết. Sao lại biến thành như thế? Do tham lam, keo kiệt, nên học Phật rốt cuộc biến thành ma hết. Vì thế, ngay câu đầu tiên trong đoạn Kinh này, Đức Phật đã dạy chúng ta phải bỏ lợi dưỡng. Bỏ lợi dưỡng thì nhất định phải tu khổ hạnh, phải tu thiếu dục vậy!

Cụ Hoàng Niệm Tổ ở Đại Lục có lần nói, tôi chưa đích thân nghe, chỉ nghe học trò cụ thuật lại, cụ chưa đến Đài Loan, nhưng cụ bảo: “*Ở Đài Loan không có người xuất gia, Đài Loan không có Phật pháp, Phật pháp ở Đài Loan là giả*”. Vì sao cụ nói như thế? Nói thật ra, chúng tôi đọc Kinh này xong, ít nhiều hiểu được lời cụ: Người xuất gia ở Đài Loan ai đã bỏ được lợi dưỡng? Ai chịu tu khổ hạnh? Vì thế, cụ bảo ngày nay Phật pháp ở tại Đại Lục Trung Quốc. Tôi chưa hề có dịp phỏng vấn người tu hành ở Đại Lục, chỉ nghe nói mà thôi.

Khi tôi ở Tân Gia Ba, Cư sĩ Lý Mộc Nguyên dẫn một phái đoàn đông đảo gồm bảy tám chục người qua Đại Lục thăm viếng, chuyên thưa hỏi về Phật Giáo, thời gian ước chừng mấy tháng. Họ thấy người chân chánh tu hành ở Hoa Lục đối với Phật pháp rất cung kính, khiến cho người khác than thở, trông vào, cảm động sâu xa. Kinh sách luôn đội trên đánh đầu, cung kính như thế đấy! Họ có được Kinh sách rất khó, chẳng giống như chúng ta ở đây có quá nhiều, có được quá dễ. Bọn họ sống thanh bần, áo mặc vá chằng vá đụp, ăn những thứ do chính mình trồng, vô cùng khổ cực. Lúc phái đoàn của ông Lý ra đi, muốn tặng tiền họ, chẳng ai chịu nhận. Tính tặng họ y phục, họ cũng chẳng chịu lấy. Họ nói cuộc sống chúng tôi quá tốt đẹp, nhưng người ngoài thấy họ khổ sở chẳng kham được nổi. Hỏi họ cần gì? Họ đáp cần Kinh sách, cần băng thâu âm. Họ không cần băng video vì họ đâu có tivi, chẳng xem được. Tặng họ những thứ ấy, họ xem như của báu.

Bởi vậy, phái đoàn Tân Gia Ba sau khi trở về, hết sức hồ thẹn, họ vốn tưởng mình tu rất hay, nhưng sánh với những người kia, khác gì một trời một vực, tâm cung kính mới thật sự sanh khởi. Điều bọn họ làm được chính là bỏ được lợi dưỡng, tu khổ hạnh, tuyệt đối chẳng có ý niệm tham cầu cuộc sống vật chất. Họ cũng chẳng mong người ngoài đến thăm viếng Đạo Tràng của mình, chẳng mở rộng cửa cho người ngoài, chân chánh thanh tu.

Nếu như chẳng bỏ lợi dưỡng, chẳng tu thiếu dục, thì ở đây Đức Phật nói: “*Lại toan khiến cho huệ lực chưa sanh sẽ được xuất sanh, huệ lực đã sanh sẽ được tăng trưởng thì quyết chẳng có lẽ ấy*”. “*Vô hữu thị xứ*” là chẳng có đạo lý ấy! Quý vị muốn khai trí huệ thì đừng có hòng! Đã có một điểm trí huệ, muốn được chẳng lui sụt thì cũng đừng có hòng!

Chánh Kinh:

Bất xả hội não, bất trụ tịch tĩnh, vị sanh huệ lực đương linh xuất sanh, dĩ sanh huệ lực năng linh tăng trưởng, diệt vô thị xứ!

(Chẳng bỏ não nhiệt, chẳng trụ tịch tĩnh, lại toan khiến cho huệ lực chưa sanh sẽ được xuất sanh, huệ lực đã sanh sẽ được tăng trưởng thì quyết cũng chẳng có lẽ ấy!)

Cũng chẳng có đạo lý này! Bởi lẽ, hoàn cảnh cư trụ tu học của quý vị phải an tịnh. Chúng ta là phàm phu, phàm phu chắc chắn bị ảnh hưởng bởi hoàn cảnh bên ngoài; bởi thế, chẳng thể không chọn lựa chỗ đặt Đạo Tràng, chỗ mình sanh sống; nhưng trong xã hội hiện tại, chúng tôi nghĩ rất khó chọn lựa, nhân khẩu quá đông, đâu đâu cũng đều là chỗ ồn ào, tìm đâu ra một chỗ an tịnh? Tìm chẳng được! Đảo Đài Loan này nhỏ xíu như thế, nhân khẩu đông như thế, cho nên chọn lấy một chỗ an tịnh, thực sự chẳng dễ dàng. Tuy thế, một điều rất trọng yếu nói chung vẫn là trong ồn não giữ lấy yên tịnh, rời khỏi chỗ não nhiệt. Hễ chỗ ồn não nào gây trở

ngại cho cái tâm thanh tịnh của chính mình thì phải biết rời bỏ nơi ấy. Điều thứ năm là:

Chánh Kinh:

Bất xả thế thoại, bất quán thật nghĩa.

(Chẳng bỏ lời lẽ thế tục, chẳng quán thật nghĩa)

Quý vị muốn mở mang trí huệ, cũng chẳng có lẽ ấy. “*Thế thoại*” tức là ngôn luận thế gian, chúng ta chưa thể bỏ được, bởi lẽ từ sáng đến tối phải ở chung với đại chúng, phải tiếp xúc đại chúng, trọn chẳng thể không nói năng được! Với loại ngôn luận này, phải biết là càng ít càng hay, điều gì không bắt buộc phải nói đừng có nói. Vì sao vậy? Vì phương hại tâm thanh tịnh. Điều này cần phải bỏ đi, phải tận hết khả năng bỏ đi. Trong đoạn trước, tôi đã nói về “*thế thoại*”, chữ này hàm nghĩa rất rộng.

Đã trừ bỏ chuyện này rồi, lại còn phải tu điều gì nữa? Phải “*quán sát thật nghĩa*”. Ta thường gọi thật nghĩa là “*thật tướng của các pháp*”, tức là chân tướng của nhân sanh, vũ trụ. Chưa quán được chân tướng, hãy nên đọc Kinh Kim Cang. Đọc Kinh Kim Cang không hiểu thì quý vị nên nghe giảng, chúng tôi có băng giảng Kinh Kim Cang thâm âm rất tường tận. Quý vị chú ý nghe kỹ, nghe hiểu rồi quý vị sẽ quán. Hiểu rõ chân tướng vũ trụ nhân sanh, tự nhiên quý vị sẽ buông xuống được, giúp ích rất nhiều cho sự tu học của quý vị.

Chánh Kinh:

Sơ dạ, hậu dạ, đàm trước thù miên, tăng bất giác ngộ.

(Đầu đêm, cuối đêm đằm chấp ngủ nghỉ, chưa từng giác ngộ)

Chúng ta đều phải sửa đổi loại tập khí phiền não này. Phải khắc phục sự khở sở của chính mình thì mới ít ngủ nghỉ. Ở đây, Đức Phật dạy chúng ta một tiêu chuẩn là ngủ bốn giờ thôi, ngủ vào lúc “*trung dạ*”. Chẳng được ngủ vào lúc sơ dạ. “*Sơ dạ*” là từ sáu giờ chiều đến mười giờ đêm; nói chung chẳng được

ngủ. “Hậu dạ” thì sao? Hậu dạ là từ hai giờ sáng đến sáu giờ sáng; chính là lúc ngủ ngon nhất. Phật dạy chẳng được ngủ, cho nên chỉ ngủ vào lúc trung dạ. Làm sao thực hiện được? Ngủ vào lúc trung dạ là mười giờ tối đi ngủ, hai giờ sáng thức dậy. Thật sự chẳng làm được, phiền não rất nặng! Ngủ chẳng đủ thì chẳng có tinh thần. Tận khả năng để rút ngắn thời gian ngủ nghệ lại, người thế gian cũng thường đề xướng ngủ sớm dậy sớm thân thể khỏe mạnh đó mà! Bởi vậy, mười giờ tối đi ngủ, hai giờ sáng thức dậy. Nếu hai giờ chưa dậy nổi, thì bốn giờ thức dậy, cũng kể như là được. Đây là đã tính trừ hao; vì thế phải nỗ lực học tập, khắc phục phiền não tập khí của chính mình. Ngủ nghệ là hôn trầm, chẳng phải là giác ngộ. Điều thứ tám là:

Chánh Kinh:

Hệ niệm tư duy, bất xả chúng vụ.

(Vấn vương suy nghĩ, chẳng bỏ các việc).

“*Hệ niệm tư duy*” nghĩa là trong tâm có điều vương mắc, lo lắng quá nhiều chuyện. Quý vị vương mắc những gì? Lo lắng những gì? Mọi việc! Sự tình thế gian quá nhiều, những sự tình đó chẳng giúp quý vị liễu sanh tử, xuất tam giới được! Nói cách khác, những gì chẳng thể giúp quý vị đoạn phiền não, chẳng thể giúp quý vị khai trí huệ đều gọi là “*chúng vụ*” (các việc). “Chúng” là sự nghiệp rất nhiều, chẳng bỏ được đây mà! Nhiều thêm một sự chẳng bằng bớt đi một sự, ít đi một sự chẳng bằng vô sự, chẳng cần bớt thêm việc! Phật dạy chúng ta tùy duyên nhưng chẳng phan duyên (vin nắm). Tạo ra chuyện, gây thêm chuyện là “*phan duyên*”. Chuyện này nhất định trở ngại chúng ta tu học. Điều thứ chín là:

Chánh Kinh:

Háo chư hý luận.

(Thích các hý luận)

Phạm vi của “hý luận” cũng rộng phi thường. Điều thứ mười là:

Chánh Kinh:

Ư xuất thể đạo, bất năng tu hành.

(Đối với đạo xuất thể, chẳng thể tu hành)

“*Xuất thể*” là vượt khỏi lục đạo luân hồi. Quý vị chưa thể tu tập điều này. Điều thứ mười một là:

Chánh Kinh:

Ư chư chúng sanh, bất sanh từ niệm.

(Đối với chúng sanh, chẳng nghĩ thương yêu)

Đối đãi chúng sanh chẳng có tâm từ bi. Chắc cũng có nhiều vị nghe chẳng hiểu lắm. Đối với chúng sanh, tôi có tâm từ bi mà! Tôi vừa ăn chay, vừa phóng sanh, gặp ai bị khó khăn, tôi đều cứu giúp, sao lại chẳng từ bi? Trong mắt Phật, quý vị chưa từ bi; quý vị chẳng có tâm từ bi! Thế nào là từ bi? Giúp chúng sanh thoát ly tam giới, thoát ly lục đạo luân hồi mới gọi là “*từ bi*”. Xoay đi, xoay lại, họ vẫn còn trong lục đạo luân hồi thì quý vị từ bi ở chỗ nào đây? Nhất định phải hiểu rõ ý nghĩa này: Chẳng thể liễu thoát sanh tử, chẳng thể xuất ly luân hồi là chẳng từ bi. Mục tiêu tu học Phật pháp là ở chỗ này! Quý vị phạm những lỗi làm như thế thì sẽ có nhiều lầm lỗi, tức là:

Chánh Kinh:

Vị sanh huệ lực đương linh xuất sanh, dĩ sanh huệ lực năng linh tăng trưởng, diệc vô thị xứ.

(Muốn cho huệ lực chưa sanh sẽ được xuất sanh, huệ lực đã sanh sẽ được tăng trưởng thì cũng chẳng có lẽ ấy!)

Mười một điều trên đây, quý vị phạm một điều sẽ chẳng đoạn được phiền não, trí huệ chẳng mở mang, quý vị muốn xuất ly tam giới chẳng thể được. Huống hồ là mười một điều đều có đủ thì làm sao liễu thoát cho được. Chúng ta phải tự nghiêm cẩn phản tỉnh, phải nỗ lực khắc phục nghiệp chướng, tập khí của chính mình, nhất định phải sửa đổi.

Chánh Kinh:

Di Lặc! Thị cố Bồ Tát vị đắc huệ lực nhi dục đắc giả.

(Này Di Lặc! Bởi thế Bồ Tát chưa đắc huệ lực mà muốn được đắc)

Trí huệ chưa mở, muốn cho được mở.

Chánh Kinh:

Ứng xả chư pháp, đương tu xả ly.

(Các pháp nên bỏ, phải nên lìa bỏ).

Ở phần trên Đức Phật đã dạy quý vị phải bỏ những pháp ấy, quý vị ắt nên lìa bỏ.

Chánh Kinh:

Ứng tu chư pháp, đương tu tu tập.

(Các pháp nên tu, phải nên tu tập).

Phật dạy chúng ta phải tu những pháp sau đây: phải tu thiểu dục, phải tu tịch tĩnh, phải tu quán thật nghĩa... Những gì Phật dạy chúng ta phải tu, ta phải nghiêm cẩn học tập.

Chánh Kinh:

Hà dĩ cố? Bồ Tát trí huệ tùng nhân duyên sanh; nhược vô nhân duyên, chung bất năng sanh. Nhân duyên hòa hợp, nhĩ nãi đắc sanh.

(Vì sao thế? Trí huệ của Bồ Tát sanh từ nhân duyên. Nếu không có nhân duyên, trọn chẳng thể sanh. Nhân duyên hòa hợp mới bèn được sanh)

Tuy trí huệ là bản tánh và vốn sẵn có, nhưng hiện thời nó đang bị phiền não, nghiệp chướng che lấp; nếu chẳng tu học, không có nhân duyên thì trí huệ, đức năng nơi tự tánh chẳng thể hiện tiền. Đây chính là điều trong Kinh Luận thường gọi là “*Phật pháp nhân duyên sanh*”, chẳng lìa khỏi nhân duyên. Nhân thì chẳng có vấn đề gì, chúng ta ai nấy đều có, cái quan trọng trong hiện tại là Duyên. Duyên là đoạn ác tu thiện. Phật dạy chúng ta cần đoạn trừ những gì, chúng ta phải nghiêm cẩn đoạn trừ, dạy phải tu những gì, chúng ta phải nghiêm cẩn tu tập. Đây là Duyên. Trong đoạn này, chỉ nêu tổng quát cương lĩnh trọng yếu, trong phần Kinh Văn tiếp theo, sẽ phân tích từng lỗi hại thì chúng ta mới hiểu vì sao Đức Phật dạy chúng ta phải xả, phải lìa. Xin hãy xem Kinh Văn:

8.2. Sơ nghiệp Bồ Tát nên quán sát lỗi hại của lợi dưỡng

Chánh Kinh:

Nhĩ thời, Di Lặc Bồ Tát bạch Phật ngôn:

Thế Tôn! Vân hà danh vi lợi dưỡng trung quá?

(Lúc bấy giờ, Di Lặc Bồ Tát bạch Phật rằng:

Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào là lỗi của lợi dưỡng?)

Di Lặc Bồ Tát thay chúng ta khái thỉnh: Phật dạy chúng con phải bỏ lợi dưỡng, rốt cuộc lợi dưỡng có những lỗi làm gì? Nghiêm trọng đến mức độ nào? Chúng con chẳng biết được. Nếu chẳng biết, Phật dạy chúng con phải bỏ, ắt có lúc chúng con chẳng cam tâm, nên nhất định phải xin Phật giảng rõ những lỗi hại của lợi dưỡng, nói minh bạch cho chúng con. Sau khi chúng con biết rõ rồi, nghĩ thấy cần phải lìa bỏ, thì mới cam tâm tình nguyện bỏ được.

Chánh Kinh:

Nhược quán sát thời, năng linh Bồ Tát nhạo ư thiếu dục, bất sanh nhiệt não.

(Như lúc quán sát sẽ khiến cho Bồ Tát ưa thích thiếu dục, chẳng sanh nhiệt não).

“*Quán sát*” là hiểu minh bạch, có hiểu rõ những tai hại của lợi dưỡng thì Bồ Tát mới bỏ được, mới vui thích thiếu dục, mới vui lòng sống thanh bần. Người đời cho là thanh bần, Bồ Tát chẳng thấy đó là thanh bần, thật sự sống những tháng ngày rất tự tại, vì sao? Họ chẳng có phiền não. Những gì là phiền não? Tham, sân, si là phiền não. Họ sống cuộc đời chẳng sanh tham, sân, si. Chẳng sanh tham, sân, si thì sanh cái gì? Sanh trí huệ đấy! Khi nào trong cuộc sống quý vị chẳng sanh phiền não, chắc chắn là có trí huệ, trí huệ khai hiển vậy. Vì thế, tương phản với chẳng sanh nhiệt não là sanh trí huệ. Đó là điều đức Di Lặc Bồ Tát thay chúng ta khái thỉnh.

Chánh Kinh:**Phật ngôn:**

Di Lặc! Sơ nghiệp Bồ Tát đương quán lợi dưỡng sanh tham dục cố.

(Đức Phật nói:

Này Di Lặc! Sơ nghiệp Bồ Tát nên quán: Lợi dưỡng sanh ra tham dục vậy)

Điều thứ nhất là lợi dưỡng sanh ra tham dục, lợi dưỡng tăng trưởng tâm tham. Hễ tham phiền não tăng trưởng là si, mạn, nghi phiền não nào cũng đều nổi lên hết. Nó chính là gốc mà! Cũng giống như một cái cây, lợi dưỡng là gì? Là như tưới bón. Ngày ngày tưới tắm gốc cây, cây ấy bèn mọc sum suê. Cây gì thế? Cây phiền não, cây sanh tử, phiền toái rất lớn như thế đó, lẽ đâu quý vị dùng các thứ để tưới bón nó cơ chứ? Điều thứ hai là:

Chánh Kinh:**Đương quán lợi dưỡng hoại thất chánh niệm, sanh sân nhuế cố.***(Nên quán lợi dưỡng, đánh mất chánh niệm, nên sanh ra nóng giận).*

Người tham đắm lợi dưỡng có tâm “được thua” rất nặng, thấy người khác hơn mình bèn sanh ganh ghét, sân hận, thế là đại phiền não bèn sanh khởi, đương nhiên chánh niệm chẳng còn. Chánh niệm là gì? Chúng tôi lại dùng thí dụ để thuyết minh. Mọi người chúng ta đều tu Tịnh Độ, chánh niệm của người tu Tịnh Độ là Phật hiệu. Nhớ Phật, niệm Phật là chánh niệm của chúng ta. Người tâm tham nặng nề, đã bỏ sạch sành sanh Phật hiệu nên sanh nóng giận vậy. Điều thứ ba là....

Chánh Kinh:**Đương quán lợi dưỡng, niệm kỳ đắc thất, sanh ngu si cố.***(Nên quán lợi dưỡng, do nghĩ được mất nên sanh ra ngu si).*

Tôi vừa mới nói do tâm được thua rất nặng, từ sáng đến tối cứ lo toan tính, so đo nơi đó, ngu si đầy nhé! Quý vị xem: Ba câu trên là nói về tham, sân, si đấy! Nếu quý vị chẳng bỏ lợi dưỡng thì ba độc phiền não tham sân si ngày càng tăng trưởng. Điều thứ tư là:

Chánh Kinh:**Đương quán lợi dưỡng, năng sanh cao hạ, tật đố tâm cố.***(Nên quán lợi dưỡng sanh ra cao thấp, nên tâm ghen ghét)*

Sau tham, sân, si là mạn, ngạo mạn đấy! Điều thứ năm là:

Chánh Kinh:

Đương quán lợi dưỡng: ư thân hữu gia, xan lận đạm trước, sanh cuồng hoặc cố.

(Nên quán lợi dưỡng, đối với kẻ thân hữu, keo tiếc, tham đắm nên sanh dối trá, mê hoặc).

Vì tham cầu lợi dưỡng nên đối với thân thích, bè bạn, trai chủ, những người quen biết, tâm quý vị thường dính mắc nơi họ. Vì sao vậy? Tham cầu được họ cung kính, cúng dường. Quý vị đã đánh mất tâm thanh tịnh, tâm quý vị ngập tràn tham, sân, si, đánh mất chánh niệm rồi, Phật cũng chẳng nghĩ đến nữa, chỉ nghĩ những gì? Nghĩ tới tìn đồ giàu có, có thể lực, thường nghĩ đến họ, thường nhớ tới họ, thường mong mỗi họ đem tiền đến dâng cho mình. Kẻ ấy nghĩ như thế rồi, sẽ nghĩ cách gì? Cuối cùng là chẳng nề hà thủ đoạn, dùng đủ mọi phương cách lừa bịp, mê hoặc họ, tạo thành tội nghiệp nặng nề, quả báo là tam đồ. Điều thứ sáu là:

Chánh Kinh:

Đương quán lợi dưỡng thành tựu ái vị, sanh siểm khúc cố.

(Nên quán lợi dưỡng thành tựu ái vị nên sanh dua vạy)

Chữ “ái” ở đây là tham ái, tham luyến, chẳng có cách nào buông xuống được, khác nào trúng độc, đã lạm chất độc rồi! Phiền lắm! Tâm dua vạy, cong cong, queo queo, tâm chẳng chánh trực. Điều thứ bảy là:

Chánh Kinh:

Đương quán lợi dưỡng: xả tứ thánh chủng, vô tâm quý cố.

(Nên quán lợi dưỡng bỏ bốn giòng thánh nên chẳng hỗ thẹn).

Bốn giòng Thánh là gì? Lúc Phật tại thế, dạy hàng đệ tử xuất gia phải biết tri túc thường lạc, phải tu thiểu dục, tức là đối với vật chất, chúng ta phải tận lực sống đời đơn giản. Đối với cuộc sống vật chất, trọng yếu nhất thức ăn, đồ nằm, y phục. Chúng là những thứ chẳng thể thiếu được. Đối với ba thứ ấy, Đức Phật dạy hàng đệ tử phải dùng tâm tư, thái độ như thế nào để đi xin? Tùy

sở đắc (thuận theo duyên, hễ xin được thì thọ hưởng, không xin được thì thôi, không dùng những cách dẫn dụ để xin xỏ), cũng có nghĩa là tùy duyên nhưng chẳng phan duyên (vin nắm). Do vậy, khi thác bát, chỉ được xin ở bảy nhà, xin bảy nhà không được gì thì ngày hôm ấy không ăn. Quý vị thác bát đến nhà thứ tám, thứ chín là có tâm tham rồi đó! Còn y phục là y phẩn tảo, còn “ngọa cụ” (đồ nằm) như bây giờ ta gọi là tấm trải, đơn giản vô cùng. Ba y một bát phải tùy sở đắc.

Mục đích là gì? Là trị tham, đối trị ý niệm tham lam. Đây là ba thứ. Điều thứ tư là hoan hỷ tu, hoan hỷ đoạn. Ở đây điều này có nghĩa là Đức Phật dạy họ nên tu những pháp nào, nên đoạn những pháp nào, họ sẽ hết sức hoan hỷ, y giáo phụng hành. Đây là đối trị phóng dật, đối trị giải đãi. Bốn pháp (ảm thực, y phục, ngọa cụ và hoan hỷ tu đoạn) gọi là Tứ Thánh Chủng. Người tham đắm lợi dưỡng quên sạch cả bốn pháp này, chẳng có tâm hổ thẹn. Điều thứ tám là:

Chánh Kinh:

Đương quán lợi dưỡng, nhất thiết Chư Phật sở bất hứa khả, sở tập kiêu dật, sanh cao mạn cố.

(Nên quán lợi dưỡng chẳng được hết thầy Chư Phật chấp thuận vì thường quen thói kiêu căng phóng dật, sanh tâm cao ngạo, khinh mạn).

Đây là cái hại của lợi dưỡng. Lợi dưỡng chẳng được hết thầy Chư Phật chấp nhận, chẳng được hết thầy Chư Phật tán thành. Nói cách khác, tham đắm lợi dưỡng là trái nghịch lời dạy răn của hết thầy Chư Phật, chứ chẳng phải là trái nghịch riêng mình Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đâu nhé! Cái bệnh này là “*thường quen thói kiêu căng, phóng dật, sanh tâm cao ngạo, khinh mạn*”. Điều thứ chín là:

Chánh Kinh:

Đương quán lợi dưỡng, u thắng phước điền, khởi u khinh mạn, vi ma đảng cố.

(Nên quán lợi dưỡng, đối với phước điền thù thắng khởi tâm khinh mạn, nên thành bè đảng ma)

Đây là cái hại lớn nhất của lợi dưỡng. “Thắng” là thù thắng. Phước điền tối thù thắng mà kẻ ấy khinh mạn, coi thường. Thế nào là phước điền tối thù thắng? Niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ là phước điền thù thắng khôn sánh, trong một đời liễu sanh tử, xuất tam giới, thành Phật, làm Tổ! Trong một đời có thể làm được những điều ấy! Bất cứ pháp môn nào cũng chẳng sánh được bằng. Người tham đắm lợi dưỡng chẳng cầu Vãng Sanh Tịnh Độ, họ chẳng hề có ý niệm ấy. Tham cầu ngũ dục thế gian, hưởng thụ lục trần, tham cầu phú quý thế gian, nên bèn thành ma, thành đồng đảng của ma vậy! Điều thứ mười là:

Chánh Kinh:

Đương quán lợi dưỡng, chúng ác căn bản, chư thiện hoại cố.

(Nên quán lợi dưỡng là cội rễ của các ác vì nó phá hoại các điều lành)

Lẽ đương nhiên là ba thiện căn chẳng còn gì cả. Ba thiện căn là vô tham, vô sân, vô si. Còn họ tham, sân, si ngày càng tăng trưởng, vì thế đoạn sạch thiện căn. Thiện căn đã đoạn sạch rồi thì những thứ được sanh khởi là các điều ác, vô lượng vô biên ác hạnh, tạo tác ác nghiệp. Điều thứ mười một là:

Chánh Kinh:

Đương quán lợi dưỡng, đa sở tham trước, do sương bạc cố.

(Nên quán lợi dưỡng, lắm thứ tham đắm khác nào sương, mưa đá vậy)

“Sương, mưa đá” là tỷ dụ. Chẳng bỏ được lợi dưỡng, nhất định là tham đắm rất nhiều. Điều thứ mười hai là:

Chánh Kinh:

Đương quán lợi dưỡng, ư thân hữu gia, chiêm hầu nhan sắc, sanh ưu não cố.

(Nên quán lợi dưỡng, đối với kẻ thân quen, nhìn ngắm vẻ mặt, sanh lòng buồn khổ)

Đây cũng là như ta thường nói: Người tham cầu lợi dưỡng quan sát vẻ mặt người khác để tính cách bợ đỡ, nịnh nọt. Điều thứ mười ba là:

Chánh Kinh:

Đương quán lợi dưỡng, ái vật tổn hoại, ưu tâm loạn cố.

(Nên quán lợi dưỡng, ưa vật tổn hoại, nên tâm buồn loạn)

Người tham trước lợi dưỡng ưa thích những vật gây tổn hoại, tâm họ lo buồn, sanh ra phiền não, tâm được thua rất nặng. Điều thứ mười bốn là:

Chánh Kinh:

Đương quán lợi dưỡng, ư tứ niệm xứ, đa sở vong thất, bạch pháp luy cố.

(Nên quán lợi dưỡng, do phần nhiều quên mất tứ niệm xứ nên bạch pháp mòn mỏi)

Tứ Niệm Xứ là những điều Phật dạy để tu học trí huệ, là pháp cơ sở để nương theo. Nói chính xác, Tứ Niệm Xứ là quán niệm trí huệ: Quán thân bất tịnh, quán Thọ là khổ, quán Tâm vô thường, quán Pháp vô ngã. Bởi thế, Tứ Niệm Xứ là Tu Huệ. Người tham đắm lợi dưỡng quên sạch những điều Đức Phật đã dạy ấy. “*Bạch pháp*” là thiện pháp, thiện pháp mỗi ngày một lui sụt. Chữ “*luy*” (羸) hàm nghĩa lui sụt. Điều thứ mười lăm là:

Chánh Kinh:

Đương quán lợi dưỡng: ư Tứ Chánh Cần, đa hữu thoái thất.

(Nên quán lợi dưỡng, đối với Tứ Chánh Cần, thường hay lui sụt)

Tứ Niệm Xứ, Tứ Chánh Cần, Tứ Như Ý Túc là những đề mục mà Đại Thừa lẫn Tiểu Thừa đều phải cùng tu học. Đối với những điều ấy, những kẻ tham đắm lợi dưỡng đều thoái chuyển cả.

Chánh Kinh:

Năng linh nhất thiết tha luận thắng cố.

(khiến cho hết thấy những lý luận khác thắng được mình vậy).

“Tha luận” là lý luận của ngoại đạo đấy! Đối với ngoại đạo, chẳng thể hơn được người khác. Điều thứ mười sáu là:

Chánh Kinh:

Đương quán lợi dưỡng, tự ngôn dĩ đắc thần thông, trí huệ, vi bội sanh cố.

(Nên quán lợi dưỡng: Tự nói mình đã đắc thần thông, trí huệ nên sanh ra trái nghịch)

Đây là điều chúng ta thường gặp trong hiện tại. Vì tham cầu lợi dưỡng bèn dối hiện tướng lạ, phô trương mình đã có thần thông, phô phang mình đã khai ngộ. Ở đây, “trí huệ” là như ta thường nói: “Khai ngộ”. Kẻ ấy tự khoe đã khai ngộ, có thần thông. Ngôn hạnh như thế hoàn toàn trái nghịch lời răn dạy của Đức Phật “nên sanh ra trái nghịch”. Dùng phương pháp ấy để lừa dối chúng sanh khiến họ cung kính mình, cúng dường mình là tạo tác tội nghiệp rất nặng, là phạm đại vọng ngữ. Chưa đắc nói là đã đắc. Điều thứ mười bảy:

Chánh Kinh:

Đương quán lợi dưỡng, tiên hậu đắc thất, oán tắng sanh cố.

(Nên quán lợi dưỡng, do được mất trước sau nên sanh ra oán ghét).

Đây là tranh danh đoạt lợi. Đã tranh danh đoạt lợi thì lẽ đương nhiên là sanh ra rất nhiều oán ghét. Nếu chẳng bỏ được nổi oán ghét ấy thì họa hại sẽ là oan oan tương báo chẳng bao giờ hết. Điều thứ mười tám là:

Chánh Kinh:

Đương quán lợi dưỡng, hổ tương sân hiềm, thuyết kỳ quá ác, đa giác quán cố.

(Nên quán lợi dưỡng, giận dữ, ghét bỏ lẫn nhau, kể tội lẫn nhau, nên có lắm giác quán)

Đây là “đây kia tranh chấp”. Hễ kinh chống nhau thì thoát đầu là kể tội nhau. “*Giác quán*” là tạp niệm, vọng tưởng. Thô niệm gọi là Giác, tế niệm gọi là Quán. Trong đoạn Kinh này thì Giác là tạp niệm, Quán là vọng tưởng. Điều thứ mười chín:

Chánh Kinh:

Đương quán lợi dưỡng: Vị ư hoạt mạng, doanh chư thế nghiệp, kế độ tư duy, an lạc giảm cố.

(Nên quán lợi dưỡng: Để sanh sống bèn lo liệu các sự nghiệp thế gian, tính toán, suy nghĩ, nên an lạc bị giảm)

“*An lạc*” là sự hưởng thụ chánh đáng của người học Phật: khinh an, tự tại, thân tâm chẳng có phiền não đấy mà! Đó là sự hưởng thụ chánh đáng. Kẻ tham đắm lợi dưỡng chẳng hề được hưởng thụ như vậy. Kẻ ấy vì cuộc sống, “*lo liệu những sự nghiệp thế gian*” (“doanh” là kinh doanh) chẳng khác gì người đời. Toàn làm những việc kiếm lời của thế gian. Nếu quý vị quan sát kỹ, ắt sẽ hiểu rõ ràng. “*Kế độ tư duy*”: Kế là ngày ngày lập kế hoạch, tính toán hòng được lời nhiều, ngày ngày cứ nghĩ tưởng như thế nên tâm chẳng thanh tịnh,

khinh an, tự tại. Kẻ ấy chẳng được an lạc, chẳng hưởng thụ những niềm vui ấy. Điều thứ hai mươi là:

Chánh Kinh:

Đương quán lợi dưỡng, nãi chí thiên định, giải thoát, tam muội, tam ma bát để, tâm như dâm nữ, năng thoái thất cố.

(Nên quán lợi dưỡng, ngay cả đối với thiên định, giải thoát, tam muội, tam ma bát để, tâm cũng như dâm nữ nên bị lui sụt).

Đây là công phu tu học chẳng thể thành tựu. Thứ nhất là kẻ ấy chẳng thể thiên định, chẳng thể được giải thoát. “*Thiên định, giải thoát*” ở đây phải hiểu theo nghĩa rộng, chẳng phải chỉ có nghĩa là tham Thiền. Đối với người niệm Phật chúng ta, “nhất tâm bất loạn” như trong Kinh đã dạy chính là Thiên Định. Nghĩa này chính là nghĩa rộng, bao gồm hết cả pháp Đại, Tiểu Thừa; cũng có thể hiểu là kẻ ấy chẳng thể đắc Định. “*Giải thoát*” là so với phiền não mà nói, kẻ ấy chẳng thể đoạn phiền não, chẳng thể liễu sanh tử.

“*Tam muội*” (Samāhi) là tiếng Phạn, dịch sang tiếng Hán là Chánh Thọ, tức sự hưởng thụ chánh đáng. Trong sự hưởng thụ chánh đáng chẳng có phiền não! Người tham đắm lợi dưỡng đầy ắp tham, sân, si, mạn, nên sự hưởng thụ chẳng khác gì phàm phu. “*Tam ma bát để*” (Samāpati) cũng là tiếng Phạn, có nghĩa là Định, còn gọi là Đẳng Trì. Thật ra, trong Kinh Vô Lượng Thọ nói đến thanh tịnh, bình đẳng, đó nghĩa là Tam ma bát để. Tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng chẳng thể hiện tiền. Tiếp đó, Đức Phật nêu một tỷ dụ: “*dâm nữ*”. Dâm nữ ngụ ý bất định. Công đức tu học của quý vị dễ dàng bị lui sụt, chẳng gìn giữ được. Điều thứ hai mươi một là:

Chánh Kinh:

Đương quán lợi dưỡng, xả ly trí đoạn, đọa ư địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, Diêm Ma La giới, chư ác đạo cố.

(Nên quán lợi dưỡng vì là bỏ trí đoạn nên đọa trong các đường ác: địa ngục, ngã quỷ, súc sanh, cõi Diêm Ma La)

Đây là nói về quả báo. Quả báo thật đáng sợ. Bởi lẽ, quý vị tạo các nghiệp chướng như thế, tương lai nhất định đọa trong ba ác đạo. Nói cách khác, bởi chẳng bỏ lợi dưỡng, quý vị bèn tham đắm những cái hết sức hữu hạn trước mắt. Dẫu cho ta đã đạt được điều tham muốn thì quý vị hưởng được mấy năm? Cứ cho là quý vị sống đến hai trăm tuổi, có thể hưởng phước cả trăm năm đi nữa, thời gian phải chịu tội báo trong địa ngục rất dài như chúng ta đã thấy trong phần trước rồi đó! Trong phần trên, ta đã thấy: Tạo ác nghiệp như thế, Đức Phật nói sẽ đọa địa ngục, tính theo thời gian ở nhân gian là một ngàn tám trăm vạn năm. Thật là được chẳng bù mất! Bởi thế, nếu đã hiểu rõ đạo lý này, đã hiểu được chân tướng sự thật này, há còn chịu làm những điều ác ấy ư? Đến đây, quý vị mới hiểu rõ cái hại của lợi dưỡng. Nếu Đức Phật chẳng phân tích cho chúng ta như vậy, làm sao chúng ta hiểu được! Tham cầu chẳng được đâu! Đáng sợ quá đi! Điều thứ hai mươi hai là:

Chánh Kinh:

Đương quán lợi dưỡng, dữ Đề Bà Đạt Đa, Ô Đà Lạc Ca, đồng ư pháp trụ, đọa ác đạo cố.

(Nên quán lợi dưỡng là, cùng trụ một pháp với Đề Bà Đạt Đa và Ô Đà Lạc Ca, nên đọa ác đạo)

Đề Bà Đạt Đa (Devadatta) là một người trong thời Đức Phật tại thế, chuyên môn đối nghịch Đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Ông ta ganh ghét Phật, chẳng bỏ lợi dưỡng, sau cùng bị đọa địa ngục A Tỳ. Ô Đà Lạc Ca là tên một ác quỷ, nó gây ác nên hứng chịu quả báo, cũng là đồng loại của Đề Bà Đạt Đa. Nếu như chúng ta chẳng bỏ lợi dưỡng, thì Đức Thế Tôn bảo chúng ta cùng trụ một pháp với Đề Bà Đạt Đa, Ô Đà Lạc Ca, là đồng loại của chúng, tương lai cũng sẽ đọa vào địa ngục A Tỳ.

8.3. Lợi ích của sự xa lìa lợi dưỡng

Dưới đây, Đức Phật sẽ nói những điều tương phản: Nếu bỏ được lợi dưỡng, quý vị sẽ được bao nhiêu lợi ích? Chúng ta cũng cần phải hiểu rõ.

Chánh Kinh:

Di Lặc! Sơ nghiệp Bồ Tát như thị quán sát lợi dưỡng quá thât, nhạo u thiếu dục, bất sanh nhiệt nã.

(Này Di Lặc! Sơ nghiệp Bồ Tát nên quán sát lỗi ác của lợi dưỡng như thế đó, thích thiếu dục, chẳng sanh nhiệt nã)

Câu này là nói tổng quát. “*Như thị quán sát*”: Đối với mỗi một lỗi hại trong những điều Đức Phật vừa giảng trên đây, quý vị đều phải thấy rành rẽ, rõ ràng, quý vị sẽ tự nhiên bỏ được lợi dưỡng, tự nhiên thích thiếu dục, chẳng sanh phiền nã nữa!

Chánh Kinh:

Hà dĩ có? Di Lặc! Thiếu dục Bồ Tát u nhất thiết quá, giai tất bất sanh.

(Vì sao vậy? Này Di Lặc! Bồ Tát thiếu dục đối với hết thấy lỗi sẽ đều chẳng sanh)

Tiếp đó là lời nói riêng: Đức Phật sẽ giảng cho chúng ta mười bốn câu gồm mười bốn thứ lợi ích, câu Kinh này nói đến lợi ích thứ nhất. “*Thiếu dục Bồ Tát*” nói theo cách bây giờ là những người tu hành sống đơn giản, thanh bần, sống càng đơn giản càng hay! Hiện thời, ta thấy cuộc sống của họ rất thanh bần, họ chẳng sanh khởi hết thấy làm lỗi, chẳng có lỗi họa. Họ chẳng phải là phạm phu. Phạm phu khởi tâm động niệm không có gì chẳng phải là tội, còn bọn họ khởi tâm động niệm, lời lẽ, hành vi chẳng hề có làm lỗi. Vì thế mới biết tất cả hết thấy làm lỗi từ đâu mà sanh? Từ tham dục mà sanh. Bọn họ đã đoạn được tham, sân, si. Điều lợi ích thứ hai là:

Chánh Kinh:

Kham vi Chư Phật thanh tịnh pháp khí.

(Kham làm pháp khí thanh tịnh của Chư Phật)

Câu này ý nói: Họ là đối tượng dạy dỗ của hết thầy Chư Phật, họ có thể tiếp nhận Phật pháp; Chư Phật, Bồ Tát thích dạy dỗ họ. Vì sao? Họ có thể tiếp nhận, tâm họ thanh tịnh. Do tâm thanh tịnh nên có thể tiếp nhận đại pháp. Điều thứ ba là:

Chánh Kinh:

Nhi bất hệ thuộc tại gia, xuất gia.

(Nhưng chẳng phụ thuộc vào tại gia hay xuất gia)

Dù là xuất gia hay tại gia, tâm họ đều thanh tịnh, đều chẳng nhiễm trước vậy! Bởi lẽ, hiện thời có nhiều vị đồng tu đến hỏi: “Học Phật có cần phải xuất gia chăng?” Chẳng cần phải xuất gia! Tại gia tu hành cũng thành Phật, thành Tổ giống hệt như vậy. Vậy thì vì lẽ gì quý vị phải xuất gia? Trong thế gian, chúng ta có rất nhiều hạnh nghiệp, tôi thích hạnh nghiệp xuất gia này lắm. Đó là lý do thật sự.

Vậy thì xuất gia là một hạnh nghiệp, nhưng là hạnh nghiệp gì? Hạnh nghiệp hy sinh, phụng hiến. Hưởng thụ ngũ dục, lục trần của thế gian, chúng tôi đều bỏ sạch, hoằng pháp lợi sanh vô điều kiện, chứ chẳng phải là buôn bán giống như người khác: Tôi giảng một bộ Kinh, quý vị phải cung kính cúng dường tôi bao nhiêu đó thì thành ra buôn bán kiếm lợi mất rồi, là có điều kiện rồi! Hy sinh, phụng hiến vô điều kiện rất sung sướng! Bản thân tôi sống rất đơn giản, chỉ trần trụi một thân, ăn no, mặc ấm là đủ rồi, không cần gì nữa!

Bây giờ, tôi xin thưa với các đồng tu: Tôi tu đến trình độ nào rồi? Đối với tôi, tiền đã thành vô dụng. Có lần tôi đã ở ngoại quốc hơn một năm, chưa từng dùng đến một đồng nào, không có việc gì cần phải dùng tiền. Ngân hàng cấp cho tôi năm, sáu thẻ tín dụng loại vàng (gold), tôi chẳng hề dùng qua, cho đến nay vẫn chưa hề dùng

đến. Bởi vậy, tiền tài đối với tôi đã thành vô dụng, thật rất tự tại, rất sung sướng à nghe! Quý vị phiền não vì không có tiền, còn nếu bây giờ ai cho tôi tiền, tôi sẽ sanh phiền não, cho tôi làm gì? Dùng làm gì đây? Vì thế, quả thực là chẳng ràng buộc nơi tâm. Chẳng cần vướng mắc là tại gia hay xuất gia thì quý vị mới được tự tại thật sự. Điều thứ tư là:

Chánh Kinh:

Trụ ư chân thật tối thắng ý lạc.

(Trụ nơi sự thỏa ý chân thật, tối thắng)

Cõi lòng quý vị chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, từ bi, pháp hỷ sung mãn. Đó là chân tự tại, khoái lạc đây! Điều thứ năm là:

Chánh Kinh:

Bất vi ty hạ, diệt bất Kinh bố.

(Chẳng trở nên hèn kém, cũng chẳng kinh sợ)

Tâm trí quý vị vĩnh viễn an ổn, chẳng sợ hãi, dù quý vị gặp phải tai biến lớn đến cách nào cũng chẳng Kinh, chẳng hoảng. Vì sao? Chẳng bị ngoại cảnh lay chuyển. Đây chính là đã làm được như Kinh Kim Cang dạy: “*Chẳng lấy các tướng, như như bất động*”. Điều thứ sáu là:

Chánh Kinh:

Ly chư ác đạo, đọa lạc úy cố.

(Vì li khỏi nỗi sợ đọa lạc trong các đường ác)

Mọi người sợ đọa ác đạo, nhưng người thiếu dục tri túc quyết định chẳng đọa ác đạo. Dù kẻ ấy chẳng học Phật, chẳng cầu Vãng Sanh, ở trong lục đạo luân hồi cũng chẳng đọa ác đạo. Phạm những kẻ đọa trong ba đường ác là những kẻ dục

vọng quá nhiều, tham, sân, si, mạn quá nặng. Người chẳng có tham, sân, si làm sao đọa vào tam ác đạo cho được! Điều thứ bảy là:

Chánh Kinh:

Vô năng ánh tế, xả đam vị cố.

(Không gì có thể che lấp được vì đã bỏ tham đắm mùi vị)

Trí huệ, đức năng của người ấy không ai chướng ngại được. “Ánh tế” nghĩa là chướng ngại. Vì sao chẳng thể chướng ngại được? Là vì người ấy chẳng ham thích gì, chẳng hề tham đắm gì. Người thế gian có thể thao túng, có thể khống chế một cá nhân nào thì nhất định phải nắm được nhược điểm của người ấy. Nhược điểm là gì? Nói chung, chẳng ngoài danh văn, lợi dưỡng! Quý vị có điều gì tham đắm là họ nắm được quý vị, họ có thể dùng điều đó để khống chế quý vị. Quý vị sợ chết, họ dùng ngay cái chết để uy hiếp quý vị. Quý vị chẳng sợ chết, họ chẳng biết làm sao! Quý vị tham tài sản, họ dùng của cải khống chế quý vị. Quý vị chẳng ham tài sản, họ chẳng thể khống chế quý vị. Chỉ cần quý vị có tham ái điều gì đó, có mê đắm thứ chi đó, sẽ liền bị yêu ma, quỷ quái khống chế, chúng nó sẽ có thể chướng ngại quý vị. Nếu quý vị bỏ được hết thầy lợi dưỡng, yêu ma quỷ quái đành bó tay, cũng chẳng thể chướng ngại quý vị được!

Chánh Kinh:

Chúng ma cảnh giới, đắc giải thoát cố.

(Vì được giải thoát các cảnh giới ma)

Ở ngay trong cảnh ma mà chúng nó cũng chẳng thể chướng ngại quý vị, quý vị đã tự tại trong cảnh ma. “Giải thoát” nghĩa là tự tại.

Chánh Kinh:

Nhất thiết Chư Phật chi sở xưng tán.

(Được hết thấy Chư Phật khen ngợi)

Tâm hạnh quý vị tương ứng với Chư Phật, nên được Chư Phật hộ niệm. Chữ “*xưng tán*” ở đây có nghĩa là hộ niệm.

Chánh Kinh:

Chư thiên cập nhân, diệc đương ái tiệp.

(Chư thiên và loài người cũng sẽ yêu thích)

Chư thiên, người lành cũng sẽ yêu mến, ưa thích quý vị.

Chánh Kinh:

Ư' chư Thiên Định, nhi bất nhiễm trước, trụ biên tế cố.

(Chẳng nhiễm trước các Thiên Định, vì trụ vào biên tế)

Tuy đắc Thiên Định, nhưng chẳng nhiễm trước Thiên Định. Chẳng tham ái Thiên Định thì trí huệ mới có thể phát sanh. Nếu sanh nhiễm trước nơi Thiên Định thì dù có đắc Thiên Định, cũng chẳng thể mở mang trí huệ. Vì sao? Kẻ ấy trụ trong thiên định nên có chỗ trụ, nhưng trong Kinh Kim Cang, Đức Phật đã dạy: “*Ưng vô sở trụ*” (nên không có chỗ trụ). “*Vô sở trụ*” là chẳng trụ vào hai bên: Có và Không. Phàm phu có trụ, tham đắm lợi dưỡng chính là trụ vào lợi dưỡng. Tham đắm Thiên Định là trụ vào Thiên Định. Bởi thế, chẳng được trụ vào Có lẫn Không, đó gọi là “*trụ biên tế*”. Biên Tế có nghĩa là chẳng trụ vào hai bên.

Chánh Kinh:

Kỳ tâm chất trực, vô hữu siểm khúc, ư ngữ dục trung, diệc bất phóng dật, kiến kỳ quá cố.

(Tâm chất trực, chẳng có dua vạy. Đối với ngữ dục, cũng chẳng buông lung vì thấy lỗi của nó)

Điều này rất trọng yếu. Tâm kẻ ấy chân thành. “*Chất trực*” là chân thành, chẳng cong vạy. Đối với đại chúng, kẻ ấy cung kính, trong ngũ dục, trong lục trần kẻ ấy cũng cẩn thận chẳng buông lung. “*Phóng dật*” nghĩa là rất tùy tiện. Chẳng những không buông lung, lại còn rất cẩn thận, rất cung kính. Vì sao vậy? Biết rõ lỗi hại của ngũ dục, của lục trần, nên chẳng tham đắm!

Chánh Kinh:

Như thuyết tu hành, năng trụ thánh chủng.

(Tu hành đúng theo lời dạy, trụ trong dòng thánh)

Người ấy có thể y theo lời Phật răn dạy để tu hành, nên trụ trong dòng Thánh. Như trong phần trước, tôi đã giảng: Y phục, thức ăn, ngọa cụ thấy đều tùy duyên, chẳng vin nắm, Phật dạy nên tu đoạn điều gì, người ấy rất thích đoạn trừ, Phật dạy người ấy nên tu hành những gì, người ấy cũng rất vui vẻ tu theo. Đây là trụ vào dòng Thánh.

Chánh Kinh:

Đồng phạm hạnh giả, diệc đương ái nhạo.

(Những người có cùng phạm hạnh cũng sẽ yêu thích)

Những đồng bạn cũng như những người tu cùng một phạm hạnh cũng vô cùng mến thích, vô cùng tán thán người ấy. Ở đây, Phật nói xa lìa lợi dưỡng có tổng cộng mười bốn điều lợi ích.

Chánh Kinh:

Di Lạc! Nhược hữu Bồ Tát trí huệ thông mãn, ư thủ công đức, năng như thị tri. Dĩ thắng ý lạc đương xả lợi dưỡng, dĩ thắng ý lạc trụ ư thiểu dục, vị đoạn tham ái nhi phát khởi cố.

(*Này Di Lặc! Nếu có Bồ Tát trí huệ thông mãn, đối với các công đức này mà có thể biết được như thế. Do ý lạc thù thắng bèn bỏ lợi dưỡng, do ý lạc thù thắng mà trụ vào thiếu dục, vì đoạn tham ái mà phát khởi vậy*)

Phật dạy chúng ta: Lợi dưỡng có hai mươi hai điều lầm lỗi, xa lìa lợi dưỡng có mười bốn điều lợi ích, rồi bảo Di Lặc Bồ Tát (tuy bảo với Di Lặc Bồ Tát nhưng thật ra là bảo mọi người chúng ta): “*Nếu có Bồ Tát trí huệ thông mãn, đối với các công đức này mà có thể biết được như thế*”. Đối với lỗi hại của lợi dưỡng và lợi ích do bỏ được lợi dưỡng mà quý vị biết rõ ràng, rành rẽ, nhất định quý vị sẽ dùng ý lạc, ý nguyện tối thù thắng, tức là hoan hỷ làm gì? Hoan hỷ bỏ lợi dưỡng, tức là như chúng tôi thường nói: Buông xuống, quý vị thật sự buông xuống được! Vì sao có thể buông xuống được? Vì đã thấy thấu suốt rồi. Thấy thấu suốt như thế nào? Biết cái hại của lợi dưỡng, biết cái hay của việc bỏ lợi dưỡng. Quý vị biết rồi, đó là thấy thấu suốt (Khán Phá). Quý vị thật sự chịu buông xuống, bỏ đi, đó là Phóng Hạ.

Quý vị buông xuống rồi thì mới bèn “*dùng ý lạc thù thắng để trụ trong thiếu dục*”, quý vị mới thích chọn cách sống đơn giản. Phương cách sống đơn giản chẳng hề phiền lụy chi! Thật sự tự tại đấy nhé! Chẳng riêng mình cá nhân người tu hành phải nhận thức rõ, mà toàn bộ đại chúng tu học chúng ta cũng phải nên hiểu rõ! Chúng tôi giảng Kinh thuyết pháp ba mươi mấy năm; trong thời gian lâu dài ấy, rất nhiều vị đồng tu biết rõ: Tôi giảng Kinh thuyết pháp hai mươi năm mới có thư viện này. Hai mươi lăm năm mới có Cơ Kim Hội tại Hàng Châu Nam Lộ, đều là tự nhiên thành tựu, chứ chúng tôi chẳng hề nói: “Chúng ta phải kiến lập một Đạo Tràng”. Đạo Tràng ở ngoại quốc cũng giống như vậy, đều là tự nhiên thành tựu. Sau khi thành tựu thì các đồng tu ngày một đông.

Có nhiều người đến bảo tôi: “Chúng tôi muốn tận cuộc đất đó, để lập chùa cho to hơn một chút”. Tôi hoàn toàn chẳng tán thành, vì sao? Tham đắm lợi dưỡng! Chùa càng lớn, tài sản nhiều, người xuất gia càng đông. Vì sao những kẻ ấy xuất

gia? Thấy có thể thừa kế tài sản, có ý nghĩa khác hẳn. Đạo Tràn của tôi hiện thời bé tí tẹo cái gì cũng chẳng có, ai đến xuất gia nói chung là do hảo tâm, chẳng có ác ý. Còn nếu như Đạo Tràn to lớn, có kẻ muốn đến xuất gia, ắt tôi phải suy đoán: Kẻ kia vì lẽ gì mà đến xuất gia? Có phải là nó muốn xuất gia để tranh đoạt tài sản đó chẳng? Vì sao? Lợi dục tăng trưởng tâm tham, có thể tăng trưởng phiền não tham muốn của con người. Do vậy, Đạo Tràn được kiến lập sẽ khiến nhiều kẻ đến tranh giành, há chẳng phải là tạo tội nghiệp địa ngục A Tỳ ư? Bởi thế, bất cứ ai đến trước mặt tôi bảo cần phải kiến lập Đạo Tràn, tôi một mực cự tuyệt, tôi tuyệt đối chẳng làm chuyện ấy. Chuyện ấy chẳng phải là việc tốt đâu nhé!

Bây giờ, nếu có ai nói: “Pháp Sư! Ngài phải từ bi hoằng pháp lợi sanh”. Hoằng pháp lợi sanh trong thời hiện tại chẳng cần phải có Đạo Tràn, mà cần phải có gì? Phải có mạng lưới quốc tế! Chúng tôi giảng điều gì ở đây, một khi đã đăng lên mạng Internet, mỗi một máy điện não (computer) gia đình trên toàn Thế Giới nối vào mạng, sẽ đều trông thấy, đều nghe thấy. Rất là tự tại! Vậy thì cần Đạo Tràn để làm gì? Thư viện của chúng tôi hiện đã gặp quá nhiều hiềm nghi rồi, mạng lưới quốc tế hay vô cùng. Băng thâu âm (cassette tape), băng video, Kinh sách của chúng tôi đã lưu thông toàn Thế Giới. Khoa học kỹ thuật tiến bộ, phải lợi dụng khoa học kỹ thuật để truyền bá, đem Phật pháp đến với gia đình của mỗi cá nhân. Tôi tin là mười năm sau, ai cũng có máy điện não tùy thân. Bất luận tại địa phương nào, cứ nối mạng là hình ảnh của chúng tôi bèn xuất hiện, cần kiến lập Đạo Tràn làm chi nữa!

Ngay cả đối với những phương thức khoa học kỹ thuật ấy, tôi cũng chẳng bận tâm, ai muốn làm thì làm, ai thích sử dụng thì cứ việc, tôi chẳng hề giữ bản quyền, ai thích lưu truyền đều được cả. Vẫn có người lúc làm bèn đến hỏi tôi có đồng ý hay chẳng? Tôi đồng ý để làm gì? Chỉ thêm phiền toái thôi! Quý vị thích làm cứ việc làm, chẳng cần phải hỏi tôi nữa. Tôi đã nói rồi, không giữ bản quyền, quý vị còn đến kiếm tôi để làm gì? Vẫn còn phải xin tôi đồng ý để làm chi? Đó chẳng phải là

cố ý tạo thêm phiền phức ư? Nếu chẳng phải là cố ý gây phiền thì chính là xem văn tự chẳng hiểu vậy!

Đối với lỗi lầm của lợi dưỡng và lợi ích do xa lìa lợi dưỡng, nếu quý vị đã hiểu rõ, nhất định quý vị sẽ thích thiếu dục, ưa sống một cuộc đời đơn giản, bởi lẽ, càng đơn giản càng tự tại, càng đơn giản càng ít phiền não! “*Vì đoạn tham ái mà phát khởi*”: Phát khởi ở đây là phát khởi Bồ Tát thù thắng chí nhạo (sự vui thích thù thắng của bậc Bồ Tát), họ nhất định phát khởi được điều ấy.

8.4. Sơ nghiệp Bồ Tát nên quán sát: Ôn não có hai mươi loại lỗi lầm lớn.

8.4.a. Trường hàng:

Đoạn dưới đây là Di Lạc Bồ Tát vì chúng ta khái thỉnh, quán sát nhiệt não có hai mươi loại lầm lỗi.

Chánh Kinh:

Nhĩ thời, Di Lạc Bồ Tát bạch Phật ngôn:

Thế Tôn! Vân hà danh vi hội não trung quá, nhược quán sát thời, Bồ Tát độc xử nhàn tịnh, bất sanh nhiệt não.

(Lúc bấy giờ, Di Lạc Bồ Tát bạch Phật rằng:

Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào là những lầm lỗi của nhiệt não để khi quán sát, Bồ Tát sẽ ở riêng nơi thanh vắng, chẳng sanh nhiệt não)

Chữ “*quán sát*” ở đây là hiểu rõ triệt để, biết rõ lỗi lầm của nhiệt não. “*Hội*” là “*hôn hội*”, ta thường nói là hồ đồ, lộn xộn đấy! Sự xô bồ, lộn xộn trong hoàn cảnh não nhiệt gọi là “*hội não*”. Hội não gây sự chướng ngại rất lớn cho sự tu hành, khiến cho quý vị mê hoặc, điên đảo, chẳng giúp cho quý vị giác ngộ được! Ở phần trên, lợi dưỡng tăng trưởng phiền não tham, sân, si; ở đây, hội não tăng trưởng vô minh, đều là những chuyện phiền phức. Bồ Tát hiểu minh bạch rồi, sẽ có thể ở một mình nơi thanh vắng. Có nhiều vị đồng tu đến ngoại quốc ở vài ngày liền cảm thấy

như thế nào? Tịch mịch quá, quạnh quẽ quá, ở không nổi, phải trở về Đài Loan gấp. Đài Loan náo nhiệt mà!

Ở Đài Loan thân thích, bạn bè nhiều, hôm nay cùng nhau khen nhà họ Trương hay, mai cùng nhau chê nhà họ Lý dở, hằng ngày nói chuyện nhằm nhí, coi đó là vui, coi đó là lạc thú một đời người! Ra ngoại quốc, không có ai trò chuyện, hàng xóm là người ngoại quốc, ngôn ngữ chẳng thông, lại chẳng biết lái xe, con cái cũng rất bận rộn với công ăn việc làm, một ngày từ sáng đến tối ngồi một mình trong nhà, cảm thấy rất quạnh quẽ. Chỉ nội một điều này thôi là quý vị chẳng thể sống nơi thanh vắng. Nếu như quý vị thấy rõ điều này, sẽ ưa thích đến một nơi rất an tịnh để tu học, sanh sống; nói thật ra, hoàn cảnh ở ngoại quốc tốt hơn nước ta nhiều lắm.

Chánh Kinh:

Phật ngôn:

Di Lạc! Sơ nghiệp Bồ Tát ưng đương quán sát hội náo quá thất, hữu nhị thập chủng. Nhược quán sát thời, năng linh Bồ Tát độc xử nhàn tịnh, bất sanh nhiệt nảo.

(Phật dạy:

Này Di Lạc! Sơ nghiệp Bồ Tát nên quán sát nhiệt náo có hai mươi điều làm lỗi. Như lúc quán sát sẽ có thể làm cho Bồ Tát ở riêng nơi thanh vắng, chẳng sanh nhiệt nảo)

“Chẳng sanh nhiệt nảo” là chẳng sanh phiền nảo. Chư vị phải hiểu ý câu này: Chẳng sanh nhiệt nảo là sanh khởi trí huệ, đó là đạo lý nhất định.

Chánh Kinh:

Di Lạc! Vân hà danh vi nhạo ư hội náo nhị thập chủng quá? Nhất giả, bất hộ thân nghiệp. Nhị giả, bất hộ ngữ nghiệp. Tam giả, bất hộ ý nghiệp.

(*Này Di Lặc! Thế nào gọi là hai mươi lỗi của việc ưa thích hội náo? Một là chẳng giữ gìn thân nghiệp. Hai là chẳng giữ gìn ngữ nghiệp. Ba là chẳng giữ gìn ý nghiệp*).

Quý vị xem: Từ đầu mỗi này mà phạm lầm lỗi nơi ba nghiệp thân, ngữ, ý. Trong Kinh Vô Lượng Thọ, Phật dạy người niệm Phật chúng ta ba tổng cương lĩnh tu hành tối trọng yếu cũng là ba nghiệp: “*Khéo giữ khẩu nghiệp, chẳng chê lỗi người khác*”, chẳng khéo giữ ngữ nghiệp sẽ hằng ngày bàn nói thị phi, hay dở của người khác; “*khéo giữ thân nghiệp, chẳng mất luật nghi*”, chẳng giữ thân nghiệp, luật nghi phé sạch; “*khéo giữ ý nghiệp, thanh tịnh vô nhiễm*”, chẳng giữ được ý nghiệp, thì nói cách khác là phiền não ô nhiễm ngày càng tăng trưởng! Đây là sự tổn hại do náo nhiệt gây cho chúng ta, chướng ngại đạo nghiệp. Ba điều này được nêu lên trước tiên.

Chánh Kinh:

Tứ giả, đa nhiều tham dục.

(*Bốn là càng tăng tham dục*)

Ồn náo giúp cho tham dục nảy nở.

Chánh Kinh:

Ngũ giả, tăng trưởng ngu si. Lục giả, đam trước thế thoại.

(*Năm là tăng trưởng ngu si. Sáu là mê đắm ngôn luận thế gian*)

Tiếp xúc đại chúng, hết thấy chuyện trò đều là nghiệp chướng lục đạo luân hồi! Ngôn luận thế tục có phạm vi rất rộng, phạm những tư tưởng, ngôn luận nào chẳng giúp cho quý vị siêu thoát lục đạo thì đều thuộc vào “thế thoại”. Bởi lẽ, trong thế thoại có chánh luận, có tà luận. Tà luận khiến đọa trong ba ác đạo, chánh luận khiến sanh trong ba thiện đạo. Giáo học của Nho Gia là chánh

luận, nhưng chẳng thể giúp quý vị liễu sanh tử, xuất tam giới. Bởi thế, nó là thế thoại, chẳng phải là Phật thoại.

Chánh Kinh:

Thất giả, ly xuất thế ngữ.

(Bảy là lìa khỏi ngôn ngữ xuất thế)

“*Xuất thế ngữ*” là những điều Phật dạy chúng ta liễu sanh tử, xuất tam giới. Hiện tại, chúng ta tu học pháp “niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ” do Đức Phật chỉ dạy; kẻ ưa thích ồn náo lìa bỏ những lời dạy ấy, lìa bỏ những lời Phật răn dạy. “Ly” có ý nghĩa rất sâu. Mọi người chúng ta ngày ngày niệm Phật, tụng Kinh, muốn cầu sanh Tịnh Độ, nhưng thật ra, chúng ta “*mê đắm ngôn luận thế gian, lìa lời xuất thế*”. Bởi lẽ, chúng ta chẳng thật sự thực hành tuy có niệm Phật; quý vị cứ nghĩ thử coi: Một ngày quý vị niệm Phật được mấy giờ, nói chuyện nhảm nhí mấy giờ. Cứ so sánh hai thời gian đó mà xem. Niệm Phật được hai tiếng đồng hồ, nói nhảm nhí hai mươi tiếng. Quý vị nghĩ xem quả báo của mình sẽ ở đâu, thật rõ ràng rành, thật minh bạch vậy! Bởi thế, chữ Ly này có ý nghĩa rất dài sâu vậy!

Chánh Kinh:

Bát giả, ư phi pháp trung, tôn trọng tu tập.

(Tám là tôn trọng, tu tập những điều phi pháp)

Quý vị ngày ngày tu và học, nhưng học những gì? Học những thứ phi pháp. “*Phi pháp*” chỉ những gì? Những gì tăng trưởng tam độc, tăng trưởng việc đời mà hằng ngày quý vị đã làm chính là nó đấy! Tăng trưởng tham, sân, si đấy! Ý niệm tham, sân, si chẳng hề giảm bớt, thân tăng trưởng giết, trộm, dâm; miệng tăng trưởng vọng ngữ, ác khẩu, lưỡng thiệt, nói thêu dệt, quý vị rất tôn trọng những pháp ấy, rất tin tưởng học tập theo! Quý vị đã có ý tưởng ấy, hoàn cảnh bên ngoài cũng

như thế thì quý vị coi có chỗ nào chẳng bị dụ dỗ, mê hoặc hay chẳng? Điện ảnh, truyền hình chẳng cần nói đến nữa. Ngay cả nhật báo, tạp chí, tất cả hết thầy quảng cáo đều là những thứ dụ dỗ, mê hoặc; dụ dỗ mê hoặc tham, sân, si, mười ác nghiệp. Trong có phiền não, ngoài có dụ dỗ mê hoặc, xong luôn! Quý vị bèn tôn trọng, tu tập những thứ đó. Tu những thứ đó thì sao? Thì gọi là tu tam ác đạo, chứ đâu phải là tu Tây Phương Tịnh Độ!

Chánh Kinh:

Cửu giả, xả ly chánh pháp.

(Chín là lìa bỏ chánh pháp)

Chánh pháp là Tam Bảo. Tam Học, Lục Độ là chánh pháp. Bỏ sạch những điều này, chẳng nghiêm cẩn học tập, đối với tam độc, thập ác, lại rất tin tưởng học theo, làm mất rồi! Đấy đều là những lỗi hại của ồn náo.

Chánh Kinh:

Thập giả, thiên ma Ba Tuần nhi đắc kỳ tiện.

(Mười là thiên ma Ba Tuần được dịp làm hại)

Đấy là vì quý vị đã đưa chuôi cho Ma Vương nắm, để Ma Vương không chế mình. Chỉ cần quý vị bị Ma Vương không chế thì thiện căn rất khó sanh khởi. Quý vị muốn làm điều lành cũng chẳng dễ gì thành tựu được, ma đến chướng ngại liền!

Chánh Kinh:

Thập nhất giả, ư bất phóng dật, vị tăng tu tập.

(Mười một là chưa từng tu tập hạnh chẳng buông lung)

“Bất phóng dật” là cung kính, cẩn thận. Bất luận đối với người, đối với sự, đối vật, tâm cung kính, ý nguyện thận trọng của quý vị rất khó thể sanh khởi.

Chánh Kinh:

Thập nhị giả, ư phóng dật hạnh, thường hoài nhiễm trước.

(Mười một là đối với hạnh phóng dật, thường ôm lòng đắm nhiễm)

Tức là khinh mạn, tùy tiện, thiếu cẩn thận đấy! Những điều chẳng nên làm vẫn cứ thường có, thường phạm!

Chánh Kinh:

Thập tam giả, đa chư giác quán.

(Mười ba là lắm các giác quán)

“Giác quán” ở đây là tạp niệm, vọng tưởng, đều là những thứ phương hại tâm thanh tịnh. Trong nhà Phật thường dựa vào “giác quán” nhiều hay ít để phán đoán định lực sâu hay cạn. Người định lực rất sâu, giác quán ít; người định lực cạn, giác quán nhiều. Giác quán là những tạp niệm bên trong, tạp niệm quá nhiều đương nhiên định lực nông cạn. Tạp niệm càng ít thì định lực càng sâu. Vì thế, nói tứ thiên, bát định là phân biệt trên giác quán sâu hay cạn.

Chánh Kinh:

Thập tứ giả, tổn giảm đa văn.

(Mười bốn là tổn giảm đa văn)

“Đa văn” là siêng học. Người ưa thích náo nhiệt nhất định việc học sẽ bị trở ngại.

Chánh Kinh:

Thập ngũ giả, bất đắc Thiền Định.

(Mười lăm là chẳng đắc Thiền Định)

Ưa thích ồn náo, nhất định tâm thanh tịnh nơi Định bị trở ngại.

Chánh Kinh:

Thập lục giả, vô hữu trí huệ. Thập thất giả, tốc tậ nhi đắ phi chư phạm hạnh.

(Mười sáu là chẳng có trí huệ. Mười bảy là nhanh chóng đạt được những thứ chẳng phải là phạm hạnh)

Vì sao? Vì tham lam, người đời nay cứ nói “cầu đổi mới, cầu biến đổi, cầu nhanh chóng”, gọi đó là “tinh thần khoa học”. Trong Phật pháp nói là “nhanh chóng đạt được” những thứ chẳng phải là phạm hạnh, chẳng phải là thanh tịnh hạnh. Dù quý vị có đạt được gì, tâm quý vị cũng chẳng thể thanh tịnh.

Chánh Kinh:

Thập bát giả, bát ái ư Phật. Thập cửu giả, bát ái ư Pháp. Nhị thập giả, bát ái ư Tăng.

(Mười tám là chẳng yêu mến Phật. Mười chín là chẳng yêu mến Pháp. Hai mươi là chẳng yêu mến Tăng)

Đây chính là trái nghịch Tam Bảo. Quý vị thấy đó: Chúng ta vào cửa Phật, trước hết là thọ Tam Quy, quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng. Kế ấy bỏ sạch Phật, Pháp, Tăng, cứ theo náo nhiệt mà thôi.

Chánh Kinh:

Di Lặc! Thị vi Bồ Tát quán ư hội náo nhị thập chủng quá.

(Di Lặc! Đây là Bồ Tát quán hai mươi lỗi của ồn náo).

Đức Thế Tôn đã đem hai mươi lỗi của sự ồn náo giảng cho chúng ta. Tiếp theo đây là phần trùng tụng. Để nhắc lại những ý nghĩa ấy, Phật dùng kệ tụng nói lại lần nữa. Trong phần kệ tụng này, không những nhắc đến nhiệt náo mà còn nhắc đến cả những lỗi lầm của lợi dưỡng đã giảng trong phần trước. Mục đích của kệ tụng là hy vọng đại chúng ghi nhớ chắc chắn, trong từng thời, từng

khắc của sanh hoạt thường nhật sẽ tự đề khởi chánh niệm. Điều này hết sức trọng yếu.

8.4.b. Trùng Tụng:

Chánh Kinh:

Nhĩ thời, Thế Tôn trùng thuyết kệ ngôn:

(Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn nhắc lại bằng kệ như sau)

Dưới đây là hai mươi bốn bài kệ tụng. Quá nửa là trùng tụng, tức là dùng phương thức kệ tụng để nhắc lại một lượt những điều Đức Phật đã giảng trong phần trường hàng ở trên. Mục đích của kệ tụng gồm có hai điều:

Một là giảng Kinh thuyết pháp trong nhà Phật, chẳng giống như học sinh đến lớp trong nhà trường. Học sinh đến lớp con số nhất định; còn chỗ giảng Kinh thì có kẻ đến sau, người đến trước. Đức Phật vô cùng từ bi, đối với những kẻ đến sau, chưa được nghe phần đầu, Ngài bèn dùng kệ tụng để nhắc lại giản lược một lượt. Đây chính là ý nghĩa thứ nhất.

Ý nghĩa thứ hai là để tiện ghi nhớ. Phật toàn giảng những điều răn dạy vô cùng trọng yếu. Nếu chẳng thể thường nhớ trong tâm sẽ chẳng có biện pháp gì để thọ trì được. Thọ trì là y giáo phụng hành. Vì thế, nhất định phải nhớ kỹ lời Phật răn dạy. Kệ tụng giúp ghi nhớ thuận tiện. Vì thế, người biết học nhất định phải học thuộc kệ tụng, nhớ kỹ trong tâm, trong sanh hoạt thường ngày luôn luôn đề khởi công phu quán chiếu thì tu trì mới đắc lực.

Chánh Kinh:

Xả ly chư tham sân,

Bất trụ ư hội não.

(Lìa bỏ các tham, sân,

Chẳng trụ vào ồn não)

Kệ tụng bị câu chữ hạn chế, chẳng thể dài dòng thoải mái như trường hàng được. Bởi thế, chúng ta phải nhận hiểu những ý nghĩa được bao hàm trong kệ tụng. “Lìa bỏ các tham, sân” là chỉ nói đến hai thứ phiền não, chứ tính ra còn phải có si, mạn, nghi, nhưng vì câu kệ này chỉ có năm chữ nên tỉnh lược những thứ sau. Mọi người đừng nghĩ là do tỉnh lược nên chúng chẳng có, chẳng phải như vậy. Ý nghĩa câu này vẫn viên mãn, chúng ta phải hiểu rõ.

Chánh Kinh:

Nhược hữu chuyên trụ bỉ,

Thị quá, bất ưng tác.

(Nếu ai chuyên trụ đó,

Là sai, chẳng nên làm)

Nghĩa là trong tâm chẳng nên tham đắm ồn não. Nếu thường tưởng nghĩ những trường hợp, cảnh giới nhiệt não như thế, sanh lòng vui thích chúng thì tâm quý vị có chỗ trụ. Phật bảo đó là làm lỗi, là chẳng nên làm. Vì sao? Bài kệ tiếp theo sẽ nói rõ nguyên nhân.

Chánh Kinh:

Kiêu mạn cập giác quán

(Kiêu mạn và giác quán)

Quý vị đã thấy vì sao tham, sân, si vô ích chưa? Trong đoạn trước đã nói tới tham sân, ở đây nói tới kiêu mạn và giác quán, đủ thấy là trong tham, sân có mạn; tham, sân, si, mạn đều gộp trong ấy hết. “*Giác quán*” là trong tâm vọng tưởng chẳng ngừng, vọng niệm rất nhiều. Đấy đều là do ồn não sanh ra; ồn não là tăng thượng duyên.

Chánh Kinh:**Hoại hạnh vô giới nhân,****Xung thán ư hội náo.***(Kẻ hoại hạnh, thiếu giới,**Bèn khen ngợi ồn náo)*

Hạng người nào ưa thích những điều đó? Người chẳng trì giới, người chẳng nghiêm cẩn tu hành. “*Hoại hạnh*” là phá hoại sự tu hành chánh đáng, và những kẻ chẳng trì giới mới vui thích ồn náo, mới khen ngợi ồn náo. Hai bài kệ này cùng nói về một việc!

Chánh Kinh:**Ngu nhân nhạo thế luận,****Thoái thất Đệ Nhất Nghĩa.***(Kẻ ngu ưa thế luận,**Lui sụt Đệ Nhất Nghĩa)*

“*Đệ Nhất Nghĩa*” là như trong phần văn Trường Hàng ở trên đã nói là “*quán Thật Nghĩa*”, quán sát Thật Tướng của các pháp. Người nào ưa thích những luận nghị thế gian, người ấy nhất định quên mất những đạo lý, răn dạy của pháp xuất thế. Đó là “*thoái thất*” vậy!

Chánh Kinh:**Phóng dật, đa giác quán,****Thị quá, bất ưng tác.***(Buông lung, nhiều giác quán,**Là sai, chớ nên làm!)*

Đây cũng là lầm lỗi của người tu hành, chớ có làm. Chớ nên tham nhiễm thế luận (những lời bàn luận của thế gian).

Chánh Kinh:

Tỳ Kheo xả đa văn,

Ngôn luận bất như lý,

Tổn giảm chư Thiên Định,

Thường tư duy thế gian.

(Tỳ Kheo bỏ đa văn,

Ngôn luận chẳng đúng lý,

Các Thiên Định tổn giảm,

Thường nghĩ chuyện thế gian)

Ở đây, Đức Phật nêu một thí dụ: Tỳ Kheo xuất gia bỏ đa văn. Đây là lời nói mang hai ý nghĩa. Nếu như hiểu là “ngay cả Đức Phật giảng Kinh thuyết pháp, quý vị cũng chẳng nghe, cứ bỏ sạch cả đi” thì làm mất rồi. Ý nghĩa chánh yếu ở đây là như sau: Người xuất gia cần phải đa văn, nghe nhiều Phật pháp! Tuy nói là đa văn Phật pháp, nhưng cũng phải có thứ tự trước sau, như trong tứ thế nguyện ta thường nói là “*pháp môn vô lượng thế nguyện học*”, đây là học rộng đa văn. Nhưng điều nhất định là trước tiên quý vị phải đoạn phiền não.

Nếu phiền não vô tận chưa đoạn, quý vị sẽ chẳng thể đa văn, mà phải cần thâm nhập một môn. Thâm nhập một môn giúp quý vị đắc Định, giúp quý vị bỏ được giác quán. Khi trí huệ mở mang rồi thì mới có thể học rộng đa văn. Vì thế, phải theo thứ tự, đa văn chẳng dành để nói với người sơ học. Bởi thế, chúng ta phải thông đạt, phải hiểu rõ ý nghĩa của đoạn Kinh này. Nếu như “bỏ

đa văn” là chẳng thường nghe Phật pháp, lẽ đương nhiên ngôn luận có sai trái. “*Bất như lý*” là chẳng đúng với chân lý Đức Phật đã nói. Phật giảng hết thầy pháp đều nhằm giảng cho chúng ta chân tướng của nhân sanh vũ trụ, hiện tại ta gọi “chân tướng” là chân lý đấy! Quý vị chẳng thể học rộng đa văn, ắt ngôn luận của quý vị nhất định chẳng thể là chân tướng sự thật.

Trong câu “*tổn giảm chư Thiên Định*”, chúng ta phải đặc biệt chú ý chữ “*chư*”. Chư có nghĩa là vô lượng tam muội, tam muội là Thiên Định. Vì sao có nhiều Thiên Định thế? Là do có rất nhiều phương thức để tu hành Thiên Định, bất luận dùng công phu nào, dùng phương pháp nào để tu Thiên Định, nếu cứ ham hố ngôn luận thế gian thì đều uổng công thôi, ngay cả môn Niệm Phật của chúng ta cũng bị trở ngại. Vì thế, các bậc Đại Đức xưa nay thường hay dạy người sơ học chúng ta hãy bỏ lìa thế luận, từ báo chí, tạp chí cho đến máy truyền hình, truyền thanh đều bỏ cả, tâm quý vị mới được thanh tịnh, mới có thể định được.

Trong các buổi giảng, cũng có lúc chúng tôi nhắc tới vấn đề này, nhưng có mấy ai tuân theo? Quý vị chưa thể làm theo thì nói cách khác: Nhất định sẽ bị ảnh hưởng bởi hoàn cảnh. Trước đây, ước chừng hai mươi, ba mươi năm trước, chính phủ vừa mới đề xướng cuộc vận động phục hưng văn hóa, có một ngày tôi đang ở nhà tiên sinh Phương Đông Mỹ. Khéo sao hôm ấy có hai viên chức thuộc bộ Giáo Dục cũng đến thăm giáo sư Phương, hỏi ý kiến cụ Phương: “Cuộc vận động phục hưng văn hóa nên bắt đầu từ đâu?” Phương tiên sinh trầm ngâm chừng mấy phút rồi mới nói: “Nhất loạt ngưng in các loại tạp chí, báo chí ở Đài Loan, đóng cửa hết các đài truyền thanh, truyền hình”. Viên chức bộ Giáo Dục nghe vậy, lắc đầu:

Thưa thầy, điều ấy chẳng thể làm được đâu!

Chẳng làm được điều đó, còn bàn chuyện phục hưng văn hóa Trung Quốc làm gì nữa? Văn hóa Trung Quốc đã bị những thứ ấy phá hoại sạch cả rồi!

Lời cụ rất có lý! Phục hưng văn hóa cố hữu còn bị thế luận gây chướng ngại, huống hồ là tu đạo! Nói đến tu đạo, thì đạo là gì? Đạo là tâm thanh tịnh, đạo là chánh tri chánh kiến, đạo là chân chánh giác ngộ. Vì thế, nếu chẳng lìa bỏ được những thứ trên, đương nhiên sẽ thoái thất Đệ Nhất Nghĩa, Đệ Nhất Nghĩa chính là đạo! Một câu “*tổn giảm các thiền định*” này có nghĩa như vậy, tu hành công phu chẳng đắc lực, chẳng có thành tựu. “*Thường tư duy thế gian*”: Ý niệm hằng ngày của quý vị toàn là dính mắc trong các pháp thế gian ấy.

Chánh Kinh:

Đam trước tư duy giả,

Hà đắc u tịch tĩnh?

(Kẻ mê đắm tư duy,

Làm sao đạt tịch tĩnh?)

“*Đam trước tư duy*” là kẻ thích suy nghĩ lung tung, tâm kẻ ấy làm sao có thể định được? Làm sao thanh tịnh cho được?

Chánh Kinh:

Kỳ tâm thường tán dật.

(Tâm hẳn thường tán dật)

Tâm kẻ ấy thường tán loạn, thường buông lung.

Chánh Kinh:

Vĩnh ly ư chánh quán.

(Mãi lìa nơi chánh quán)

Chánh quán ở đây là chánh quán của Chư Phật Như Lai. Chánh quán là chánh tri chánh kiến, giác chú không mê, chánh chú không tà; kẻ ấy vĩnh viễn chẳng thể đạt được. Chúng ta tu hành hằng ngày mong chứng đắc, nhưng vì sao chẳng thể chứng đắc? Bây giờ ta đã biết: Chẳng thể chứng đắc là vì mắc căn bệnh nào? Sai lầm ở đâu? Trong bộ Kinh này, Đức Phật đã dạy minh bạch cho chúng ta.

Chánh Kinh:

Tốc đắc phi phạm hạnh.

(Mau đạt phi phạm hạnh)

“Tốc” là nhanh chóng. Người hiện thời chẳng có lòng nhẫn nại, chẳng có tánh nhẫn nại sẽ chẳng thể tu định. Bất cứ việc gì, họ cũng cầu những gì mới mẻ, cầu nhanh chóng, cầu biến chuyển. Tâm lý ấy gây trở ngại rất lớn cho tu đạo; đấy chẳng phải là phạm hạnh. “*Phạm hạnh*”: Phạm nghĩa là thanh tịnh. Bởi thế, người học đạo trước hết phải tu tâm nhẫn nại. Trong lục độ của Bồ Tát có Nhẫn Nhục Ba La Mật; Nhẫn Nhục là tu tâm nhẫn nại.

Chánh Kinh:

Huyên tạp vô nghi kiễm.

(Ồn tạp, không đức hạnh)

“*Nghi*” là oai nghi, “*kiễm*” là cẩn thận, kiểm điểm. Câu này ý nói đức hạnh đều mất cả.

Chánh Kinh:

Diệc bất tăng ái Phật,

Cập ái ư thánh chúng,

Khí xả ly dục pháp,

Đam trước phi pháp ngôn.*(Cũng chưa từng mến Phật,**Và mến yêu thánh chúng,**Vứt bỏ pháp ly dục,**Mê đắm lời phi pháp)*

Trong câu “*bát ái Phật*”, Phật có nghĩa là giác ngộ. Chẳng yêu mến chánh giác đấy! Chẳng mến chánh giác thì ngày ngày điên đảo, mê hoặc. “*Chẳng yêu mến thánh chúng*”: Chữ “*thánh chúng*” chỉ thanh tịnh. Trong Tam Bảo, Tăng Bảo là sáu căn thanh tịnh, chẳng nhiễm mây trần. Kẻ ấy chẳng thích thanh tịnh. Thánh chúng cũng tượng trưng cho Lục Hòa. Kẻ ấy cũng chẳng ưa Lục Hòa. Trong câu “*vứt bỏ pháp ly dục*”, Pháp là chánh. Bởi thế, ba câu Giác, Tịnh, Chánh này chính là Tam Bảo. Chúng ta học Phật, vào cửa Phật bèn quy y Tam Bảo, giờ đây, hành vi việc làm đều trái nghịch Tam Bảo! Vì đâu nên nổi trái nghịch Tam Bảo? Là vì tham đắm ngôn luận thế gian, ưa thích ngôn luận thế tục, đủ thấy là mắc phải làm lỗi rất nghiêm trọng.

Chánh Kinh:**Ngã thường xả thiên thân,****Chi phần cập đầu mục,****Vị cầu vô thượng đạo,****Văn pháp vô yếm túc.***(Ta thường bỏ ngàn thân,**Chi phần và đầu, mắt,**Để cầu đạo vô thượng,**Nghe pháp không chán đủ)*

Bốn câu kệ này nói lên sự việc: Thích Ca Mâu Ni Phật nêu gương cho chúng ta; xả thân cầu pháp thì mọi người cũng sẽ tôn trọng pháp giống như vậy. Trong Kinh Niết Bàn có nói lúc Phật tu nhân, còn là Bồ Tát, vì cầu nửa bài kệ mà xả toàn thân. Tôi nhớ đến một câu chuyện nhỏ, có lẽ nhiều vị đồng tu đã biết rồi. Do vì tâm Đức Phật cầu pháp tha thiết, thiên thần trông thấy, trời Đế Thích trông thấy, cố ý biến thành một con quỷ La Sát đến nói hai câu kệ: “Các hành vô thường, là pháp sanh diệt” rồi không nói tiếp phần sau. Người cầu pháp nghe được hai câu ấy, liền hỏi: “Còn phần sau thì sao?” Quỷ nói:

Phần tiếp theo ta không có sức, nói không nổi nữa.

Vì sao vậy?

Bụng ta đói, không có gì để ăn.

Người ấy nói:

Ngài muốn ăn gì?

Ta muốn ăn thịt người.

Bồ Tát liền phát tâm: “Tôi sẽ xả thân, trao cái thân này của tôi cho Ngài, xin Ngài nói nốt hai câu cuối có được chăng?” vì pháp xả thân. Quỷ La Sát thấy Bồ Tát thành tâm như thế, nói hai câu kệ cuối xong, Bồ Tát thật sự xả mạng để cúng dường. Hai câu kệ cuối là: “*Sanh diệt dứt rồi, tịch diệt là vui!*” Khi ấy, quỷ bèn hiện lại thân Đế Thích, cung kính, lễ bái, cúng dường người ấy. Đây là chuyện khi còn tu nhân, Phật đã xả thân cầu pháp, chẳng tiếc thân mạng, vì cầu đạo vô thượng, nghe pháp không chán đủ. Hãy nghĩ xem chúng ta nghe pháp có nhiệt thành như thế hay chăng? Có chút trở ngại cỡ con nào bèn chẳng nghĩ tới nữa, bèn buông ngay ý nguyện nghe pháp, sao chẳng nghĩ Đức Phật đã làm gương cho chúng ta như thế?

Chánh Kinh:

Thị chư phi pháp nhân,

Thiếu văn tiệp yếm xả.

(Những kẻ phi pháp ấy,

Nghe một chút, chán bỏ)

Được chút ít cho là đủ. Nghe một chút Phật pháp đã cho là đủ quá rồi, chẳng cần đa văn. Chúng ta nghe Kinh dạy như vậy, thì có rất nhiều vị cao tuổi, trí nhớ không tốt, nghe xong rất khó chịu! Bởi lẽ họ thấy mình không có năng lực đa văn. Có cần phải đa văn chăng? Không nhất thiết! Việc này nhằm nói với những người trẻ tuổi. Người trẻ tuổi cần phải đa văn, người phát nguyện hoằng pháp lợi sanh đương nhiên phải đa văn. Không đa văn làm sao có thể giáo hóa chúng sanh có bao nhiêu là căn tánh bất đồng? Người cao tuổi cứ một câu A Di Đà Phật cầu sanh Tịnh Độ, sanh về Tây Phương Cực Lạc Thế Giới xong sẽ lại học rộng nghe nhiều là ổn rồi. Chính xác phi thường! Vì thế, hiện tại bất tất phải lãng phí thời gian, cứ thâm nhập một môn, một câu Di Đà cứ niệm đến cùng!

Chánh Kinh:

Ngã tích tác quốc vương,

Vị cầu tứ cú kệ,

Thê tử cập tài bảo,

Tất giai năng thí dũ.

(Ta xưa làm quốc vương,

Vì cầu bốn câu kệ,

Vợ con cùng của báu,

Thầy đều đem thí cả)

Đoạn này cũng là Đức Thế Tôn tự trình bày hành vi lúc còn tu nhân. Trong Kinh Hiền Ngu, có đoạn thuật: Lúc Phật tu nhân, làm quốc vương, cũng là vì nghe một bài kệ:

Hết thầy hành vô thường,

Sanh đều là có khổ,

Vô nhân, không, vô tướng,

Chẳng có Ngã, ngã sở!

Vì nghe bài kệ đó, bèn bỏ vợ con, của báu. Những chuyện này nhằm nói lên Phật pháp rất đáng quý! Nếu một câu, nửa bài kệ mà quý vị nghe hiểu, thật sự thể hội, sẽ khế nhập cảnh giới, chẳng có của báu thế gian nào sánh bằng! Trong nhiều Kinh Điển Đại Thừa, chúng ta đã thấy Thích Ca Mâu Ni Phật so sánh công đức, so lường tài thí với pháp thí: Bồ thí của báu đầy khắp đại thiên Thế Giới chẳng thể bằng bồ thí bốn câu kệ. Bốn câu này hợp thành một bài kệ. Một bài kệ có thể khiến cho quý vị khai ngộ, khiến cho quý vị liễu sanh thoát tử, khiến cho quý vị khế nhập cảnh giới Như Lai, của báu thế gian dù nhiều đến đâu đi nữa cũng không có cách gì sánh bằng! Bởi thế, người chân chánh giác ngộ biết Phật pháp là quý báu, có thể xả thân vì pháp.

Chánh Kinh:

Hà hữu ư trí giả,

Nhi bất cần thính pháp

(Há có người trí nào,

Mà chẳng siêng nghe pháp?)

Há có kẻ trí huệ chân chánh nào lại chẳng chịu siêng năng nghe pháp hay sao? Kẻ chẳng thể nghe pháp, thích đến chỗ vui chơi là kẻ ngu si, chẳng có trí huệ! Người thật sự có trí huệ sẽ đối với việc nghe pháp, tu trì, đúng là giành giật từng phút giây, chẳng dám để thời gian quý báu luống qua!

Chánh Kinh:

Ngã thường xả nhất thiết,

Phi pháp chi hý luận,

Vị ư bách thiên kiếp,

Nan đắc giải thoát cố!

(Ta từng bỏ hết cả,

Những hý luận phi pháp

Vì trong trăm ngàn năm,

Khó được giải thoát vậy!)

Bốn câu kệ này của Đức Phật nhằm khuyên chúng ta, Ngài là tấm gương cực tốt cho chúng ta: Ngài đã từng “thường” nghĩa là từng trải qua “bỏ hết cả”: Danh văn, lợi dưỡng thế gian, ngũ dục, lục trần thấy đều bỏ sạch. “Những hý luận phi pháp” cũng bỏ luôn. Mục đích là gì? Ngài thật sự hiểu rõ, thật sự minh bạch rằng “trong trăm ngàn kiếp, khó được giải thoát” chúng ta từ vô thủy kiếp đến nay, không phải chỉ là trăm ngàn kiếp, luôn luôn hồi trong lục đạo, tiền đồ (tương lai) một bề tối om, mù mịt vô cùng, biết bao giờ giải thoát. Từ trước đến nay, chúng ta chưa từng giác ngộ, còn Ngài đã thành Phật là vì đạo lý này đây: Ngài đã giác ngộ. Đã giác ngộ, Ngài lại còn có thể bỏ, Ngài chịu buông bỏ thì mới có thể thành tựu được!

Chánh Kinh:

Nhữ đấng ưng hân nhạo,

Chí cầu vi diệu pháp.

(Các người nên vui thích,

Chí cầu pháp vi diệu)

Chúng ta phải học theo Đức Phật. Hãy nên ưa thích, vui ưa, mong cầu Phật pháp vi diệu vô thượng. Phật pháp vi diệu ấy trong cuối Kinh sẽ gom chỉ về Tịnh Độ. Vì thế, pháp vi diệu này chẳng phải là nói pháp Đại Thừa, mà thật ra là nói tới pháp môn cầu sanh Tây Phương Cực Lạc Thế Giới. Bởi lẽ, chỉ có pháp môn này mới thật sự có thể bảo đảm chúng ta ngay trong một đời này thoát ly tam giới luân hồi.

Chánh Kinh:

Nhược nhạo ư giải thoát.

(Nếu thích nơi giải thoát)

Chữ “lạc” ở đây phải đọc biến âm thành Nhạo, nghĩa là yêu thích. Quý vị phải yêu thích giải thoát.

Chánh Kinh:

Tối thắng công đức giả.

(Công đức tối thù thắng)

“Thắng” là thù thắng, công đức thù thắng. Hai câu kệ này chỉ chung pháp Đại Thừa, đồng thời chỉ riêng pháp Tịnh Độ. Pháp môn Tịnh Độ thù thắng khôn sánh, quý vị phải thật sự yêu mến, phải thật sự hiểu rõ.

Chánh Kinh:

Thế gian chur sự nghiệp,

Giai sở bất ưng vãn,

(Các sự nghiệp thế gian,

Đều chẳng nên hỏi đến)

Nếu quý vị buông xuống thì quý vị mới có thể thực sự cầu đạt được giải thoát. Chữ “*giải*” này là giải trừ, giải trừ hết thấy phiền não ràng buộc. “*Thoát*” là thoát ly lục đạo sanh tử luân hồi. Người thật sự giác ngộ đối với những sự nghiệp thế gian đều buông xuống hết. Nói “*sự nghiệp thế gian*” là chỉ những sự nghiệp tạo luân hồi lục đạo.

Chánh Kinh:

Y thực vô thắng lợi,

Diệc bất chứng Niết Bàn.

(Cơm áo không lợi ích,

Cũng chẳng chứng Niết Bàn)

Đây là nêu thí dụ. Người thế gian bận bịu những gì? Bận bịu vì cơm áo. Cơm áo chẳng phải là lợi ích thù thắng (“thắng lợi”); bởi thế, cơm áo chỉ cần vừa đủ là được. Đặc biệt là tại Đài Loan, nếu ai thật sự giác ngộ thì ở Đài Loan thật sự có đại phước báo. Vì sao vậy? Cơm áo dễ dàng, chẳng khó cầu chi. Chẳng cần phải tranh đua với ai. Mỗi ngày muốn ăn no, mặc ấm thì điều kiện ấy tại Đài Loan rất dễ dàng. Có một năm tôi đi giảng Kinh, đi xe taxi, người lái xe bảo tôi: “Kiếm tiền thật chẳng dễ, cay đắng lắm!” Tôi bèn hỏi ông ta: “Vì sao ông cần phải kiếm thật nhiều tiền vậy? Chẳng biết ông có cơm ăn không? Ông không có y phục để mặc phải không? Một bộ quần áo mặc tám, mười năm còn chưa hư kia mà!” Ông ta gật gù: “Cũng có lý chớ!”

Nếu tự vui với cuộc sống của chính mình thì mỗi tháng chỉ làm việc năm ngày cũng đủ ăn cả tháng, để ra hai mươi lăm ngày niệm Phật. Quý vị coi có phải là tự tại không? Có chi cứ ngày ngày khổ cực vậy? Là vì đua tranh với

người khác đó mà! Bây giờ người ta mặc y phục theo mode, ngày mai không mua một bộ khác là không theo kịp thời trang rồi, cái tâm lý đua đòi ấy chỉ khiến chính mình khổ sở mà thôi! Bởi thế, nếu quý vị thật sự hiểu rõ đạo lý này thì ở Đài Loan, quý vị có thể làm một năm, nghỉ một năm; nói thật đó! Ở ngoại quốc có rất nhiều nơi chẳng làm như vậy được, rất là khổ cực đấy nhé! Tháng nào không làm việc, tháng ấy không có cơm mà ăn. Tại Đài Loan thì khác, làm một tháng mà biết tiết kiệm thì có thể đủ ăn cả năm.

Trên đây, nói cơm áo chẳng phải là lợi ích thù thắng, “cũng chẳng chúng Niết Bàn”. Hai câu này là như trong Kinh Kim Cang nói: “Pháp còn nên bỏ, huống là phi pháp”. “Chúng Niết Bàn” là pháp, ngay cả ý niệm chúng Niết Bàn cũng bỏ luôn, chẳng cầu nữa, huống hồ là cơm áo! “Cơm áo còn chẳng phải là lợi ích thù thắng”, huống chi là phi pháp!

Chánh Kinh:

Đương xưng tán tối thắng.

(Nên ngợi khen tối thắng)

Hãy nên khen ngợi điều tối thù thắng. Điều gì tối thù thắng? Chính là Phật pháp Đại Thừa. Kinh Kim Cang Bát Nhã nói: “Các pháp đều không, nhân quả chẳng không”. Quý vị thấy đó, Đức Phật nói “ba tâm chẳng thể được”. Chủ thể chấp trước (năng chấp trước) là không, vạn pháp duyên sanh, bản thể của chúng là Không, trọn chẳng thể được; cái được quý vị chấp trước (sở chấp trước) cũng là không. Năng, Sở đều không. Đây là nói “vạn pháp đều không”. Bồ Tát chẳng nói tướng đoạn diệt; chẳng nói tướng đoạn diệt chính là “nhân quả chẳng không”. Đây là lời tổng luận toàn bộ Kinh ấy một cách đơn giản như thế; đây là điều tối thù thắng.

Nếu quy vào pháp môn Niệm Phật thì niệm Phật là nhân, thành Phật là quả; đây là pháp tối thắng được Chư Phật Như Lai khen ngợi. Niệm Phật là

nhân, thành Phật là quả, niệm Phật thành Phật. Bởi thế chẳng cần phải niệm pháp thế gian, phải bỏ thế gian đi, phải bỏ sạch cả đi!

Chánh Kinh:

Thiện lai, chư Tỳ Kheo!

Ứng phu tòa linh tọa,

Hỗ thuyết chư pháp yếu.

(Các Tỳ Kheo khéo đến,

Hãy nên trải tòa ngồi,

Bảo nhau các pháp yếu)

“Thiện lai chư Tỳ Kheo” hiểu theo nghĩa rộng là tứ chúng đồng học. Chúng ta thường có duyên tụ hội một chỗ, khi gặp nhau đừng nói chuyện thế tục, mà hãy thuật cho nhau nghe các pháp yếu, trao đổi những điều tâm đắc trong việc tu học, thảo luận những khai thị trọng yếu trong Kinh Luận Phật Giáo có quan hệ như thế nào đối với việc tu học của chúng ta, giúp cho chúng ta thấy thấu suốt, buông xuống, giúp chúng ta đoạn ác, tu thiện. Thảo luận những điều như vậy là đúng.

“Pháp yếu” là những điểm tối tinh yếu trong pháp, chẳng hạn như bài kệ gồm hai câu trong Kinh Kim Cang vừa nhắc ở phần trên, hai câu ấy trọng yếu nhất: “Chẳng lấy các tướng, như như bất động”. Ngoài chẳng chấp tướng, trong tâm bất động, là điều trọng yếu! Trong pháp môn Tịnh tông, sáu chữ hồng danh “Nam Mô A Di Đà Phật” là trọng yếu, không còn gì trọng yếu hơn. Nếu thật sự thật thà niệm danh hiệu ấy thì sẽ có thể thoát khỏi tam giới thành công. Ngày Chủ Nhật, chúng ta họp nhau niệm Phật tại đây, mọi người cùng niệm Phật chính là bảo cho nhau nghe pháp yếu đấy! Mỗi một người quý vị

không có tạp tâm, không có tạp niệm, Nam Mô A Di Đà Phật, Nam Mô A Di Đà Phật, đây thật sự là bảo cho nhau nghe pháp yếu vậy!

Chánh Kinh:

Nhân thân thậm nan đắc,
 Tùy phạm hành bạch pháp,
 Độc tụng cập thiền định,
 Nhữ ưng như thị vấn.
 (Thân người rất khó được,
 Tùy sức hành pháp lành,
 Đọc tụng và thiền định,
 Ông nên hỏi như thế!)

Tìm thầy, kiếm bạn hỏi đạo, hỏi những điều gì? Nhất định phải hiểu thân người khó được, Phật pháp khó nghe. “Bạch pháp” là thiện pháp, những pháp Đức Phật thuyết chính là bạch pháp. Câu này mang ý nghĩa dạy chúng ta “như thuyết tu hành”, thường đọc tụng Kinh Điển Đại Thừa. “Thiền định” là thọ trì, thật sự tu hành đấy! Đọc xong phải thật sự tu hành! “Thiền định” hàm ý thật sự tu hành. “Ông nên hỏi như thế”: Hỏi như vậy mới là chính xác, mới được Đức Phật khen ngợi vậy!

Chánh Kinh:

Như Lai nhập Niết Bàn,
 Di pháp đương diệt hoại,
 Tỳ Kheo đa phóng dật,
 Nhạo chúng, khí nhàn tịnh,

**Vị ẩm thực lợi dưỡng,
 Trú dạ đàm thể thoại.
 (Nhu Lai nhập Niết Bàn,
 Di pháp sẽ diệt hoại,
 Tỳ Kheo nhiều buông lung,
 Ưa đông, bỏ thanh vắng,
 Vì uống ăn, lợi dưỡng,
 Ngày đêm bàn chuyện đời)**

Sáu câu này nói về hiện tượng học Phật trong thời kỳ Mạt Pháp. Hiện tại đã cách thời Đức Phật diệt độ ba ngàn năm rồi, tình trạng tu tập hiện thời của chúng ta Đức Phật nói chẳng sai chút nào! Câu thứ nhất nghĩa là sau khi Đức Phật diệt độ, Phật pháp sẽ dần dần bị biến chất, Phật pháp cũng bị hoại diệt. Trong thời đại mạt pháp này, “*Tỳ Kheo hay buông lung*”, đệ tử xuất gia của Phật phóng dật, chẳng tuân thủ lời dạy răn, ưa thích tụ hội cùng đại chúng. “*Nhạo chúng*” là thích tụ hội cùng đại chúng, chẳng thích nhàn tịnh. Càng nhàn tịnh họ càng chẳng ưa! Vì lợi dưỡng, ăn uống bèn “*ngày đêm bàn chuyện đời*”. Bài kệ này mô tả đích xác tình trạng học Phật hiện tại của chúng ta!

Chánh Kinh:

**Ngu nhân ư mộng trung,
 Kinh bố nhi phiêu nịch,
 Tự tri đa hủy phạm,
 Đương đọa tam ác đạo.
 (Kẻ ngu ở trong mộng,
 kinh hãi nên trôi chìm,**

Tự biết lỗi hủy phạm,

Sẽ đọa ba đường ác)

“Ngu” là ngu si, không có trí huệ, mê hoặc, điên đảo. Chữ “*trong mộng*” miêu tả cuộc sống hiện tại: Kẻ ấy sống như trong mộng. “*Mộng*” có nghĩa là trong cuộc sống chẳng hề giác ngộ, chẳng tỉnh táo, mê hoặc điên đảo, thời thời khắc khắc sợ hãi, chẳng thể rời bỏ sợ hãi, phiêu giạt, chìm đắm trong tam đồ lục đạo. Ngẫu nhiên, tạm giác ngộ, liền nhận biết mình đã hủy phạm nhiều, mình chưa hề tuân thủ những dạy răn của Đức Thế Tôn, không những chỉ phạm giới mà còn hủy phạm nữa, vậy là xong luôn rồi! Câu kệ cuối cùng nói đến quả báo: Sẽ đọa trong ba đường ác. Những điều Đức Phật nói đều là chân tướng sự thật, chẳng nói dối câu nào; càng phản tỉnh, càng kinh hãi, biết làm cách nào đây? Tiếp theo đây, Đức Phật dạy chúng ta:

Chánh Kinh:

Ứng sanh hoan hỷ tâm,

Độc xử ư nhàn tịch,

Nhược tại a lan nhã,

Chí cầu vô thượng đạo.

(Nên sanh tâm hoan hỷ,

Ở riêng chỗ vắng lặng,

Như ở a lan nhã,

Chí cầu đạo vô thượng)

Đây là Đức Phật dạy chúng ta “*quay đầu là bờ*”, đối với những ác nghiệp do mê hoặc điên đảo đã tạo trong quá khứ, chẳng cần phải thường nghĩ đến nữa. Nhiều vị đồng tu thường đến thưa với tôi: Tâm thần họ chẳng thể an định, cứ

nghĩ đến những ác nghiệp đã tạo trước đây bèn Kinh tâm động phách, ngay cả Phật hiệu cũng niệm chẳng được, hỏi tôi làm cách nào? Làm cách nào ư? Ở đây, Đức Phật bảo đừng nghĩ đến nữa! Quá khứ là chuyện đã qua, từ hôm nay trở đi vui vẻ, mừng rỡ nghĩ đến Phật, niệm Phật, cảnh giới của quý vị có chuyển biến thì nghiệp chướng của quý vị mới tiêu trừ được! Quý vị cần phải biết rằng: Mỗi lần quý vị nghĩ đến là quý vị lại tạo nghiệp ấy một lần nữa, quý vị còn sợ tạo nghiệp chưa đủ nhiều hay sao? Tạo nghiệp là tâm, miệng, ý; dù thân và miệng chẳng tạo, nhưng cứ mỗi lần nghĩ đến cũng giống như tạo thêm một lần nữa, thật đáng sợ lắm!

Vậy thì, làm thế nào để tiêu nghiệp chướng? Đừng nghĩ đến nữa, chúng ta nghĩ từ nay đã chấm dứt rồi, đã ngưng hẳn rồi; từ nay trở đi, chỉ nghĩ đến Phật, nghĩ trong Kinh Đức Phật răn dạy bao điều để chuyển biến ý niệm, có vậy mới hòng tiêu trừ nghiệp chướng. Niệm Phật công phu như vậy mới đắc lực, tự nhiên xa lìa hết thấy lo sợ, vọng tưởng, đấy là chính là điều Đức Phật thường răn dạy chúng ta. Chúng ta nghe được Phật pháp Đại Thừa, thật là hy hữu! Bởi thế, phải sanh tâm hoan hỷ.

“Ở riêng nơi thanh vắng”, tâm phải tịnh, tâm phải định. “*Như trụ a lan nhã*”: A lan nhã là hoàn cảnh hết sức u tịch. Hoàn cảnh thanh tịnh giúp ích rất nhiều cho việc tu hành của chính mình. “*Chí cầu đạo vô thượng*”: Chúng ta niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ là đạo vô thượng. Điều đầu tiên là phải tự biết làm thế nào để tiêu nghiệp chướng, làm thế nào để tiêu trừ vọng tưởng, xác định phương hướng mục tiêu tu học của chính mình, chỗ thực hiện vẫn là nương theo những điều Đức Phật chỉ dạy.

Chánh Kinh:

Bất ưng kiến nhân quá.

(Chẳng nên thấy lỗi người)

Ở phần trên, Đức Phật đã dạy chúng ta phương pháp thứ nhất, tức phương pháp trọng yếu nhất: Chẳng tìm lỗi người, tức là chẳng thấy lỗi người khác đấy!

Chánh Kinh:

Tự vị tối tôn thắng

(Tự bảo tôn thắng nhất)

Thấy người khác ai cũng có làm lỗi, tự mình tự tôn tự đại, tự hào mình không mắc làm lỗi gì, nào biết thấy lỗi người chính là mình có lỗi, phải biết điều này! Nếu quý vị chẳng có làm lỗi, quý vị sẽ chẳng thấy lỗi người khác. Câu Kinh này nói người cho mình tôn quý nhất chính là tự tôn tự đại.

Chánh Kinh:

Kiêu tứ, phóng dật bốn.

(Kiêu tứ: góc phóng dật)

Kiêu tứ (kiêu căng ngạo mạn, ý phóng túng) chính là cội rễ của buồng lung, chúng ta phải ngăn ngừa.

Chánh Kinh:

Mạc khinh hạ liệt nhân,

Bĩ ư di pháp trung,

Tiệm thứ nhi giải thoát,

(Chớ khinh kẻ kém hèn,

Họ sẽ trong di pháp,

Lần lượt được giải thoát)

Chớ có khinh khi người kém hèn, thậm chí đối với súc sanh cũng chẳng được khinh mạn chúng. Quý vị thấy đời này chúng mang thân súc sanh, biết đâu nghiệp báo súc sanh của chúng đã mãn, đời sau được làm thân người, niệm Phật Vãng Sanh, chúng quyết định sẽ thành Phật, còn ta vẫn cứ lẩn quẩn trong sáu đường. Thường có chuyện ấy; vì thế, chẳng được xem thường người khác, cũng có người một khi chuyển sanh sẽ thành tựu vượt trội chúng ta. “Họ sẽ trong di pháp”: Di pháp là di giáo của Phật, rất có thể họ sẽ lần lượt được giải thoát, tu hành chứng quả vậy.

Chánh Kinh:

Tỳ Kheo tuy phá giới,

Thâm tín ư Tam Bảo,

Thị tắc giải thoát nhân,

Bất ưng kiến kỳ quá.

(Tỳ Kheo tuy phá giới,

Nhưng tin sâu Tam Bảo,

Chính là nhân giải thoát,

Chẳng nên thấy lỗi họ)

Ở đây, Phật lại thuyết minh vì sao chẳng nên thấy lỗi người khác? Có đạo lý đấy! Trong Giới Kinh thường nói kẻ phá giới Phật vẫn có biện pháp cứu được, nhưng mất chánh kiến, Phật không còn cách nào cứu nổi. Những người kia tuy phá giới, nhưng không phá chánh kiến. Vì sao? Vì họ tin tưởng Tam Bảo sâu xa, vẫn còn cứu được!

Thí dụ rõ ràng nhất là như chuyện Pháp Sư Oánh Kha đời Tống được chép trong Tịnh Độ Thánh Hiền Lục là một thí dụ rất hay. Lúc còn sống, sư Oánh

Kha phá giới, tạo tác rất nhiều ác nghiệp. Sở dĩ sư được cứu là vì tin tưởng Tam Bảo, vẫn tin tưởng nhân quả, tự nghĩ mình nhất định đọa địa ngục A Tỳ. Nghĩ đến chuyện ấy, sư sợ run, cầu hỏi bạn đồng tu có cách nào cứu giúp hay không? Bạn đồng tu của sư cũng rất hiếm có, tặng sư một cuốn Vãng Sanh Truyện, bảo hãy tự xem. Sư đọc thấy người ta niệm Phật Vãng Sanh, tâm liền chấn động, thật sự phát nguyện niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Tâm sư chân thành, khẩn thiết, niệm đến ba ngày ba đêm cảm Đức A Di Đà Phật hiện thân.

A Di Đà Phật dạy ông: “Ông còn sống được mười năm nữa, hãy gắng tu tập, mười năm sau, lúc ông mạng chung, ta sẽ đến rước ông”. Oánh Kha cũng hiếm có, sư thưa cùng A Di Đà Phật: “Con nghiệp chướng rất nặng, chẳng chống cự nổi những dụ dỗ, mê hoặc, người ta dẫn dụ là con lại phạm tội, phạm tội nữa thì chẳng biết mười năm sau con tạo không biết bao nhiêu là tội nghiệp, con chẳng cần sống thêm mười năm nữa đâu, bây giờ con cứ theo Phật thôi!” Phật cũng từ bi đáp ứng: “Ba ngày sau ta sẽ đến tiếp dẫn ông”. Ba ngày sau sư liền Vãng Sanh.

Kinh A Di Đà nói niệm một ngày, hai ngày đến bảy ngày là thật đấy, chẳng phải giả đâu. Vì sao chúng ta niệm Phật đã lâu như vậy mà chẳng được Vãng Sanh? Chúng ta chỉ ưa thích Vãng Sanh nơi cửa miệng, chứ trong tâm tham luyến Thế Giới này, bỏ chẳng được! Phật biết rất rõ ràng, minh bạch, biết những lời quý vị nói đều là giả, nói không thật, nên Ngài chẳng đến; quý vị thật sự muốn Vãng Sanh, Phật sẽ đến. Quý vị chẳng nói lời chân thật, miệng đúng, tâm sai, nên có niệm suốt đời, Phật cũng chẳng nghĩ đến, còn người ta niệm chỉ ba ngày là Phật liền nghĩ đến ngay, là vì nguyên nhân nào? Vì thật sự niệm. Nếu như ở đây chúng ta giả Phật thật đúng như thế, niệm Phật bảy ngày liền Vãng Sanh thì sẽ chẳng còn ai đến đây nữa đâu! Đúng vậy đó, sau bảy ngày là phải chết rồi, còn ai dám đến đây nữa!

Đoạn Kinh này nói về người phá giới, nhưng chẳng phá chánh kiến, vẫn còn là chánh tri, chánh kiến, chẳng phải là tà tri, tà kiến. Chánh kiến đó là nhân để giải thoát, họ sẽ được cứu, được Vãng Sanh, không chỉ Vãng Sanh mà lắm khi phẩm vị Vãng Sanh còn rất cao nữa kia! Qua Kinh Điển, chúng ta thấy vua A Xà Thế, chẳng hạn theo Kinh Quán Vô Lượng Thọ, vua từng giết cha, hại mẹ, theo Đề Bà Đạt Đa phá hoại Tăng đoàn, tạo tội ngũ nghịch, thập ác. Đề Bà Đạt Đa đọa địa ngục, còn vua lúc lâm chung mới sám hối, niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, Phật bảo nhà vua là thượng phẩm trung sanh, thật là ngoài sức tưởng tượng của chúng ta!

Bởi thế, chúng ta mới hiểu được rằng: Có hai loại người Vãng Sanh Tịnh Độ, một là hạng bình thời niệm Phật tích công lũy đức, hai là khi lâm chung sám hối, phẩm vị cao hay thấp phụ thuộc sức sám hối của người đó. Vua A Xà Thế chân tâm sám hối, nên đạt được phẩm vị cao như thế. Bởi thế, chúng ta chẳng được khinh mạn những người tạo ác nghiệp, “chẳng nên thấy lỗi họ”.

Chánh Kinh:

Tội phục tham sân nan,

Vật Kinh ư phóng dật,

Trừ tập pháp ưng nhĩ,

Thị cố bất tu thuyết.

(Khó dẹp yên tham sân,

Đừng kinh sợ phóng dật,

Trừ tập, pháp phải vậy,

Nên chẳng cần nói nữa)

Bài kệ này cho thấy Đức Phật hết sức thông hiểu tình cảm con người. Nói theo phương diện tình cảm con người, chẳng nên khinh mạn những hạng người ấy là vì có gì? Phiền não tham sân si muốn đoạn trừ rất khó khăn. Biếng trễ, lười nhác, buông lung đều là tập khí phiền não từ vô thủy kiếp đến nay. “Trừ tập pháp ưng nhĩ” (trừ tập khí, lẽ đương nhiên phải như thế): Thấy những hiện tượng ấy, biết những hiện tượng ấy là chuyện đương nhiên. Cho nên chẳng thấy lỗi người khác. Ôi! Chẳng cần phải nói đến làm chi, phiền não từ vô thủy đó mà! Kẻ kia chưa phải là thánh nhân, cũng chưa phải là Phật, Bồ Tát tái lai, làm sao không có phiền não cơ chứ?

Vì thế, dù thấy họ có lỗi cũng chẳng cần phải nói đến, hãy ngoảnh lại xét mình, bản thân mình có lỗi đó hay không? Tự xét mình khó lắm nghe! Thấy lỗi người khác dễ ợt! Hệt như trông mắt chỉ thấy những gì bên ngoài chứ chẳng thấy được chính mình. Như vậy, người giác ngộ chẳng có gì phi thường cả, họ thấy người khác giống như chính mình, ta và người chẳng hai. Thấy người khác có lỗi, họ liền biết chính mình có lỗi ấy, mong mỗi người khác sửa lỗi thế nào thì họ sẽ tự nghiêm chỉnh sửa lỗi như thế ấy. Người như vậy có trí huệ, người như vậy khéo tu đấy! Biết tu hành đấy!

Chánh Kinh:

Nhược thanh tịnh Tỳ Kheo,

Ty tha nhân quá thất,

Thị tối phi chân thật,

Bất danh tu chánh pháp.

(Nếu Tỳ Kheo thanh tịnh,

Bối tìm lỗi người khác,

Là chẳng chân thật nhất,

Chẳng gọi tu chánh pháp)

Nếu là một Tỳ Kheo chân chánh thanh tịnh mà lại gây phiền phức cho người khác, tìm lỗi người khác, Đức Phật nói kẻ ấy chẳng đúng là Tỳ Kheo thanh tịnh, cũng chẳng phải là kẻ chân chánh tu hành, mà là giả, là giả vờ đó thôi!

Chánh Kinh:

Như lý tu hành giả,

Đương tu tự quán sát.

(Kẻ đúng lý tu hành,

Phải nên tự quán sát)

Thực sự là người tu hành thì phải thường tự xét mình, chẳng cần phải nhòm ngó người khác.

Chánh Kinh:

Cầu đạo chư Tỳ Kheo,

Xả ly ác ngôn luận,

Thường dĩ hoan hỷ tâm,

Độc xử ư nhàn tịnh.

(Các Tỳ Kheo cầu đạo,

Lìa bỏ lời lẽ ác,

Thường dùng tâm hoan hỷ,

Ở riêng nơi thanh vắng)

Đây là một tấm gương tu hành. Thật sự là người tu hành thì nhất định phải ít nói, ngôn ngữ phải nhu hòa, thanh tịnh, hoan hỷ, an tịnh, đúng như thường

nói: “Nhiều sự chẳng bằng ít sự; ít sự chẳng bằng vô sự”. Đây mới là người chân chánh tu hành vậy! Trong đoạn này tổng cộng có hai mươi bốn bài kệ, trùng tụng đại ý đã nói trong phần trường hàng. Đoạn Kinh Văn tiếp theo đây là đoạn Kinh tổng kết.

Chánh Kinh:

Nhĩ thời, Di Lạc Bồ Tát phục bạch Phật ngôn:

Hy hữu Thế Tôn! Đam trước hội náo, nãi hữu như thị vô lượng quá ác.

(Lúc bấy giờ, Di Lạc Bồ Tát lại bạch Phật rằng:

Hy hữu thay, bạch Đức Thế Tôn! Mê đắm ồn náo bèn có vô lượng lỗi ác như thế)

Di Lạc Bồ Tát nghe Đức Phật tuyên thuyết rất cảm khái, bèn thưa: “Tham ái, ưa thích ồn náo có nhiều lỗi ác như thế đó”.

Chánh Kinh:

Thoái thất công đức, vô hữu lợi ích, tăng trưởng phiền não, đọa chư ác thú, viễn ly bạch pháp.

(Lui sụt công đức, chẳng có lợi ích, tăng trưởng phiền não, đọa các đường ác, xa lìa bạch pháp)

“Bạch pháp” là thiện pháp. Kẻ ấy toàn là tạo ác pháp, chẳng phải là thiện pháp.

Chánh Kinh:

Hà hữu Bồ Tát cầu thiện pháp giả, văn thị quá thất, nhi bất nhạo u độc xử nhàn tịnh.

(Có vị Bồ Tát nào cầu thiện pháp, nghe những lỗi ấy, mà chẳng thích ở riêng nơi thanh vắng ư?)

Đây là lời khích lệ chúng ta. Ngài nói có Bồ Tát nào cầu thiện pháp, nghe giảng nhiều lỗi lầm của việc ưa thích ồn náo như thế mà vẫn chẳng chịu buông bỏ chẳng? Vẫn chẳng tìm một nơi an tịnh để tu học hay chẳng?

8.5. Sơ nghiệp Bồ Tát nên quán ngôn luận thế gian có hai mươi lỗi lớn

8.5.a. Trường hàng:

Phần dưới đây nói ngôn luận thế gian có hai mươi lỗi lớn, xin hãy xem Kinh Văn:

Chánh Kinh:

Nhĩ thời, Di Lạc Bồ Tát bạch Phật ngôn:

Thế Tôn! Vân hà danh vi thế thoại trung quá, nhược quán sát thời, Bồ Tát ưng trụ quyết định chi nghĩa. Do quán thị nghĩa, bất sanh nhiệt nã.

(Lúc bấy giờ, Di Lạc Bồ Tát bạch Phật rằng:

Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là lỗi lầm của ngôn luận thế gian để khi Bồ Tát quán sát sẽ trụ vào nghĩa quyết định. Do quán nghĩa ấy, chẳng sanh nhiệt nã).

Lời lẽ thỉnh pháp của Di Lạc Bồ Tát chẳng khó hiểu gì, chỉ e các vị đồng tu nghi hoặc chữ “quyết định nghĩa”. Chữ “quyết định nghĩa” trong câu “Bồ Tát ưng trụ quyết định nghĩa” chỉ sự lý chân thật. Kinh Bát Nhã giảng Thật Tướng của các pháp, hiện thời ta gọi Thật Tướng là chân tướng của nhân sanh vũ trụ. Các vị ấy phải trụ, phải nên trụ trong chân tướng của nhân sanh vũ trụ. Có thể tu học như thế thì mới chẳng sanh phiền nã.

Chánh Kinh:

Phật ngôn:

Di Lặc! Sơ nghiệp Bồ Tát ưng đương quán sát thể thoại quá thất, hữu nhị thập chủng. Nhược quán sát thời, năng linh Bồ Tát trụ quyết định nghĩa; do quán thị nghĩa, bất sanh nhiệt não.

(Phật dạy:

Này Di Lặc! Sơ nghiệp Bồ Tát hãy nên quán sát ngôn luận thể gian có hai mươi thứ lầm lỗi. Như khi quán sát sẽ khiến cho Bồ Tát trụ trong nghĩa quyết định; do quán sát nghĩa ấy, chẳng sanh nhiệt não)

Đây là lời Phật đáp chung cho câu hỏi của Bồ Tát Di Lặc. Đích xác là có thể thực hiện được điều ấy, vấn đề là quý vị phải quán sát, đối với lỗi lầm của ngôn luận thể gian cũng như công đức lợi ích do lìa bỏ ngôn luận thể gian, quý vị phải quán sát thấu triệt, hiểu rõ, quý vị mới trụ được nơi “nghĩa quyết định”, tâm mới an trụ trong Thật Tướng các pháp, mới chẳng sanh phiền não.

Chánh Kinh:

Di Lặc! Vân hà danh vi nhạo u thể thoại nhị thập chủng quá?

(Di Lặc! Thế nào gọi là hai mươi lỗi do ưa thích ngôn luận thể gian?)

“Nhạo” là vui thích, yêu mến. Yêu thích ngôn luận thể gian có hai mươi lỗi, ở đây, Đức Phật sẽ giảng cho chúng ta.

Chánh Kinh:

Nhất giả, tâm sanh kiêu tú, bất kính đa văn.

(Một là tâm sanh kiêu ngạo, phóng túng, chẳng kính đa văn)

Chữ “đa văn” chỉ người nghe nhiều Phật pháp; đối với người học rộng đa văn, họ chẳng hề tôn kính. Vì sao? Nói đơn giản, là vì họ biết pháp thể gian quá nhiều, nhân đấy bèn sanh tâm kiêu mạn, kiêu ngạo, ngạo nghễ, ngã mạn,

dù hàng Tỳ Kheo Bồ Tát xuất gia đọc Kinh sách rất nhiều, họ vẫn coi thường, chẳng thèm để vào mắt chẳng kính đa văn.

Chánh Kinh:

Nhị giả, ư chư tránh luận, đa khởi chấp trước.

(Hai là, hay khởi chấp trước vào các tranh cãi)

Điều này từ xưa đến nay chẳng thể tránh khỏi, tranh chấp rất nhiều! Vì sao có tranh chấp? Vì thành kiến rất sâu.

Chánh Kinh:

Tam giả, thất ư chánh niệm, như lý tác ý.

(Ba là đánh mất chánh niệm, suy nghĩ đúng lý)

Họ khởi tâm động niệm chẳng đúng lý, cũng chẳng như pháp. “Lý” là chân tướng của nhân sanh vũ trụ, chẳng tương ưng với Lý nên gọi là “đánh mất chánh niệm”. Chẳng biết suy nghĩ đúng lý, họ khởi tâm động niệm toàn là sanh phiền não.

Chánh Kinh:

Tứ giả, vi sở bất ưng thân đa tháo động.

(Bốn là làm điều chẳng nên làm, thân hay tháo động)

“Vi” là hành vi, là tạo tác, họ tạo tác những điều chẳng nên làm. Thế nào là những điều chẳng nên làm? Chẳng nên tạo nghiệp tam đồ đấy! Nói đơn giản là như trong nhà Phật thường nói: Chẳng nên làm mười ác nghiệp. “Thân hay tháo động”: Kẻ ấy cứ khăng khăng gây tạo.

Chánh Kinh:

Ngũ giả, tốc tạt cao hạ, hoại ư pháp nhãn.

(Năm là nhanh chóng cao thấp, hư hoại pháp nhãn)

“Cao hạ” ở đây là tâm sanh phân biệt, tâm phân biệt rất mạnh nên sanh ý tưởng cao thấp. Pháp nhẫn chẳng có, chẳng thể nhẫn nại!

Chánh Kinh:

Lục giả, tâm thường cương cường.

(Sáu là tâm thường ương ngạnh).

Tâm ương ngạnh này chướng ngại Thiên Định, chướng ngại trí huệ. Vì thế....

Chánh Kinh:

Thiên Định trí huệ tăng bất huân tu. Thất giả, phi thời nhi ngữ, ngôn luận sở triền.

(Thiên Định, trí huệ chưa từng huân tu. Bảy là nói chẳng đúng thời, bị ngôn luận ràng buộc)

“Phi thời”: Ngôn ngữ có thời tiết, nhân duyên. Vào một lúc nào đó, có những lời chẳng nên nói, họ cứ nói bừa, cứ nói hoài những lời ấy, nên gặp phải rất nhiều chướng nạn; như bây giờ ta thường nói là bị người khác phê bình, bị công kích. Chẳng nên nói những lời nói đấy. Nói năng là cả một nghệ thuật lớn, nhất định phải hiểu rõ thời tiết, nhân duyên. Nơi nào, lúc nào, lời nào chẳng thể nói. Kẻ kia ngu si, chẳng có trí huệ, chẳng nên nói mà cứ nói hoài! Vì thế, bị ngôn luận ràng buộc, tức là bị người khác công kích, phê bình vậy!

Chánh Kinh:

Bát giả, bất năng kiên cố chứng ư thánh trí.

(Tám là chẳng thể kiên cố, chứng thánh trí)

Câu này nói về chứng quả. Đương nhiên đây chẳng phải là việc thuộc khả năng của họ rồi. Chẳng những không thể chứng quả vị sâu, mà quả vị cạn như

Tu Đà Hoàn, họ cũng chẳng thể chứng được. Chẳng những không thể chứng thánh quả, nếu chúng ta quan sát kỹ thì công phu niệm Phật của những người ấy cũng chẳng thể thành một khối được! Nếu người niệm Phật thật sự niệm thành một khối, ắt sẽ nắm chắc Vãng Sanh. Vì vậy, Kinh thường gọi pháp môn Niệm Phật là “đạo dễ hành” (dị hành đạo). “Dị” là dễ dàng! So với những pháp môn khác thì pháp môn này dễ hơn, chứ thật ra, nó cũng chẳng dễ dàng chi! Nói dễ dàng là so với các pháp khác mà nói đấy!

Các pháp môn khác nhất định phải đoạn tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc, chúng đắc quả Tu Đà Hoàn mới tính là thành tựu. Người niệm Phật chúng ta, Vãng Sanh so ra dễ dàng hơn nhiều lắm. Niệm Phật cầu Vãng Sanh, tám mươi phẩm Hoặc chẳng cần phải đoạn một phẩm nào cả! Chẳng đoạn thì làm như thế nào? Quý vị cần phải có năng lực không chế chúng nó, sự không chế ấy gọi là “công phu thành phiền”. Không chế dễ, đoạn mới khó! Cổ nhân đã ví von: “Không chế” như lấy đá đè cỏ, “đoạn” là nhổ cả rễ, khó lắm!

Chúng ta dùng một câu Phật hiệu để chèn ép phiền não, một ý niệm vừa khởi lên, câu A Di Đà Phật liền đè chặt xuống, một ngày từ sáng đến tối hai mươi bốn tiếng đồng hồ chẳng cho tạp niệm khởi lên; nếu quý vị làm được như vậy sẽ nhờ đó mà Vãng Sanh. Chúng ta có thể đè giữ phiền não hay không? Phật hiệu chỉ niệm ở ngoài miệng, vọng niệm vẫn cứ khởi như thường thì vô ích, chẳng thể đè giữ được đâu! Chẳng thể dùng cách niệm như vậy để Vãng Sanh được đâu! Chúng ta phải biết điều này!

Chánh Kinh:

Cửu giả, bất vị thiên, long chi sở cung kính.

(Chín là chẳng được trời, rồng cung kính)

“Thiên long” chỉ hộ pháp thần. Hộ pháp thần chẳng giúp đỡ quý vị đâu à!

Chánh Kinh:

Thập giả, vị biện tài giả thường hoài khinh tiện.

(Mười là bị kẻ biện tài thường ôm lòng khinh rẻ).

Nói thật ra, chẳng phải là người ta thật sự khinh rẻ quý vị đâu nhé; chỉ là người ta tránh xa quý vị, đối với quý vị họ kiêng mặt mà tránh xa! Thật đấy, chẳng phải giả đâu! Chữ “biện tài” chỉ người tu hành công phu đặc lực.

Chánh Kinh:

Thập nhất giả, vị thân chứng giả chi sở ha trách.

(Mười một là bị người thật chứng quả trách)

Chữ “thân chứng” chỉ người thật sự chứng quả. Họ cũng có lúc quả trách quý vị.

Chánh Kinh:

Thập nhị giả, bất trụ chánh tín, thường hoài hối hận.

(Mười hai là chẳng trụ chánh tín, thường ôm lòng hối hận)

Họ chẳng thể sanh khởi chánh tín, tín tâm do dự, có lúc tin, có lúc chẳng tin, vì thế họ thường hay sanh lòng hối hận.

Chánh Kinh:

Thập tam giả, tâm đa nghi hoặc, dao động bất an.

(Mười ba là tâm hay ngờ vực, dao động chẳng yên)

Nguyên nhân đều là do tham đắm duyên thế gian.

Chánh Kinh:

Thập tứ giả, do như xướng kỹ tùy trực âm thanh.

(Mười bốn là giống như đào hát đuổi theo âm thanh).

“Xướng kỹ” là tỷ dụ tâm kẻ ấy bị cảnh chuyển. “Xướng kỹ” nói theo cách bây giờ là diễn viên sân khấu. Diễn viên phải nói theo kịch bản, chứ chẳng do ý mình, tự mình chẳng có chủ kiến gì; xướng ca, múa may mỗi động tác đều phải rập theo phách nhịp. Do người nghe chỉ huy, tự mình chẳng làm chủ được. Ý nghĩa của tỷ dụ này là như thế.

Chánh Kinh:

Thập ngũ giả, nhiễm trước chư dục, tùy cảnh lưu chuyển.

(Mười lăm là nhiễm đắm các dục, xoay chuyển theo cảnh)

Mê đắm ngũ dục, lục trần, nhất định tâm bị cảnh chuyển.

Chánh Kinh:

Thập lục giả, bất quán chân thật, phi báng chánh pháp.

(Mười sáu là chẳng quán chân thật, phi báng chánh pháp)

Quen tu tập tà pháp, gặp chánh pháp chẳng phải là thứ mình quen thuộc, bèn chẳng thể tiếp nhận, xem chánh pháp như tà pháp, coi tà pháp là chánh pháp, việc này trong xã hội hiện tại chúng ta thường thấy rất nhiều.

Chánh Kinh:

Thập thất giả, hữu sở hy cầu, thường bất xứng toại.

(Mười bảy là có mong cầu chi thường chẳng được toại ý)

Trong nhà Phật thường nói: “Trong cửa Phật hữu cầu tất ứng”, mà họ chẳng cầu được! Tâm họ cầu chi cũng chẳng được như nguyện.

Chánh Kinh:

Thập bát giả, kỳ tâm bất điều, vị nhân khí xả.

(Mười tám là tâm họ chẳng điều phục, bị người khác vớt bỏ)

Bởi lẽ tâm họ lăm phiền não, lăm tri kiến tức là lăm ý kiến, rất khó hòa đồng với đại chúng. Chẳng thể hòa hợp với đại chúng, đương nhiên họ sẽ bị các đoàn thể khai trừ.

Chánh Kinh:

Thập cửu giả, bất tri pháp giới, tùy thuận ác hữu.

(Mười chín là chẳng biết pháp giới, tùy thuận bạn ác)

Đối với những lý luận, sự thật của mười pháp giới, kẻ ấy đều chẳng biết gì, đó gọi là mê hoặc điên đảo đấy! Vì thế, kẻ ấy chẳng có tâm xuất ly, cũng chẳng biết phương pháp xuất ly. “Tùy thuận bạn ác”: Họ toàn giao du với kẻ ngu si, kẻ lừa nhác, đều là bạn làm ác.

Chánh Kinh:

Nhị thập giả, bất liễu chư căn, hệ thuộc phiền não.

(Hai mươi là các căn chẳng giải thoát, bị phụ thuộc chặt chẽ vào phiền não)

“Chư căn” chỉ chung sáu căn: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Mỗi một căn đều dính chặt với phiền não, chẳng có biện pháp nào để thoát khỏi phiền não. Cuộc sống như vậy khổ sở phi thường, quả báo đương nhiên chẳng thể tưởng tượng nổi.

Chánh Kinh:

Di Lặc! Thị vi Bồ Tát nhạo u thể thoại nhị thập chủng quá.

(Này Di Lặc! Đó là hai mươi lỗi do ưa thích ngôn luận thế gian của Bồ Tát)

Nói thật ra, ưa thích ngôn luận thế gian có vô lượng vô biên làm lỗi Thế Tôn quy nạp vô lượng vô biên làm lỗi ấy thành hai mươi loại lớn, nói đại lược cho chúng ta nghe.

8.5.b. Trùng tụng:**Chánh Kinh:****Nhĩ thời, Thế Tôn trùng thuyết kệ ngôn:****(Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn nhắc lại bằng kệ như sau)****Dưới đây, tổng cộng là hai mươi một bài kệ, đều thuộc vào phần Trùng Tụng.****Chánh Kinh:****Kiêu ngạo ư đa văn,****Chấp trước chư tránh luận,****Thất niệm, bất chánh tri,****Thị danh thế thoại quá.****(Kiêu ngạo với đa văn,****Chấp trước các tranh cãi,****Mất niệm, không chánh tri,****Gọi là lỗi thế thoại)**

Câu thứ nhất trùng tụng ý: “Tâm sanh kiêu mạn, chẳng kính đa văn”. Câu thứ hai trùng tụng ý: “Hay khởi lên chấp trước đối với các thứ tranh cãi”. Câu thứ ba nhắc lại lỗi thứ ba trong hai mươi lỗi đã nói ở phần trước: “Thất niệm, bất chánh tri”. Thất niệm là một loại Tùy Phiền Nã. Trong Đại Thừa Bách Pháp Minh Môn Luận có nói phiền nã gồm hai mươi sáu món, trong ấy, có sáu món Căn Bản Phiền Nã, hai mươi món là Tùy Phiền Nã. Tùy Phiền Nã chia ra Đại Tùy, Trung Tùy và Tiểu Tùy. Thất Niệm là một Đại Tùy Phiền Nã.

Thế nào là Thất Niệm? Là đối với chánh pháp thường quên mất, cũng như ta nói trí nhớ chẳng tốt, thường hay quên mất. Trong Kinh Điển, Đức Phật giảng đạo lý, phương pháp tu hành, cảnh giới khế nhập, kẻ ấy thường quên mất, đánh mất chánh tri kiến; những điều này đều liên quan đến việc tham chấp, ưa thích ngôn luận thế gian. Vô minh, phiền não, tập khí là nguyên nhân của hết thảy lầm lỗi. Các lỗi Đức Phật nói trong Kinh này đều có thể gọi là duyên, đã có nhân lại có thêm duyên, quả báo liền hiện, giống như trong Kinh đã nói. Bài kệ thứ hai là:

Chánh Kinh:

Viễn ly chánh tư duy.

(Xa lìa chánh tư duy)

“Chánh tư duy” là một điều trong Bát Chánh Đạo, Kinh Điển Đại Thừa còn thường gọi nó là Chánh Tri Chánh Kiến. Tiêu chuẩn của Chánh Tri Chánh Kiến là gì? Nhất định phải tương ứng với chân tướng sự thật, Kinh Bát Nhã thường nói tới “Thật Tướng của các pháp”, cũng như ta thường nói “chân tướng của nhân sanh vũ trụ”. Có tương ứng với Thật Tướng của các pháp thì mới kể là Chánh Tri Chánh Kiến. Do đây biết rằng chánh tri chánh kiến trong Phật pháp hết sức hợp lý, chẳng phải là đoán mò.

Chánh Kinh:

Thân tâm bất tịch tĩnh.

(Thân tâm chẳng tịch tĩnh).

Tâm rất nhiều vọng niệm, thân lao chao, loạn động. Thân lẫn tâm đều chẳng ngưng lặng được.

Chánh Kinh:

Thoái thất ư pháp nhãn.

(Lui sứt nơi Pháp Nhẫn)

Nói đơn giản là kẻ ấy chẳng có lòng nhẫn nại. Không chỉ chẳng có tâm nhẫn nại học Phật, mà ngay cả trong việc làm, sanh hoạt thường ngày, kẻ ấy cũng không có lòng nhẫn nại. Đây cũng là lỗi hại của việc ưa thích ngôn luận thế gian.

Chánh Kinh:

Kỳ tâm bất điều thuận,

Viễn ly Xa ma tha,

Cập Tỳ bát xá na,

Thị danh thế thoại quá.

(Tâm họ chẳng điều thuận,

Xa lia pháp tu Chỉ,

Cùng là pháp tu Quán.

Đó gọi lỗi thế thoại)

Bài kệ thứ ba luận về dụng công. Ngôn ngữ thế gian cũng gây trở ngại rất lớn cho việc dụng công của chúng ta. “Tâm chẳng điều thuận” nghĩa là trong tâm kẻ ấy vọng tưởng, phiền não, tri kiến rất nhiều, công phu tu hành chẳng đắc lực. Xa ma tha và Tỳ bát xá na đều là tiếng Phạn. Xa ma tha (Śamatha) dịch là Chỉ, Tỳ bát xá na (Vipaśyanā) dịch là Quán. Trong Giáo Hạ, thường nói Chỉ Quán là Thiền Định. Thiền (Dhyāna) cũng là tiếng Phạn, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Tĩnh Lự. “Tĩnh” nghĩa là Chỉ, “Lự” nghĩa là Quán. Dù thấy dù chữ dùng để phiên dịch sai khác, nhưng xét về mặt ý nghĩa, cảnh giới thì hoàn toàn tương đồng. Vì thế, hai câu này bao gồm hết thấy pháp môn trong Phật pháp, tất cả phương pháp tu hành đều gom về hai loại lớn này.

Ta gọi Chỉ là “phóng hạ” (buông xuống); nếu quý vị đem thân, tâm, Thế Giới, hết thảy vọng tưởng, phân biệt, chấp trước buông hết cả xuống, bắt đầu từ đó thì gọi là “Xa ma tha”. Còn nếu quý vị từ “khán phá” (thấy thấu suốt thể tánh của mọi pháp), Tỳ bát xá na là khán phá. Khán phá là thấy rõ ràng sự thật chân tướng, hoàn toàn hiểu rõ, thông đạt, tâm bèn thanh tịnh; từ đó mà nhập đạo thì gọi là “Tỳ bát xá na”. Vì thế, nhập Bát Nhị pháp môn, quy nạp lại chẳng ngoài hai phương pháp: Một là Khán Phá, hai là Phóng Hạ. Người ưa thích ngôn luận thế gian, bị trở ngại nơi dụng công tu tập, “xa lìa Xa ma tha”, Chỉ lẫn Quán đều chẳng thể thành tựu.

Chúng ta niệm Phật, chư vị đồng tu phải biết: Người có thể niệm Phật thì một câu Phật hiệu là Chỉ lẫn Quán. Trong ấy vừa có Chỉ vừa có Quán. Lúc niệm Phật buông xuống vạn duyên, sự gì cũng chẳng nghĩ tới, đó là Chỉ đấy! Hết thảy vọng niệm đều ngưng lặng, đều buông xuống, một câu sáu chữ hồng danh rành mạch, phân minh, minh bạch, rõ ràng, đó là Quán. Trong Đại Tập Kinh, Đức Thế Tôn có dạy chúng ta như sau: “Niệm Phật là vô thượng thâm diệu thiên”, là do đạo lý này. Vì thế nếu quý vị thật thà niệm Phật, chẳng cần phải tu tham Thiên; niệm Phật là vô thượng thâm diệu Thiên, một câu Phật hiệu có đủ Xa ma tha lẫn Tỳ bát xá na!

Tiếp theo là bài kệ thứ tư cho biết ngay trong cuộc sống, cũng nảy sinh rất nhiều vấn đề.

Chánh Kinh:

Bất tôn kính sư trưởng,

Ái nhạo u thế luận,

Trí huệ bất kiên cố,

Thị danh thế thoại quá.

(Chẳng tôn kính sư trưởng,
 Yêu thích lời thế gian,
 Trí huệ chẳng vững vàng,
 Đó gọi lỗi thế thoại)

Chữ “sư trưởng” ở đây chỉ các vị thầy dạy chúng ta học Phật pháp, chứ chẳng phải là bậc sư trưởng trong thế gian. Bậc sư trưởng thế gian chẳng dạy ta liễu sanh tử, xuất tam giới; sư trưởng ở đây chỉ vị thầy dạy liễu thoát sanh tử, siêu thoát luân hồi. Do vì quý vị ưa thích ngôn luận thế gian, đương nhiên quý vị quên mất sự nghiệp tu đạo, hoặc tối thiểu cũng là tu tập qua quýt, chẳng sót sáng thực hành; đó là chẳng kính sư trưởng. Bởi lẽ, sư trưởng chẳng cần ta phải thường phụng dưỡng, cung kính; tôn kính sư trưởng chẳng có nghĩa như vậy. Thế nào là tôn kính sư trưởng? Ý giáo phụng hành mới là tôn kính chân chánh. “Trí huệ chẳng vững vàng”, đây là đạo lý nhất định. Trí huệ chân thật sanh khởi từ tâm thanh tịnh. Tâm quý vị chẳng thanh tịnh làm sao có trí huệ?
 Bài kệ thứ năm là:

Chánh Kinh:

Chư thiên bất cung kính,
 Long thần diệc phục nhiên,
 Thoái thất ư biện tài,
 Thị danh thế thoại quá.

(Chư thiên chẳng cung kính,
 Long thần cũng giống vậy,
 Biện tài bị lui sụt,
 Đó gọi lỗi thế thoại)

Quý vị chẳng được hộ pháp thiện thần bảo vệ, giúp đỡ. Dẫu có biện tài thì biện tài ấy cũng bị lui sụt. Bài kệ thứ sáu:

Chánh Kinh:

Thánh giả thường ha trách,

Như thị đăm trước nhân,

Đường quyền ư thọ mạng,

Thị danh thế thoại quá.

(Bậc thánh thường quở trách,

Kẻ đăm nhiệm như thế,

Để phí uổng thọ mạng,

Đó gọi lỗi thế thoại)

“Thánh giả” là người tu hành chứng quả. Họ trông thấy quý vị, cảm thấy oán tiếc vô cùng cho quý vị. Phải hiểu rằng: Trong vô lượng kiếp, được làm thân người, được nghe Phật pháp, thật vô cùng khó khăn. Trong Phật pháp, khó nhất là được nghe pháp môn Tịnh Độ, thật là hy hữu khôn sánh. Vì sao? Nếu như quý vị tin tưởng sâu xa pháp môn này chẳng nghi ngờ, y giáo phụng hành, bảo đảm trong một đời quý vị sẽ được giải thoát!

Quý vị tu học các pháp môn khác, chưa chắc được vậy đâu! Vì sao? Tu các pháp môn khác phải đoạn Kiến Tư phiền não. Đoạn Kiến Tư phiền não nào phải chuyện dễ dàng. Pháp môn này chẳng cần đoạn phiền não, gọi là “đới nghiệp Vãng Sanh”, cốt sao quý vị tin tưởng, phát nguyện, chịu niệm Phật, quý vị sẽ thành công. Bởi thế, pháp môn này gọi là Đạo Dễ Hành.

Trong hết thấy pháp Đại Thừa, pháp này dễ tu học nhất, dễ thành tựu nhất. Bởi thế, nó là pháp môn hy hữu khó gặp. Gặp được pháp môn này mà

vẫn lười nhác, vẫn chảnh buông pháp thế gian xuống đờc, thật đáng tiếc thay! “Thánh giả” quở trách là vì vậy. Trong câu “đường quyền ư thọ mạng”, “đường quyền” là lãng phí. Quý vị bỏ phí thời gian quý báu của một đời này, chẳng dùng vào đạo nghiệp, thật đáng tiếc phi thường!

Chánh Kinh:

Chư hạnh giai khiếm giảm,

Viễn ly đại Bồ Đề,

Mạng chung sanh ưu khổ,

Thị danh thế thoại quá.

(Các hạnh đều khuyết giảm,

Xa lìa đại Bồ Đề,

Mạng dứt sanh lo khổ,

Đó gọi lỗi thế thoại)

Chữ “chư hạnh” chỉ sự tu hành của người đó. Chúng ta phải hiểu thật rõ ý nghĩa của hai chữ “tu hành”. Phải vận dụng công phu tu học của chính mình vào trong sanh hoạt thường nhật, vào công việc, vào sự giao tiếp thông thường, thì mới gọi là “thật sự đắc lực”, chân chánh đạt được lợi ích thù thắng nơi Phật pháp. Đây cũng chính là điều tiên sinh Phương Đông Mỹ trong quá khứ thường gọi là sự hưởng thụ tối cao trong đời người vậy! Quý vị thật sự hưởng thụ đờc.

“Các hạnh đều khuyết giảm” nghĩa là dù quý vị dụng công, cũng chẳng thể áp dụng vào sanh hoạt thường nhật đờc; trong công việc sanh sống hằng ngày, xử thế, đãi người, tiếp vật toàn là phiền não, vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Nói cách khác, quý vị sử dụng công phu trật khớp đối với cuộc sống.

Câu này có nghĩa như thế đó. “Xa lìa đại Bồ Đề”: Trong cuộc sống chẳng thể đạt lợi ích, nếu muốn chúng Bồ Đề Niết Bàn thì đương nhiên là càng mờ mịt, chẳng có hy vọng gì. “Mạng dứt sanh lo khổ”, chữ “lo khổ” chỉ ba ác đạo. Đây cũng là do ngôn luận thế gian khiến cho công hạnh của chúng ta bị lỡ làng.

Chánh Kinh:

Nghi hoặc tâm động dao,

Do như phong xuy thảo,

Trí huệ bất kiên cố,

Thị danh thế hoại quá.

(Tâm ngờ vực lay động,

Như gió thổi rạp cỏ,

Trí huệ chẳng vững vàng.

Đó gọi lỗi thế hoại)

Người nói nhiều chuyện thế gian, đắm chấp tranh luận thế gian, đối với những điều được nói trong Kinh Điển nhà Phật, dù lý luận, cảnh giới có hay đến đâu, kẻ ấy thường sanh tâm ngờ vực. Vì thế, tâm kẻ ấy bất định, lúc tin, lúc ngờ, lòng tin dao động, tín tâm chẳng thanh tịnh. “Gió thổi cỏ” là tỷ dụ, mang ý nghĩa bất định, đương nhiên trí huệ chẳng vững vàng. Bài kệ tiếp sau là tỷ dụ.

Chánh Kinh:

Thí như xướng kỹ nhân,

Tán thuyết tha dừng kiện,

Bỉ nhân diệc phục nhiên,

Thị danh thế hoại quá.

(Ví như kẻ hát xướng,
Khen người khác hùng mạnh.
Người kia cũng giống thế.
Đó gọi lỗi thể thoại)

“Xướng kỹ nhân” là người biểu diễn, chẳng phải thật; ta thường gọi là người đóng tuồng. Đóng tuồng chứ không phải thật. Trên sân khấu, họ khen ngợi người nọ là “dũng mãnh” thì chỉ là lời nói trên sàn diễn, chứ người biểu diễn có thật sự mạnh mẽ hay chẳng? Chưa hề thấy, họ chỉ diễn vai trò ấy. Giả đấy, chẳng thật đâu! Vì thế, người tu hành ham thích ngôn luận thế gian cũng giống như người đóng tuồng, chẳng thật sự thực hiện! Kẻ ấy giả vờ làm, chứ chẳng làm thật. Ý nghĩa của bài kệ này rất sâu, rất rộng vậy. Chúng ta hãy nghĩ kỹ xem mình học Phật là học thật sự hay chỉ là diễn tuồng thôi? Diễn cho chính mình coi hay là diễn cho người khác coi vậy? Rốt cuộc đều uổng công, thật đáng tiếc quá!

Chánh Kinh:

Tùy trực thể ngữ ngôn,
Nhiễm trước chư dục cảnh,
Thường hành ư tà đạo,
Thị danh thể thoại quá.
(Ruồi theo lời thể gian,
Nhiễm trước các cảnh dục,
Thường hành theo đạo tà,
Đó gọi lỗi thể thoại).

Đây cũng là lỗi hại của ngôn luận thế gian. Ý nghĩa bài kệ này rất dễ hiểu. “Đạo tà”: Những gì chẳng phải do Phật nói, trái nghịch với Phật thì gọi là “đạo tà”.

Chánh Kinh:

Hy cầu tâm bất toại.

(Tâm mong cầu chẳng thỏa)

Có mong cầu nhưng cầu chẳng được, đấy chính là Cầu Bất Đắc Khổ trong Bát Khổ đó!

Chánh Kinh:

Siểm khúc, đa tránh luận.

(Dua vạy, lăm tranh cãi)

Tâm không chánh trực, thích tranh luận.

Chánh Kinh:

Viễn ly ư thánh hạnh,

Thị danh thế thoại quá.

(Xa lìa nơi hạnh thánh,

Đó gọi lỗi thế thoại)

“Thánh hạnh” là Bồ Tát hạnh. Bồ Tát hạnh là sáu Ba La Mật, mười đại nguyện vương. Kẻ ấy hoàn toàn trái nghịch, xa lìa lục độ và mười nguyện vương. Đây cũng là lỗi hại của ngôn luận thế gian.

Chánh Kinh:

Ngu nhân đắc thiểu lợi,

Kỳ tâm thường dao động,

Như viên hầu tháo nhiễu,
 Thị danh thế thoát quá.
 (Kẻ ngu được chút lợi,
 Tâm hẳn thường dao động.
 Như vượn khi lãng xăng,
 Đó gọi lỗi thế thoát)

“Ngu” là ngu si, không có trí huệ. Được chút ít cho là đủ, một chút lợi ích nhỏ nhoi trước mắt liền cho là đủ. Đối với thánh giáo, thậm chí đối với cả Tây Phương Cực Lạc Thế Giới của Tịnh Tông, họ lúc thì tin tưởng, lúc thì hoài nghi: “Phương Tây thật sự có Thế Giới Cực Lạc hay chẳng? Mình niệm Phật, A Di Đà Phật có thật sự đến tiếp dẫn mình hay chẳng?” Nảy sanh mỗi ngờ vực ấy rất phiền. Quý vị đọc Kinh Vô Lượng Thọ sẽ biết ngay! Nghi là chướng ngại lớn nhất đối với Bồ Tát, bởi thế căn bản phiền não là tham, sân, si, mạn, nghi. Nghi ở đây chẳng phải là mỗi nghi thông thường, mà là hoài nghi thánh giáo, là đại phiền não đó nghe! Nó khiến cho đạo nghiệp của kẻ ấy chẳng thể thành tựu, bởi lẽ tâm kẻ đó phập phều. “Viên hầu tháo nhiễu” là tỷ dụ, cũng như nói là “tâm viên ý mã” (tâm như vượn, ý như ngựa).

Chánh Kinh:

Trí huệ đa thoái thất,
 Vô hữu giác ngộ tâm,
 Ngu giả sở nhiếp trì,
 Thị danh thế thoát quá.
 (Trí huệ hay lui sụt,
 Chẳng có tâm giác ngộ,

Bị kẻ ngu nắm giữ,

Đó gọi lỗi thể thoại)

Tự mình thiếu trí huệ, chẳng giác ngộ, thường bị kẻ ngu bốn cột, nắm giữ, không chế.

Chánh Kinh:

Mê hoặc ư nhãn nhĩ,

Nãi chí ý diệc nhiên,

Thường dữ phiền não câu,

Thị danh thể thoại quá.

(Mắt, tai bị mê hoặc,

Cho đến ý cũng thể,

Thường chung dụng phiền não,

Đó gọi lỗi thể gian)

Đây là sáu căn mê hoặc; mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý khởi lên công dụng đều tương ứng với phiền não, đó cũng là lỗi của ngôn luận thể gian.

Chánh Kinh:

Ngu nhân nhạo thể thoại,

Tận thọ thường không quá,

Bất như tư nhất nghĩa,

Hoạch lợi vô hữu biên.

(Kẻ ngu ưa thể thoại,

Trọn đời để luống qua,

Chẳng bằng nghĩ một nghĩa,

Được lợi chẳng ngần mé)

Trong bài kệ thứ mười lăm này, Đức Thế Tôn vừa chỉ dạy vừa khuyên bảo chúng ta. Những ai ham thích “thế thoát”? Chữ “thế thoát” quý vị cần phải nhớ kỹ, phần trên tôi đã nói qua rồi, phạm vi của chữ này hết sức rộng; phàm hết thấy ngôn luận chẳng thể giúp quý vị vượt thoát lục đạo luân hồi đều gọi là “thế thoát”. Do đó biết rằng: Người ham thích thế thoát nhiều lắm! Những văn gia trứ danh trong lịch sử đều là những nhân vật đại biểu cho hạng người ưa thích thế thoát.

Chúng tôi nhớ trong quá khứ, khi Đại Sư Huệ Viễn lập Liên Xã ở Lô Sơn mời những người chí đồng đạo hợp nhóm lại để niệm Phật cộng tu; khi đó, có đại văn học gia Tạ Linh Vận muốn dự vào liên xã liền bị Đại Sư Huệ Viễn cự tuyệt. Vì sao Đại Sư Huệ Viễn cự tuyệt? Vì ông Tạ ưa thích văn chương, làm thơ, đó đều là thế thoát. Ông ta có sở thích như thế sẽ làm ảnh hưởng đến tâm thanh tịnh của những người khác. Những người khác ngày ngày niệm Kinh, niệm Phật, ông ta ở nơi đó ngâm thơ, viết văn, thì tu hành làm sao được? Đây là ngu si, chẳng phải thông minh đâu nhé! Ngu si là gì? Là chẳng biết sự luân hồi lục đạo đấy!

Người có trí huệ nghĩ mọi cách để vượt thoát lục đạo luân hồi. “Trợn đời để luống qua”: Trợn cả đời này bỏ uổng. “Chẳng bằng nghĩ một nghĩa”: Nói đơn giản, câu này hàm nghĩa: Những kẻ ấy chẳng bằng bà cụ già chẳng biết lấy một chữ nhưng niệm một câu A Di Đà Phật, ngay cả câu A Di Đà Phật bà cụ cũng chẳng hiểu, nhưng bà cụ cũng chẳng quan tâm, cứ niệm mãi một câu A Di Đà Phật, niệm ba năm, năm năm, bà cụ thành công, biết trước lúc mất, đứng yên Vãng Sanh. Đây gọi là người có trí huệ, người thông minh, người như vậy chẳng phải là kẻ ngu đâu nhé! “Được lợi không ngần mé”: Sanh về

Tây Phương Cực Lạc Thế Giới bèn thành Phật, bèn thành Bồ Tát, lợi ích như thế Phật còn chẳng nói rõ được, chẳng thể nói cùng tận được.

Chánh Kinh:

Thí như cam giá vị,

Tuy bất ly bì tiết,

Diệc bất tùng bì tiết,

Nhi đắc ư thắng vị.

(Ví như vị cây mía,

Tuy chẳng lìa vỏ, đốt;

Cũng chẳng từ vỏ, đốt,

Mà được vị thù thắng)

Ở đây, Đức Phật lại nêu một tỷ dụ. Ví như ăn mía. Ba ngàn năm trước chỉ ở Ấn Độ mới có mía, còn chúng ta hiện thời cũng có, mía là thứ mọi người thường thích ăn. Vị mía rất ngọt; vị ngọt ấy chẳng tách rời khỏi vỏ mía hay đốt mía, nhưng cũng chẳng phát sanh từ vỏ mía hay đốt mía. Quý vị suy nghĩ kỹ điều này sẽ nhận hiểu, sẽ hiểu được ý vị ấy. Tiếp theo là diễn giải về mặt pháp của tỷ dụ trên đây.

Chánh Kinh:

Bì tiết như thế thoại,

Nghĩa lý do thắng vị,

Thị cố xả hư ngôn,

Tư duy ư thật nghĩa.

(Vỏ, đốt như thế thoại,

Nghĩa lý như vị ngon,

Vì thế, bỏ lời rỗng,

Suy nghĩ nghĩa chân thật)

Đạo lý này rất sâu. Vì thế, trước hết Phật phải nói tỷ dụ: Thế thoại giống như vỏ và đốt của cây mía. Chúng ta có cần thế thoại hay không? Cần chứ, chẳng thế rời là thế thoại được. Người với người giao tiếp nhau, phải dùng đến ngôn ngữ. Đòi trước truyền đạt ý tưởng cho đòi sau, hiện tại chúng ta muốn truyền đạt cho người đòi sau, tức là lưu lại lịch sử, cũng phải dựa vào văn tự! Ngày nay chúng ta đọc Kinh Phật, Kinh Phật là văn tự, lời Đức Phật nói từ ba ngàn năm trước, bây giờ chúng ta đọc đến hiểu được ý Phật, đều là thuộc thế thoại cả! Do vậy, thế thoại có công dụng, nhưng chẳng được chấp trước, chẳng được tham ái. Tham ái và chấp trước đều sai cả!

Chúng ta cần phải hiểu rõ nghĩa lý của thế thoại, nghĩa lý ấy giống như vị ngọt của cây mía. Thế thoại dù là ngôn ngữ hay văn tự đều giống như vỏ, đốt cây mía. Chúng ta nhai xong nhổ ra, bỏ đi, hưởng mùi vị của nó thôi! “Vì thế, bỏ lời rỗng”: Quý vị phải hiểu như thế này, chẳng phải là không cần đến thế thoại, cứ dùng nó nhưng chẳng chấp trước nó là được! Vì thế quý vị phải biết “suy nghĩ nghĩa chân thật”, từ ngôn ngữ, văn tự của Kinh Điển mà thấu hiểu chân tướng của nhân sanh vũ trụ, đấy là điều Đức Phật muốn dạy chúng ta.

Chánh Kinh:

Trí huệ Chư Bồ Tát,

Năng tri thế thoại quá.

(Các Bồ Tát trí huệ,

Biết lỗi của thế thoại)

Những vị Bồ Tát có trí huệ đều biết lỗi hại của việc tham chấp thế thoại. Từ cổ đến nay, các vị Tổ Sư Đại Đức trong nhà Phật để lại cho chúng nhiều trước thuật; trong đó không chỉ là Phật pháp tức là lời giảng giải, số luận của hết thầy Kinh Điển, mà ngoài ra các ngài cũng lưu lại rất nhiều văn chương, thi từ. Vậy các ngài có tham chấp thế thoại hay không? Không! Nếu là không, tại sao các ngài trước tác những thứ đó? Các ngài có năng lực làm như thế chứ không có ý học; nếu quyết ý học là sai mất rồi. Chúng ta phải quyết ý học đạo mà thôi, làm sao có thể học những thứ đó cho được?

Các ngài có thiên phú ấy, ta hay nói là thiên tài. Các ngài vừa tiếp xúc liền biết, chẳng những biết mà còn biết rất cao minh nữa kia. Các ngài bèn dùng những thứ đó để làm Phật sự, để tiếp dẫn chúng sanh, kết duyên với đại chúng. Như Hoàng Nhất Đại Sư trong thời cận đại, thế ngữ, thế thoại đều là những điều Ngài đã học trước khi học Phật. Ngài thật sự có thiên tài, giỏi thư pháp, hội họa cũng giỏi. Ngài viết đẹp, vẽ khéo, làm thơ, điêu khắc vàng, đá cũng giỏi, những nghệ thuật thế gian như thế Ngài rất tinh tường. Ngài dùng những tài khéo ấy để làm Phật sự, để làm phương tiện tiếp dẫn chúng sanh. Chúng ta chẳng có thiên tài nên chẳng cần phải cố ý học những thứ ấy, học những thứ ấy là phạm lỗi rồi đấy! Nếu quý vị có năng lực như thế thì cứ việc, còn không có năng lực thì bắt tất phải học.

Ấn Quang Đại Sư rất chất phác; Ấn Quang Đại Sư viết rất nhiều, quý vị xem kỹ đi: Ngài hoàn toàn chẳng phải là một bậc thư pháp gia, nhưng chữ Ngài viết rất công phu, nhưng nếu luận về nghệ thuật, Ngài không muốn bàn đến. Quý vị quan sát kỹ: Ngài dốc tinh thần vào từng chữ. Vì thế, lão nhân gia dạy người, chữ chỉ cần viết từng nét, từng nét sao cho đúng quy củ là được, chẳng cần phải đẹp! Ngài chẳng muốn làm một vị thư pháp gia thì cần viết chữ đẹp để làm gì? Viết sao cho đoạn chánh, thẳng thớm, quy củ, chỉnh tề là được.

Ấn Quang Đại Sư nêu tấm gương như thế, chúng ta phải nhận biết. Đấy chính là gương tốt cho người tu học vậy.

Chánh Kinh:

Thường ái nhạo tư duy,

Đệ nhất nghĩa công đức.

(Thường ưa thích tư duy

Công đức Đệ Nhất Nghĩa)

Đệ Nhất Nghĩa là Thật Tướng của các pháp, là Chân Như Bản Tánh, là chân tướng của nhân sanh vũ trụ. Nếu như quý vị vẫn chưa hiểu rõ, tôi xin thưa một cách chất phác cùng các vị như sau, một câu “Nam Mô A Di Đà Phật” là Đệ Nhất Nghĩa. Quý vị cứ thật thà niệm, đem hết tinh thần tập trung vào danh hiệu, niệm mệt bèn nghỉ, nghỉ khỏe rồi lại niệm tiếp, niệm Phật hiệu cho đến khi chẳng có tạp niệm xen lẫn vào đó thì đấy chính là “tư duy Đệ Nhất Nghĩa”. Bởi thế, đọc đến Kinh Văn này mà vẫn chẳng biết thế nào là Đệ Nhất Nghĩa thì phiền lắm đấy.

Chánh Kinh:

Pháp vị cập nghĩa vị,

Giải thoát đệ nhất vị,

Thùy hữu trí huệ giả,

Tâm bất sanh hân nhạo?

(Pháp vị và nghĩa vị,

Vị giải thoát bậc nhất,

Ai là người trí huệ,

Chẳng sanh lòng vui ưa?)

Phật, Bồ Tát vì chúng ta giảng Kinh, thuyết pháp, quý vị nghe xong có chỗ giải ngộ thì đó gọi là “pháp vị”. Cùng một bộ Kinh, quý vị mỗi ngày đọc tụng, mỗi ngày có điều giải ngộ. Phải làm sao mới có thể giải ngộ được? Vì sao chúng ta niệm mỗi ngày mà chẳng giải ngộ gì? Là vì chúng ta dụng tâm không đúng; phải dùng cái tâm chân thành, tâm cung kính, tâm thanh tịnh thì mới có ý vị, mới có chỗ giải ngộ.

Quý vị không có chỗ giải ngộ tức là tâm quý vị chẳng chân thành, chẳng cung kính, chẳng thanh tịnh, đọc Kinh Phật chẳng khác gì đọc báo thì làm sao đúng được? Làm sao có chỗ giải ngộ cơ chứ? Tâm chân thành, cung kính, thanh tịnh thì mỗi lần quý vị niệm một biến đều có chỗ giải ngộ. Ngộ sâu cạn, rộng hẹp liên quan rất lớn đối với việc dụng tâm của quý vị. Tâm quý vị càng thanh tịnh thì quý vị ngộ nhập càng sâu, ý nghĩa cũng càng rộng. Đó là pháp vị đầy!

“Nghĩa vị”: “Nghĩa” là ngộ nhập cảnh giới, nghĩa lý. “Vị giải thoát bậc nhất”: “Giải thoát” là khế nhập cảnh giới. Ba nghĩa này, mỗi nghĩa sau càng sâu hơn nghĩa trước, tức là nghĩa càng về sau càng thù thắng hơn nghĩa trước. Nghĩa vị sâu hơn pháp vị, đệ nhất vị lại càng sâu hơn nghĩa vị. Nói chung đối với mọi người chúng ta, người nghiêm túc học Phật thường có thể đạt được pháp vị. Tâm địa thanh tịnh, chân thành đến mức cực điểm thì mới đạt được nghĩa vị. Trong bài kệ khai Kinh, câu “nguyện giải Như Lai chân thật nghĩa” nói đến nghĩa vị, tức là quý vị hiểu rõ ràng đạo lý, nghĩa thú của lời Phật dạy.

“Đệ nhất vị” là quý vị chứng nhập cảnh giới, tức là chứng quả. Nghĩa thứ nhất là nghe nói, nghĩa thứ hai là hiểu rõ, nghĩa thứ ba là nhập cảnh giới. Nhập cảnh giới là vị bậc nhất mà quý vị tự nếm được. “Ai người có trí huệ, chẳng sanh lòng vui ưa?": Ai có trí huệ mà chẳng ưa thích việc này? Vị của thể thoại trọn chẳng thể sánh bằng được! Vị của thể thoại cũng rất nồng. Cũng có loại

thể thoại rất hay, đọc cả trăm lần chẳng chán, nó có sức quyến rũ như thế. Những tác phẩm văn học hay khiến cho người đọc yêu mến chẳng rời tay thì loại thể thoại ấy cũng có pháp vị, nhưng chẳng có nghĩa vị và đệ nhất vị. Nó cũng có pháp vị, nhưng đương nhiên là chẳng nồng đậm như trong Phật pháp.

Chánh Kinh:

Thị cố ưng khí xả,

Vô lợi chư ngôn thoại.

(Vì thế, nên vứt bỏ,

Những lời lẽ vô ích)

Đối với chúng ta, chúng chẳng có lợi ích chân thật. Đoạn phiền não, khai trí huệ, liễu sanh tử, thoát tam giới, đây mới là lợi ích chân thật. Phàm tất cả những gì không có những lợi ích ấy, chúng ta đều phải nên xa lìa.

Chánh Kinh:

Thường nhạo cần tư duy,

Thù thắng đệ nhất nghĩa.

(Thường thích siêng suy nghĩ,

Nghĩa thù thắng bậc nhất)

Đệ Nhất Nghĩa thường được nói tới trong Đại Thừa Phật pháp là Bồ Đề Niết Bàn, còn gọi là Nhất Chân Pháp Giới. Đây chính là Đệ Nhất Nghĩa chân thật, Đệ Nhất Nghĩa thù thắng.

Chánh Kinh:

Như thị đệ nhất pháp,

Chư Phật sở tán thán,

Thị cố minh trí nhân,
 Thường nhạo cần tu tập.
 (Pháp bậc nhất như thế,
 Được Chư Phật khen ngợi,
 Vì thế, người trí sáng,
 Thường thích siêng tu tập)

Pháp được hết thầy Chư Phật Như Lai khen ngợi chính là đại Bồ Đề, đại Niết Bàn, Chư Phật Như Lai đã chứng đắc pháp ấy. Hy vọng hết thầy Bồ Tát nỗ lực tinh tấn, cũng mau chóng chứng đắc. Đây là nguyện vọng Phật dạy cho chúng sanh.

Chánh Kinh:

Nhĩ thời, Di Lạc Bồ Tát phục bạch Phật ngôn:

Hy hữu Thế Tôn nãi năng thiện thuyết thế thoại quá thất, tư duy thắng nghĩa lợi ích công đức.

(Lúc bấy giờ, Di Lạc Bồ Tát lại bạch Phật rằng:

Bạch Thế Tôn! Hy hữu thay, Ngài có thể khéo nói lỗi lầm của ngôn luận thế gian và lợi ích công đức của việc tư duy nghĩa lý thù thắng)

Đây là lời Bồ Tát Di Lạc tán thán Đức Phật.

Chánh Kinh:

Thế Tôn! Hà hữu Bồ Tát cầu ư Như Lai chân thật trí huệ, nhi phục nhạo ư hư cuồng thế thoại.

(Bạch Thế Tôn! Há có Bồ Tát nào cầu trí huệ chân thật của Như Lai mà lại thích những ngôn luận thế gian hư dối ư?)

“Hà hữu Bồ Tát” nghĩa là có Bồ Tát nào hay không? Nếu như Bồ Tát chân chánh cầu chân thật trí huệ nơi tự tánh, thì vị ấy lẽ nào lại ưa thích những ngôn luận thế gian, học thuật thế gian như thế chẳng? Đương nhiên vị ấy sẽ vứt bỏ, bởi lẽ, ưa thích ngôn luận thế gian, học thuật thế gian sẽ chẳng thể siêu thoát tam giới. Những lời răn dạy này của Đức Thế Tôn đều là những lời răn dạy chân thật, thánh hiền thế gian chẳng thể nói được, chúng ta phải chú tâm thấu hiểu.

Lược Giảng Kinh Phát Khởi Bồ Tát Thù Thắng Chí Nhạo.

HẾT PHẦN 3